

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2015

BÙI BÍCH NGỌC

**LUẬN VĂN THẠC SĨ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

Hải Phòng - 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

BÙI BÍCH NGỌC

GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ THUẾ
XUẤT NHẬP KHẨU TẠI CHI CỤC HẢI QUAN CỬA
KHẨU CẢNG HẢI PHÒNG KV3

LUẬN VĂN THẠC SĨ
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
MÃ SỐ: 60 34 01 02

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
GS. TS. Nguyễn Văn Song

Hải Phòng – 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan: Luận văn này là công trình nghiên cứu thực sự của cá nhân, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của GS.TS. Nguyễn Văn Song.

Các số liệu, những kết luận nghiên cứu được trình bày trong luận văn này trung thực và chưa từng được công bố dưới bất kỳ hình thức nào.

Tôi xin chịu trách nhiệm về nghiên cứu của mình.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2018

Học viên

Bùi Bích Ngọc

LỜI CẢM ƠN

Luận văn tốt nghiệp được hoàn thành tại trường Đại học Dân lập Hải Phòng. Có được bản luận văn tốt nghiệp này em xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành và sâu sắc tới trường đại học Dân lập Hải Phòng, đặc biệt là GS.TS. Nguyễn Văn Song đã trực tiếp hướng dẫn, dìu dắt em với những chỉ dẫn khoa học quý giá trong suốt quá trình triển khai, nghiên cứu và hoàn thành đề tài “***Giải pháp tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3***”

Xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo đã trực tiếp giảng dạy truyền đạt những kiến thức khoa học chuyên ngành Quản trị kinh doanh cho bản thân em trong suốt hai năm học qua.

Xin gửi tới ban lãnh đạo, các phòng ban của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp em thu thập các số liệu cũng như các tài liệu cần thiết liên quan đến đề tài tốt nghiệp.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn các đơn vị và cá nhân đó hết lòng quan tâm giúp đỡ, rất mong được sự đóng góp quý báu của các thầy cô để em có thể hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn

Hải Phòng, ngày 15 tháng 9 năm 2018

Học viên

Bùi Bích Ngọc

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	2
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC SƠ ĐỒ	vii
DANH MỤC BẢNG	viii
DANH MỤC BIỂU ĐỒ	x
PHẦN I. MỞ ĐẦU	1
1.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2. Mục tiêu nghiên cứu	2
1.2.1. Mục tiêu chung	Error! Bookmark not defined.
1.2.2. Mục tiêu cụ thể	Error! Bookmark not defined.
1.3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu	3
1.3.1. Đối tượng nghiên cứu	3
1.4. Phương pháp nghiên cứu	3
1.5. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài	4
PHẦN 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN	6
2.1. Thuế xuất nhập khẩu	6
2.1.1. Khái niệm thuế xuất nhập khẩu	6
2.1.2. Đặc điểm của thuế xuất nhập khẩu	9
2.2. Vai trò của thuế xuất nhập khẩu	10
2.3. Quản lý thuế xuất nhập khẩu	15
2.3.1. Khái niệm	15
2.3.2. Chủ thể quản lý thuế xuất nhập khẩu	16
2.3.3. Các nội dung quản lý thuế xuất nhập khẩu	17
2.4. Tiêu chí đánh giá quản lý thuế xuất nhập khẩu	34
2.4.1. Các tiêu chí định tính	34
2.4.2. Các tiêu chí định lượng	35
2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu	35

2.5.1. Nhân tố chủ quan.....	35
2.5.2. Nhóm nhân tố khách quan.....	37
2.6. Cơ sở thực tiễn của đề tài.	42
2.6.1. Kinh nghiệm quản lý thuế xuất nhập khẩu ở một số nước.....	42
2.6.2. Bài học cho Việt Nam.	42
PHẦN III. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU.....	
3.1. Giới thiệu về Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III.....	46
3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	46
3.1.2. Cơ cấu tổ chức.....	47
3.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	49
3.2. Phương pháp nghiên cứu.....	51
3.2.1. Nguồn số liệu.....	51
3.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.....	51
3.2.3. Hệ thống chỉ tiêu phân tích và xử lý số liệu.	53
PHẦN IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN.....	
4.1. Thực trạng thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	55
4.2. Thực trạng quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	60
4.2.1. Thực trạng tổ chức đăng ký, khai thuế.....	60
4.2.2. Quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế.....	67
4.2.3. Kiểm tra căn cứ tính thuế.....	68
4.2.4. Tổ chức thu, nộp thuế.....	74
4.2.5. Giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt.....	80
4.2.6. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế.....	83
4.3. Khảo sát thực trạng quản lý thuế xuất nhập khẩu.....	88
4.3.1. Khảo sát thực trạng tại doanh nghiệp.....	88
4.3.2. Khảo sát thực trạng tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	91

4.4.	Đánh giá công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3	95
4.4.1.	Những thành công	95
4.4.2.	Hạn chế và nguyên nhân	98
4.5.	Một số giải pháp tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3	101
4.5.1.	Phương hướng hoàn thiện quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu	101
4.5.2.	Một số giải pháp tăng cường quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3	105
PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....		117
5.1.	Kết luận.....	117
5.2	Kiến nghị.	118
5.2.1.	Kiến nghị với Bộ Tài chính.....	121
5.2.2.	Kiến nghị với Tổng cục Hải quan.....	124
5.2.3.	Kiến nghị đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Cục Thuế, Công an thành phố Hải Phòng	125
TÀI LIỆU THAM KHẢO		126

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Giải thích
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
C/O	Giấy chứng nhận xuất xứ
DN	Doanh nghiệp
FTA	Khu vực tự do thương mại
GTGT	Giá trị gia tăng
GATT	Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
HQCK	Hải quan cửa khẩu
HS	Mã số hàng hóa
KCN	Khu công nghiệp
KTSTQ	Kiểm tra sau thông quan
KV3	Khu vực 3
NĐ	Nghị định
NHTM	Ngân hàng thương mại
NSNN	Ngân sách nhà nước
NK	Nhập khẩu
QĐ	Quyết định
QLRR	Quản lý rủi ro
SXXK	Sản xuất xuất khẩu
TCHQ	Tổng cục Hải quan
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
TK	Tờ khai
WCO	Tổ chức hải quan thế giới
XNK	Xuất nhập khẩu
XK	Xuất khẩu

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Hình 2.1. Sơ đồ quản lý khai thuế.....	19
Hình 2.2. Sơ đồ tiếp nhận khai báo thuế của doanh nghiệp	20
Hình 2.3. Quy trình quản lý nộp thuế của Cơ quan Hải quan	21
Hình 2.4. Quy trình miễn thuế của Cục Hải quan.....	29
Hình 2.5. Quy trình hoàn thuế Cơ quan Hải quan	30
Hình 2.6. Quy trình giảm thuế Cơ quan Hải quan.....	30
Hình 3.1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục hải quan cửa khẩu Hải Phòng khu vực III	48

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1. Bảng tổng hợp thuế xuất nhập khẩu trong Ngân sách nhà nước.....	12
Bảng 4.1. Kim ngạch XNK tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	56
Bảng 4.2: Bảng tổng hợp số thu ngân sách nhà nước của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	58
Bảng 4.3: Bảng thống kê số lượng doanh nghiệp làm thủ tục tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	61
Bảng 4.4. Kết quả xác lập hồ sơ rủi ro, thiết lập tiêu chí	62
Bảng 4.5. Kết quả phân luồng đối với tờ khai xuất nhập khẩu.....	63
Bảng 4.6. Kết quả phát hiện vi phạm đối với tờ khai được phân luồng Đỏ	64
Bảng 4.7: Bảng thống kê số lượng tờ khai tham vấn/chuyển sau thông quan của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	70
Bảng 4.8: Bảng thống kê số lượng tờ khai được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	74
Bảng 4.9: Kết quả thu thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	75
Bảng 4.10: Bảng thống kê số lượng tờ khai nộp thuế ngay và ân hạn tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	78
Bảng 4.11: Tình hình nợ đọng thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	78
Bảng 4.12: Số lượng quyết định cưỡng chế do DN nợ thuế.....	83
Bảng 4.13: Bảng thống kê hoàn thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3..	81
Bảng 4.14: Bảng thống kê ưu đãi thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	82
Bảng 4.15. Số liệu xử lý vi phạm của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II năm 2013-2017	85
Bảng 4.16. Số thuế truy thu thuế XNK qua kiểm tra sau thông quan năm 2013-2017 tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II.....	86
Bảng 4.17: Bảng thống kê số vụ việc khiếu nại tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	87
Bảng 4.18. Đánh giá tình hình nộp thuế xuất nhập khẩu từ các doanh nghiệp....	88

Bảng 4.19. Đánh giá tình hình thu hút thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 từ DN.....	89
Bảng 4.20. Đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng nộp thuế.....	90
Bảng 4.21. Khảo sát thực trạng công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	92

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

Biểu đồ 4.1: Tổng số thu NSNN so với chỉ tiêu được giao	59
Biểu đồ 4.2. Kết quả phân luồng đối với tờ khai xuất nhập khẩu	63
Biểu đồ 4.3: Kết quả phát hiện vi phạm đối với tờ khai được phân luồng Đỏ	64
Biểu đồ 4.4: số lượng tờ khai tham vấn/chuyển sau thông quan của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3	71
Biểu đồ 4.5: Kết quả thu thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.....	76
Biểu đồ 4.6: Tình hình nợ đọng thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 ..	79
Biểu đồ 4.7: Số thuế được hưởng ưu đãi tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.	82

PHẦN I. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Thuế xuất nhập khẩu ra đời là công cụ để quản lý các hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và tạo nguồn thu cho ngân sách Nhà nước. Thuế xuất nhập khẩu là nguồn thu quan trọng của Ngân sách Nhà nước. Do đó, công tác quản lý thuế là một vấn đề cấp thiết.

Tình hình vi phạm và trốn thuế xuất khẩu, nhập khẩu đang ngày càng tinh vi, phức tạp và khó kiểm soát, gây khó khăn cho công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng. Việt Nam đang ngày càng hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới, hoạt động thương mại song phương và đa phương giữa Việt Nam với các nước diễn ra sôi động, cùng với đó là tội phạm và các vi phạm trong lĩnh vực xuất khẩu (XK), nhập khẩu (NK) cũng tăng lên. Nhiều vụ buôn lậu nghiêm trọng, trốn thuế với giá trị lớn; Quy mô hoạt động buôn lậu lớn và có tổ chức liên quan đến nhiều địa bàn của các đơn vị hải quan khác nhau. (Mai Thi Vân Anh, 2014).

Cụ thể, tính đến ngày 15/12/2017, lực lượng kiểm soát Hải quan toàn ngành đã đấu tranh, phát hiện, bắt giữ, xử lý: 15.184 vụ vi phạm pháp luật Hải quan (giảm 1,97% so với cùng kỳ năm 2016); trị giá hàng hóa vi phạm ước tính: gần 790 tỷ đồng (tăng 89,58% so với cùng kỳ năm 2016). Số tiền thu nộp ngân sách nhà nước là gần 335 tỷ đồng (tăng 95% so với cùng kỳ năm 2016). Cơ quan Hải quan đã khởi tố 51 vụ. Chuyển cơ quan khác kiến nghị khởi tố 68 vụ. (Số liệu công tác kiểm soát Hải quan, 2017).

Để cải cách, hiện đại hóa hải quan cũng như đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác quản lý thuế đối với hoạt động xuất, nhập khẩu, đòi hỏi đặt ra đối với ngành Hải quan cần nâng cao hơn nữa năng lực quản lý đối với Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, việc giao thương với các quốc gia khác đem lại nguồn thu quan trọng cho đất nước. Hải quan là một cơ quan Quản lý Nhà nước, có chức năng thực hiện các thủ tục và chính sách về xuất nhập khẩu hàng hóa. Tuy nhiên, không phải lúc nào và đối với mọi quốc gia công tác hải quan đều diễn ra thuận lợi và đạt hiệu quả tối đa. Việt Nam những ngày đầu mở cửa do thiếu kinh nghiệm chúng ta đã làm thất thoát một lượng khá lớn nguồn thu từ thuế kèm theo đó là hệ thống quản lý lỏng lẻo tạo kẽ hở để các đối tượng lách luật. Đặc biệt, khi Việt Nam

cam kết thực hiện Hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực (CEPT) trong khối Khu vực Thương mại Tự do ASEAN (AFTA) thì việc quản lý thuế quan trở nên đặc biệt quan trọng. Dù đã có nhiều sửa đổi trong việc quản lý và quy định cách xác định thuế quan đặc biệt với hàng hóa nhập khẩu nhưng chúng ta chưa thực sự có được hệ thống quản lý chặt chẽ và hiệu quả.

Thành phố cảng Hải Phòng là khu vực cửa khẩu trọng yếu quốc gia, hàng năm lượng hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu thông quan là rất lớn. Hơn 20 năm đổi mới, Cục Hải quan Hải Phòng đã đạt được những thành quả đáng biểu dương trong công tác quản lý thu thuế xuất nhập khẩu, thu nộp ngân sách tăng không ngừng qua các năm, liên tục cải cách thủ tục hành chính và phát triển hệ thống hải quan điện tử. Là một trong chín chi cục trực thuộc Cục Hải Quan Hải Phòng, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III luôn là một trong những chi cục dẫn đầu toàn cục về cả số thuế nộp ngân sách cũng như thành tích trong hoạt động hải quan. Tuy nhiên, Cục Hải Quan Hải Phòng nói chung và chi cục Hải Quan cửa khẩu Hải Phòng Khu Vực III nói riêng vẫn tồn tại một số vướng mắc và những vấn đề chưa hoàn thiện trong công tác quản lý thu thuế, kiểm soát hàng hóa và các thủ tục thông quan.

Xuất phát từ những cơ sở lý luận và thực tiễn việc quản lý thuế xuất nhập khẩu, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quản lý thuế nhập khẩu, tôi mạnh dạn chọn đề tài: “***Giải pháp tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3.***” làm đối tượng nghiên cứu luận văn thạc sĩ của mình với mong muốn đưa ra các giải pháp có căn cứ khoa học và thực tiễn nhằm tăng cường công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu.

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thuế xuất nhập khẩu, những vấn đề lý luận liên quan đến quản lý thuế của Chi cục.

- Thực trạng công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3, tìm hiểu những kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

- Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 như về chất lượng nguồn nhân lực, tại chi cục còn xảy ra lỗi khi thực hiện như lỗi trường truyền, nghẽn mạng,...

- Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

1.3. Đối tượng nghiên cứu và phạm vi nghiên cứu

1.3.1. Đối tượng nghiên cứu

Công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu và các giải pháp tăng cường công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu.

1.3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận văn tập trung nghiên cứu những nội dung cơ bản của công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3 theo cách tiếp cận quy trình thu thuế gồm: quản lý khâu khai báo thuế; quản lý quá trình nộp thuế; quản lý thực hiện chính sách miễn, giảm, hoàn, truy thu thuế; kiểm tra sau thông quan, thanh tra về thuế.

- Về không gian: Nghiên cứu hoạt động công tác thu thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3.

- Về thời gian: Số liệu thu thập, xử lý, phân tích trong giai đoạn từ 2013 - 2017, giải pháp đề xuất cho những năm tiếp theo.

1.4. Phương pháp nghiên cứu

Ngoài phương pháp chung là phương pháp nghiên cứu khoa học, luận văn sử dụng phương pháp so sánh, phương pháp thống kê, phân tích, hệ thống ... để hoàn chỉnh luận văn. Cụ thể là:

Bước 1: Nghiên cứu lý luận về công tác thu thuế xuất nhập khẩu nhằm xác định khung lý thuyết cho quá trình nghiên cứu.

Bước 2: Thu thập dữ liệu về kết quả thu thuế xuất nhập khẩu và công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3.

Bước 3: Tiến hành phân tích thực trạng công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3; Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của điểm yếu trong công tác quản lý thu xuất nhập khẩu.

Bước 4: Đề xuất các giải pháp, kiến nghị nhằm tăng cường công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3.

1.5. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của đề tài

- Hệ thống hóa lý luận về công tác quản lý xuất nhập khẩu.
- Phân tích thực trạng và đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và nguyên nhân của điểm yếu trong công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu trong giai đoạn 2013 – 2017 tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3.

- Đề xuất các biện pháp kiến nghị nhằm tăng cường công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3.

1.6. Tổng quan tài liệu nghiên cứu

Đề tài về quản lý thuế, thu thuế xuất nhập khẩu (XNK) nói chung đã và đang được nhiều tổ chức, cá nhân nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong thời gian qua, các công trình nghiên cứu về thuế và quản lý thuế ở Việt Nam khá đa dạng. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu sâu sắc về quản lý thuế trong điều kiện hội nhập sâu của nền kinh tế Việt Nam như hiện nay còn rất hạn chế hoặc mới chỉ đề cập được đến một khía cạnh hẹp.

- Bùi Thái Quang (2014), Nâng cao năng lực quản lý hải quan đối với thuế xuất, nhập khẩu ở Việt Nam, đăng ngày 12/08/2014, Báo Tổng Cục Hải quan, Luận văn thạc sĩ Kinh tế. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Luận án đã tập trung làm rõ về lý luận mối quan hệ giữa hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế với hoạt động của ngành Hải quan. Đã phân tích, đánh giá các mặt hoạt động của Hải quan Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế: công tác giám sát, quản lý Hải quan; công tác thu thuế xuất nhập khẩu; công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại...

- Nguyễn Thu Hằng (2015), Một số biện pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ, Đại học Hàng Hải Việt Nam. Đề tài đã nghiên cứu các giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu. Đó là các giải pháp: 1) Hoàn thiện các quy định về quản lý thuế, đảm bảo thống nhất, đồng bộ; 2) Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức hải quan đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong điều kiện mới; 3) Tăng cường

công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật hải quan; 4) Xây dựng cơ sở vật chất hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong mọi hoạt động quản lý thuế, đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu.

- Đặng Văn Dũng (2011), Quản lý thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng. Luận văn Thạc sĩ, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh. Đề tài đã nghiên cứu thực trạng và đưa ra các giải pháp tăng cường hoạt động quản lý thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trên địa bàn thành phố Hải Phòng. Các giải pháp được đưa ra trong luận văn là: 1) Tăng cường công tác phổ biến pháp luật cho cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân; 2) Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong mọi mặt hoạt động của cơ quan Hải quan các cấp; 3) Đẩy mạnh công tác phối hợp giữa các cơ quan, ban ngành hữu quan trong công tác quản lý nhà nước về Hải quan trên địa bàn.

- Lục Đức Long (2015), Quản lý thuế xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Cao Bằng, Đại học quốc gia Hà Nội. Đề tài hệ thống hóa cơ sở lý luận về thuế và quản lý thuế ở nước ta cùng những thuận lợi, khó khăn của công tác quản lý thu thuế trong hội nhập quốc tế. Phân tích, đánh giá thực trạng quản lý thu thuế ở Việt Nam giai đoạn 2015.

PHẦN 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1. Thuế xuất nhập khẩu

2.1.1. *Khái niệm thuế xuất nhập khẩu*

Có nhiều cách hiểu khác nhau về thuế xuất nhập khẩu, tùy thuộc vào từng góc độ tiếp cận.

Xét về phương diện kinh tế, thuế xuất nhập khẩu được quan niệm là khoản đóng góp bằng tiền của các tổ chức, cá nhân vào ngân sách nhà nước theo qui định của pháp luật, khi họ có hành vi xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới của một nước. Với cách tiếp cận này, thuế xuất nhập khẩu được quan niệm như là một quan hệ phân phối các nguồn lực tài chính phát sinh giữa các chủ thể là các tổ chức, cá nhân nộp thuế với người thu thuế là nhà nước. Mặt khác, thuế xuất nhập khẩu còn là đòn bẩy kinh tế hay là biện pháp kinh tế để nhà nước điều tiết trực tiếp đối với quá trình sản xuất, tiêu dùng trong phạm vi của mỗi quốc gia và chi phối một cách gián tiếp đối với hoạt động kinh tế trên phạm vi toàn cầu.

Xét về phương diện pháp lý, thuế xuất nhập khẩu có thể hình dung như là quan hệ pháp luật phát sinh giữa nhà nước (người thu thuế) với tổ chức cá nhân (người nộp thuế), về việc tạo lập và thực hiện các quyền, nghĩa vụ pháp lý cho các bên trong quá trình hình thành thu thuế xuất nhập khẩu. Quan hệ pháp luật này phát sinh từ cơ sở pháp lý là đạo luật thuế xuất nhập khẩu do Quốc hội ban hành mà hiệu quả pháp lý chủ yếu của việc áp dụng đạo luật đó trong thực tiễn là làm phát sinh quyền thu thuế cho nhà nước và nghĩa vụ đóng thuế cho các tổ chức, cá nhân người nộp thuế. Việc tiếp cận thuế xuất nhập khẩu ở góc độ pháp lý có nhiều ý nghĩa thiết thực, trước hết là giúp chúng ta nhận rõ hơn bản chất của thuế nói chung và thuế xuất nhập khẩu nói riêng, thực chất là một quyết định hành chính đơn phương của một quốc gia đối với người đóng thuế. Trên cơ sở lý thuyết đó, giúp nhà nước hoạch định và thực thi chính sách thuế xuất nhập khẩu phù hợp với quyền lợi của quốc gia và người đóng thuế, xét trong mối quan hệ lợi ích với các quốc gia khác trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế (Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Thị Liên, 2008).

Theo từ điển Tiếng Việt: “Thuế quan là thuế đánh vào hàng hóa XNK”. Giáo trình thuế của Học viện Tài chính định nghĩa: “Thuế XK, thuế NK là sắc thuế đánh

vào hàng hoá XNK theo quy định của pháp luật Việt Nam”.

Theo từ điển Luật học năm 2006: “Thuế XNK là loại thuế gián thu đánh vào các loại hàng hóa XNK qua biên giới. Đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân có hàng hóa XNK qua biên giới Việt Nam dưới mọi hình thức: mậu dịch chính ngạch, mậu dịch tiểu ngạch và phi mậu dịch (kể cả hàng hóa XNK từ khu chế xuất) trừ hàng hóa vận chuyển quá cảnh hay mượn đường qua biên giới Việt Nam, hàng chuyển cửa khẩu theo quy định của Chính phủ, hàng viện trợ nhân đạo”. Theo Thuật ngữ thương mại: “Thuế quan là một khoản thuế đánh vào hàng hóa di chuyển từ một khu vực hải quan này tới khu vực khác vì mục đích bảo hộ hoặc tăng thu nhập thuế”.

Như vậy, thuế quan là loại thuế gián thu đánh vào hàng hóa XNK khi đi qua lãnh thổ của một quốc gia theo quy định phải chịu thuế. Nó là một yếu tố cấu thành trong giá cả hàng hóa, do các tổ chức, cá nhân XNK hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế đóng góp theo luật định cho Nhà nước. Mức thuế, số thu thuế XNK tùy thuộc vào chính sách ngoại thương của mỗi quốc gia.

Cho đến thời điểm hiện nay, chưa có một khái niệm đồng nhất về thuế xuất nhập khẩu.

Thuế XNK thường có tên gọi chung là thuế quan (Custom duty). Đây là loại thuế mà các nước dùng để đánh vào hàng hóa xuất nhập khẩu tại cửa khẩu nhằm huy động nguồn thu cho ngân sách Nhà nước (NSNN), bảo hộ sản xuất và can thiệp vào quá trình hoạt động ngoại thương, buôn bán trao đổi hàng hóa giữa các quốc gia.

Giáo trình thuế của Học viện Tài chính định nghĩa: Thuế XK, thuế NK là sắc thuế đánh vào hàng hoá XK, NK theo quy định của pháp luật Việt Nam (Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Thị Liên, 2008).

Theo từ điển Kinh tế học (Anh - Việt giải thích): “Thuế nhập khẩu (Import duty) là khoản thuế mà Chính phủ đánh vào sản phẩm nhập khẩu. Thuế nhập khẩu được sử dụng để tăng nguồn thu cho Chính phủ và bảo vệ các ngành sản xuất trong nước khỏi sự cạnh tranh của nước ngoài”

Trên cơ sở nghiên cứu sự ra đời của thuế XK, thuế NK cùng như các quan niệm về thuế XK, thuế NK ở các góc độ nghiên cứu khác nhau, có thể hiểu khái niệm chung về thuế XK, thuế NK như sau: Thuế XNK là một phần thu nhập được tạo ra từ các

hoạt động XNK hàng hoá mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải đóng góp cho Nhà nước theo quy định của Pháp luật thuế XNK nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước.

Thuế xuất nhập khẩu (Import- export duty) là loại thuế gián thu, đánh vào các hàng hóa được phép xuất nhập khẩu qua biên giới Việt Nam. Thuế xuất nhập khẩu đóng vai trò quan trọng trong chính sách ngoại thương của mỗi quốc gia. Đây là công cụ quan trọng trong việc kiểm soát hàng hóa xuất nhập khẩu, tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và bảo hộ sản xuất trong nước. Về mặt lý luận có nhiều phương pháp tính thuế xuất nhập khẩu, mỗi quốc gia có thể lựa chọn cho mình những phương pháp tính thuế thích hợp. Các quốc gia ngoài công cụ thuế quan, còn có thể sử dụng hàng rào phi thuế quan (như hạn ngạch nhập khẩu, tài trợ xuất khẩu, thu chênh lệch giá nhập khẩu, dùng bảng giá tối thiểu để áp dụng hàng nhập khẩu...) để bảo hộ nền sản xuất trong nước (Nguyễn Chi Mai, 2014).

Tuy nhiên, một khi đã tham gia hội nhập kinh tế quốc tế thì về nguyên tắc các rào cản phi thuế quan phải được loại bỏ. Trong tiến trình hội nhập, đòi hỏi các quốc gia phải tuân thủ các nguyên tắc ràng buộc về thuế nhập khẩu và phải xác định lộ trình để thực hiện các cam kết đó. Theo quan điểm của các nhà xuất nhập khẩu thì thuế quan được xem như là một loại chi phí vận chuyển. Nếu việc đánh thuế quan bằng hoặc lớn hơn chênh lệch giá giữa hai thị trường của hai nước thì sẽ không có việc vận chuyển hàng hóa từ nước xuất khẩu đến nước nhập khẩu. Xét trong quá trình vận động của hàng hóa qua cửa khẩu thì thuế quan có 2 loại:

- Thuế xuất khẩu: thuế đánh trên hàng hóa xuất khẩu qua biên giới quốc gia.
- Thuế nhập khẩu: thuế đánh trên hàng hóa nhập khẩu từ thị trường nước ngoài vào thị trường trong nước.

Trong điều kiện nền kinh tế mở, các khái niệm: cửa khẩu, biên giới quốc gia, thị trường trong nước, thị trường nước ngoài,... cần được hiểu theo nghĩa rộng bởi xuất hiện các hình thức kinh tế như khu chế xuất, khu kinh tế mở... được hình thành và hoạt động với các quy chế đặc thù, được hưởng các quyền lợi ưu đãi riêng.

Thuế XNK là một phần thu nhập được tạo ra từ các hoạt động XNK hàng hoá mà các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ phải đóng góp cho Nhà nước theo quy định của

Pháp luật thuế XNK nhằm đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước (Nguyễn Chi Mai, 2014).

2.1.2. Đặc điểm của thuế xuất nhập khẩu

Thuế xuất khẩu, nhập khẩu là loại thuế thu vào hành vi xuất khẩu, nhập khẩu các loại hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam.

Thuế quan gồm hai loại chủ yếu:

Thuế quan tài chính: là loại thuế có mục tiêu tăng thu nhập cho ngân sách quốc gia. Loại này thường sử dụng ở những nước đang phát triển, thuế quan là nguồn thu chủ yếu.

Thuế quan bảo hộ: là loại thuế nhằm mục đích bảo hộ nền sản xuất trong nước, thông qua việc đánh thuế để giảm bớt sức cạnh tranh của hàng NK cùng loại được sản xuất trong nước hoặc một số hàng hóa khác. Thuế quan bảo hộ được chia thành nhiều loại như: thuế tuyệt đối, thuế quan trong hạn ngạch, thuế chống bán phá giá (Nguyễn Chi Mai, 2014).

Thuế XNK mang những đặc điểm của thuế nói chung đó là:

Thứ nhất, thuế chứa đựng các yếu tố kinh tế - xã hội. Điều này được thể hiện ở chỗ thuế XNK là một phần của cải của xã hội, mức huy động thuế XNK vào NSNN phụ thuộc vào mức tăng trưởng kinh tế của đất nước, nhu cầu chi tiêu của Nhà nước và các mục tiêu kinh tế-xã hội của đất nước đặt ra trong mỗi thời kỳ.

Thứ hai, thuế mang tính pháp lý cao. Thuế là khoản đóng góp bắt buộc cho Nhà nước mà không có sự bồi hoàn trực tiếp nào, việc nộp thuế được thể chế bằng pháp luật mà mọi pháp nhân và thể nhân phải tuân theo.

Thứ ba, thuế mang tính quyền lực Nhà nước. Nhà nước là cơ quan duy nhất có quyền đặt ra thuế XNK, các loại thuế khác qua đó để kiểm soát và điều tiết đối với hoạt động XNK hàng hoá, bảo hộ nền sản xuất trong nước và đồng thời để tạo nguồn thu cho NSNN.

Ngoài những đặc điểm chung, thuế XNK còn có đặc điểm riêng là:

Thuế xuất khẩu, nhập khẩu là loại thuế độc lập trong hệ thống pháp luật thuế Việt Nam và các nước trên thế giới.

Tên gọi đạo luật là thuế xuất khẩu, nhập khẩu điều chỉnh loại thuế khác nhau là

thuế xuất khẩu và thuế nhập khẩu.

Mục đích quan trọng của thuế xuất khẩu, nhập khẩu là do yêu cầu bảo hộ nền sản xuất trong nước nhưng không thể áp dụng các biện pháp hành chính (hàng rào phi thuế quan) thì thuế xuất khẩu, nhập khẩu là công cụ hữu hiệu nhất thực hiện được yêu cầu này (Nguyễn Chi Mai, 2014).

Hiện nay, do yêu cầu của nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập quốc tế, nhà nước còn ban hành thêm thuế chống trợ cấp và thuế chống bán phá giá (được ban hành bởi Pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội). Thực chất đây là hai loại thuế bổ sung cho thuế xuất khẩu, nhập khẩu trong những trường hợp có căn cứ cho rằng hàng hoá đó có trợ cấp của nhà nước hoặc có hành vi bán phá giá nhằm mục đích cạnh tranh không lành mạnh.

- Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu là hàng hoá được phép xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới Việt Nam. Chỉ có những hàng hoá được vận chuyển một cách hợp pháp qua biên giới Việt Nam mới là đối tượng chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu.

- Hàng hoá chịu thuế xuất khẩu, nhập khẩu phải là hàng hóa được mang qua biên giới Việt Nam.

Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là loại thuế gián thu, tiền thuế phải nộp cấu thành trong giá cả hàng hoá.

Đối tượng nộp thuế là các tổ chức, cá nhân trực tiếp có hành vi xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá qua biên giới.

Thuế xuất nhập khẩu là một loại thuế ít ổn định. Thu ngân sách từ loại thuế này phụ thuộc nhiều vào cung cầu hàng hóa trên thị trường, vào giá cả hàng hóa quốc tế, vào khả năng kiểm soát nạn buôn lậu và nhất là phụ thuộc vào sự giao lưu liên minh, liên kết và hội nhập kinh tế thế giới.

Thuế xuất nhập khẩu chỉ đánh vào hàng hóa, không đánh vào dịch vụ (Nguyễn Chi Mai, 2014).

2.2. Vai trò của thuế xuất nhập khẩu

Thuế xuất nhập khẩu được sử dụng rộng rãi ở nhiều nước trên thế giới. Nó có vai trò to lớn trong việc điều tiết hoạt động thương mại trao đổi hàng hoá và dịch vụ. Thuế xuất nhập khẩu tác động trực tiếp vào giá cả của hàng hoá, do vậy mà cũng tác

động đến khả năng cạnh tranh của hàng hoá trên thị trường. Hơn nữa tạo cơ hội phát triển cho các mặt hàng thay thế hàng nhập khẩu ở thị trường nội địa đó. Giữa mặt hàng nhập khẩu có thuế đánh cao và mặt hàng nhập khẩu có thuế đánh thấp hơn cũng tạo ra tính cạnh tranh khác nhau cho với mỗi mặt hàng. Như vậy thuế xuất nhập khẩu có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp rất lớn đến hoạt động thương mại nói riêng và sự phát triển kinh tế nói chung. Nhưng có thể tóm tắt các vai trò của thuế xuất nhập khẩu ở: Đóng góp một phần to lớn vào nguồn thu của ngân sách nhà nước. Góp phần bảo hộ và khuyến khích sản xuất trong nước. Góp phần hướng dẫn tiêu dùng. Là công cụ điều tiết hoạt động thương mại (Trần Thu Trang, 2012).

Thứ nhất, Đóng góp phần lớn vào nguồn thu của ngân sách nhà nước.

Nguồn thu ngân sách nhà nước bao gồm các nguồn chính: thu từ nội địa, thu từ dầu thô, thu từ thuế xuất nhập khẩu, thu viện trợ. Trong đó thu thuế xuất nhập khẩu đóng góp một tỷ trọng lớn ảnh hưởng đến quy mô của thu ngân sách nhà nước. Trong cơ cấu thuế, thuế xuất nhập khẩu cũng chiếm một phần quan trọng. Nguyên nhân của thu thuế xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong nguồn thu ngân sách nhà nước là do hoạt động thương mại giữa các quốc gia diễn ra ngày một sôi động, nhu cầu xuất nhập khẩu ngày càng tăng, thuế lại là loại thuế gián thu. Người tiêu dùng gián tiếp đóng thuế thông qua trị giá hàng hóa, do đó mà không cảm thấy gánh nặng về thuế. Chính tâm lý này làm cho nguồn thu từ thuế xuất nhập khẩu là chủ yếu. Trong những năm qua tổng thu ngân sách không ngừng tăng qua các năm. Chúng ta có thể thấy điều đó qua bảng số liệu sau:

Bảng 2.1. Bảng tổng hợp thuế xuất nhập khẩu trong Ngân sách nhà nước

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu \ Năm	Năm								Tỷ trọng từng chỉ tiêu (%)							
	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017
Thu nội địa	294.700	382.000	494.600	545.500	559.000	638.600	785.000	990.280	63,86	64,20	66,79	66,85	69,64	70,09	77,37	81,69
Thu từ dầu thô	66.300	69.300	87.000	99.000	85.200	93.000	54.500	38.300	14,37	11,65	11,75	12,13	10,61	10,21	5,37	3,16
Thu từ xuất nhập khẩu	95.500	138.700	153.900	166.500	154.000	175.000	172.000	180.000	20,69	23,31	20,78	20,40	19,19	19,21	16,95	14,85
Thu viện trợ	5.000	5.000	5.000	5.000	4.500	4.500	3.000	3.600	1,08	0,84	0,68	0,61	0,56	0,49	0,29	0,03
Tổng	461.500	595.000	740.500	816.000	802.700	911.100	1.014.500	1.212.180	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0

(Nguồn: Cân đối Ngân sách nhà nước của Bộ Tài Chính và Bộ Tài Chính từ năm 2010-2017)

Qua bảng trên ta có thể thấy được khoản thuế thu được từ hoạt động xuất nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng nguồn thu của Ngân sách nhà nước chỉ đứng sau nguồn thuế thu từ nội địa. Trong những năm 2010-2017 mặc dù chịu ảnh hưởng của tình hình suy thoái kinh tế toàn cầu, kinh tế cả nước phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức, thời tiết, dịch bệnh diễn biến phức tạp nhưng nhiệm vụ thu ngân sách của hoạt động xuất nhập khẩu đạt nhiều kết quả vượt bậc. Cụ thể năm 2010 chiếm 20,69% trong tổng nguồn thu ngân sách, năm 2011 là 23,31%; năm 2012 là 20,78%, năm 2013 là 20,40%, 2014 là 19,19%, 2015 là 19,21%, 2016 là 16,95%, 2017 là 14,85%.

Tuy nhiên, kể từ khi thực hiện chủ trương cải cách thuế và thực hiện các cam kết cắt giảm thuế ASEAN, ASEAN-Trung Quốc, ASEAN- Hàn Quốc, WTO... nguồn thu về thuế xuất nhập khẩu giảm dần từ năm 2014. Đây là vấn đề gây khó khăn rất lớn cho Việt Nam trong thời gian tới để đảm bảo nguồn thu ngân sách (Nguyễn Thu Hằng, 2015).

Thứ hai, Góp phần bảo hộ và khuyến khích sản xuất trong nước.

Ở mỗi quốc gia, ở mỗi giai đoạn phát triển, tùy vào chiến lược của từng thời kỳ mà Nhà nước đề ra chính sách thuế phù hợp để có thể khuyến khích xuất khẩu, hoặc nhập khẩu. Ở nước ta nền kinh tế còn yếu kém, các doanh nghiệp còn non trẻ do vậy việc bảo hộ sản xuất là rất cần thiết ngay cả khi tự do hoá thương mại tăng lên thì những lĩnh vực cơ bản của nền kinh tế vẫn phải được bảo hộ. Bảo hộ tạo cơ sở cho các doanh nghiệp trong nước có thời gian để học hỏi kinh nghiệm, khoa học công nghệ của nước ngoài, cải thiện tình hình sản xuất của mình, nâng cao khả năng cạnh tranh với các mặt hàng khác. Từ đó, các doanh nghiệp có cơ hội hơn trong việc chiếm lĩnh thị trường, có động lực hơn để sản xuất kinh doanh. Hiện tại, Nhà nước bảo hộ các doanh nghiệp trong nước thông qua việc khuyến khích xuất khẩu hạn chế nhập khẩu bằng cách áp dụng thuế xuất khẩu thường thấp còn thuế nhập khẩu thì cao hơn. Tuy nhiên cũng khẳng định là Việt Nam không lấy chính sách bảo hộ làm chiến lược phát triển, vì việc gia nhập WTO buộc ta phải tháo dỡ hàng rào thuế quan này (Nguyễn Thu Hằng, 2015).

Thứ ba, Góp phần định hướng người tiêu dùng.

Thuế cao hay thấp sẽ có tác dụng hạn chế hay kích thích tiêu dùng, ví dụ đánh thuế nhập khẩu cao khiến cho giá cả hàng nước ngoài tại Việt nam cao tương đối so với cùng mặt hàng trong nước, người tiêu dùng sẽ sử dụng hàng hoá trong nước nhiều hơn. Ngược lại những mặt hàng được đánh thuế thấp thì lại được tiêu thụ tốt ở thị trường nước ta. Do vậy nhà nước đánh thuế cũng là định hướng cho người tiêu dùng

nên sử dụng loại mặt hàng nào và không nên sử dụng loại mặt hàng nào. Mặt hàng khuyến khích phát triển thuế nhập khẩu đánh thấp thậm chí không đánh. Đối với mặt hàng hạn chế việc sử dụng thì thuế đánh rất cao ví dụ như rượu và thuốc lá (Đặng Văn Dũng, 2011).

Thứ tư, Là công cụ điều tiết hoạt động thương mại.

Để quản lý hoạt động thương mại chính phủ các nước có thể sử dụng đồng bộ các biện pháp thuế quan và phi thuế quan (hạn ngạch, hạn chế phân bổ ngoại tệ). Nhưng công cụ thuế quan vẫn được đánh giá là quan trọng nhất bởi một số nguyên nhân sau: Một là: Khác với hạn ngạch, đối với thuế quan, thông tin về sự biến động giá cả hàng hóa dịch vụ được truyền đến người đầu tư, người sản xuất, người tiêu dùng một cách nhanh chóng và chính xác. Bởi thuế đánh trực tiếp vào giá cả của hàng hóa và dịch vụ đó. Thông qua việc nắm bắt thông tin này nhanh hay chậm mà người ra quyết định có quyết định nhanh chóng chính xác hay không. Hai là: Bởi trong thuế quan đã có sẵn một đặc tính là tính tiên liệu và tính minh bạch nên tính bảo hộ được thể hiện rất rõ ràng và minh bạch. Người tiêu dùng và người đầu tư có nhiều cách để nhận ra thuế suất và dự đoán các biện pháp bảo hộ có thể có trong tương lai đối với mặt hàng của mình. Ba là: Khi sử dụng công cụ thuế quan trong quá trình hội nhập sẽ cho phép chúng ta hạn chế và tiến tới xóa bỏ bảo hộ được một cách có hiệu quả rõ ràng và có thể tính toán được cụ thể. Còn nếu dùng hạn ngạch thì việc tính toán là không thể khi tiến hành tự do hóa thương mại. Bốn là: Khi sử dụng công cụ thuế quan, sẽ tạo được một nguồn thu hữu ích cho ngân sách nhà nước, nếu dùng hạn ngạch có thể dẫn đến sự phung phí của các cá nhân tổ chức nhận được hạn ngạch ưu đãi của nhà nước. Việc sử dụng thuế quan tạo môi trường bình đẳng cho tất cả mọi đối tượng tham gia hoạt động thương mại, còn dùng hạn ngạch sẽ thường tạo cơ hội cho các công ty lâu năm có quan hệ thân thuộc với chính phủ phát sinh lợi ích nhóm (Nguyễn Thu Hằng, 2015).

Thứ năm, Góp phần thực hiện chính sách đối ngoại của đất nước.

Ngoài các vai trò trên, thuế xuất nhập khẩu còn đóng góp vào quan hệ đối ngoại của đất nước. Như thuế nhập khẩu có thể đánh cao đối với các mặt hàng của các nước có chính sách phân biệt quốc gia đối với đất nước mình hay đánh thuế thấp đối với mặt hàng của một số nước đã ký hiệp định thương mại thuế quan với đất nước mình. Trên cơ sở đó mà biểu thuế gồm ba loại: thuế suất ưu đãi (MFN), thuế suất ưu đãi đặc biệt và thuế suất thông thường (Đặng Văn Dũng, 2011).

2.3. Quản lý thuế xuất nhập khẩu

2.3.1. Khái niệm

Quản lý thuế là một dạng quản lý xã hội khi có nhà nước và gắn với quyền lực nhà nước. Quản lý thuế trước hết và quan trọng nhất thuộc trách nhiệm của nhà nước cho nên người ta thường quan niệm quản lý thuế là quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế. Tuy nhiên, hiện nay, để quản lý thuế có hiệu quả, ở những mức độ nhất định cần có sự tham gia của các tổ chức, cá nhân trong xã hội để hỗ trợ cho công tác quản lý thuế của Nhà nước (Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Thị Liên, 2008).

Qua tham khảo các tài liệu, khái niệm quản lý thuế được tiếp cận theo hai phạm vi. Theo nghĩa rộng, quản lý thuế là tất cả các hoạt động của nhà nước liên quan đến thuế. Quản lý thuế không chỉ bao gồm hoạt động tổ chức điều hành quá trình thu nộp thuế và ngân sách nhà nước mà còn bao gồm hoạt động xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thuế, ban hành pháp luật thuế và cả hoạt động kiểm tra, giám sát việc sử dụng tiền thuế của các tổ chức thụ hưởng ngân sách nhà nước. Theo nghĩa hẹp, quản lý thuế là quản lý hành chính nhà nước về thuế, bao gồm cả việc tổ chức, quản lý, điều hành quá trình thu nộp thuế, hay nói một cách khác đó là hoạt động chấp hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà cụ thể là hệ thống cơ quan quản lý thuế từ trung ương đến địa phương trong quản lý thu, nộp thuế cho nhà nước từ các tổ chức, cá nhân là đối tượng nộp thuế đã được xác định trong các luật thuế.

Quản lý thuế nói chung và quản lý thuế xuất nhập khẩu nói riêng thực chất là quản lý nguồn thu của quốc gia và quản lý tốt nguồn thu cho ngân sách, thực hiện nghiêm minh pháp luật về thuế.

Quản lý thuế xuất nhập khẩu là các biện pháp mà Nhà nước tác động nhằm mục đích huy động nguồn lực tài chính và điều tiết kinh tế trong hoạt động xuất nhập khẩu (Nguyễn Văn Hiếu, Nguyễn Thị Liên, 2008).

Mục tiêu chung của hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu là bảo đảm nguồn thu cho ngân sách Nhà nước và đảm bảo thực thi chính sách thuế xuất nhập khẩu phục vụ yêu cầu quản lý của Nhà nước. Trong đó, đối tượng của hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu là người nộp thuế và chủ thể quản lý thuế xuất nhập khẩu là cơ quan Hải

quan, công chức hải quan và cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Cơ quan Hải quan giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu. Cơ quan Hải quan là chủ thể quản lý thuế xuất nhập khẩu, trực tiếp liên quan đến cộng đồng Doanh nghiệp tham gia hoạt động thương mại quốc tế. Để cho toàn bộ hệ thống quản lý thuế xuất nhập khẩu vận hành đồng bộ, hiệu quả thì cơ quan Hải quan phải làm tốt vai trò và trách nhiệm của mình, vì chính thuế xuất nhập khẩu có tác dụng trực tiếp, mạnh mẽ trong điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu (Nguyễn Chi Mai, 2014).

2.3.2. Chủ thể quản lý thuế xuất nhập khẩu

Theo quy định của pháp luật nước ta thì cơ quan Hải quan là chủ thể duy nhất chịu trách nhiệm thực thi nhiệm vụ quản lý thuế XNK. Hệ thống tổ chức của Hải quan Việt Nam được phân thành 3 cấp:

- Cấp Trung ương: Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Tổng cục Hải quan;
- Chi cục Hải quan và Đội Kiểm soát Hải quan.

*** Chức năng của cơ quan Hải quan**

- Quản lý nhà nước về Hải quan đối với hoạt động XNK, xuất nhập cảnh, quá cảnh Việt Nam.

- Thực thi pháp luật Hải quan trong phạm vi cả nước.

*** Nhiệm vụ của cơ quan Hải quan**

- Kiểm tra, giám sát hàng hóa XNK, phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh;

- Phòng chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

- Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế đối với hàng hóa XNK;

- Thống kê hàng hóa XNK;

- Kiến nghị chủ trương, chính sách quản lý nhà nước đối với hoạt động XNK, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa XNK (Nguyễn Chi Mai, 2014).

*** Vai trò của cơ quan Hải quan**

- Góp phần bảo đảm thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học và công nghệ; hợp tác và giao lưu quốc tế (tạo thuận lợi cho phát triển XNK, thu hút đầu tư nước ngoài, phát triển du lịch và giao thương quốc

tế...).

- Bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

*** Phạm vi địa bàn hoạt động của cơ quan Hải quan**

Phạm vi địa bàn hoạt động hải quan là khu vực có ranh giới cụ thể tại các khu vực cửa khẩu đường bộ, ga đường sắt liên vận quốc tế, cảng biển quốc tế, cảng sông quốc tế, cảng hàng không dân dụng quốc tế, các địa điểm làm thủ tục hải quan ngoài cửa khẩu (khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, khu vực cảng nội địa (ICD), cảng chuyên dùng...), khu chế xuất, kho ngoại quan, kho bảo thuế, khu vực ưu đãi hải quan, bưu điện quốc tế, các địa điểm kiểm tra hàng hóa XNK trong lãnh thổ và trên vùng biển thực hiện chủ quyền của Việt Nam, trụ sở doanh nghiệp khi tiến hành kiểm tra sau thông quan và các địa bàn hoạt động hải quan khác theo quy định của pháp luật (Lục Đức Long, 2015).

2.3.3. Các nội dung quản lý thuế xuất nhập khẩu

Theo quy định của pháp luật quản lý thuế (Luật Quản lý thuế), các nội dung quản lý thuế XNK của cơ quan Hải quan bao gồm:

2.3.3.1. Tổ chức đăng ký, khai thuế

Người nộp thuế xuất, nhập khẩu có trách nhiệm tự kê khai thuế đầy đủ, chính xác, minh bạch và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai; nộp tờ khai hải quan cho cơ quan hải quan, tính thuế và nộp thuế vào ngân sách nhà nước.

Thời điểm tính thuế xuất, nhập khẩu là thời điểm đối tượng nộp thuế đăng ký tờ khai hải quan với cơ quan hải quan. Thuế xuất, nhập khẩu được tính theo thuế suất, giá tính thuế và tỷ giá dùng để tính thuế theo tỷ giá hối đoái do Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm tính thuế.

Người nộp thuế xuất, nhập khẩu có trách nhiệm khai, nộp hồ sơ thuế cùng với hồ sơ hải quan, bao gồm: Hoá đơn thương mại (01 bản chính, 01 bản sao); Vận tải đơn hoặc chứng từ vận tải có giá trị tương đương (bản sao); Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (C/O): Bản gốc; Hoá đơn cước vận tải; Hoá đơn bảo hiểm; Tờ khai trị giá; Giấy phép xuất, nhập khẩu đối với trường hợp phải có giấy phép; Giấy thông báo miễn kiểm tra hặc Kết quả kiểm tra chuyên ngành (bản gốc). Hồ sơ hải quan đối với những trường

hợp thuộc đối tượng miễn thuế xuất, nhập khẩu, ngoài những giấy tờ trên phải có: Danh mục hàng hóa miễn thuế kèm theo Phiếu theo dõi trừ lùi đã được đăng ký tại cơ quan hải quan.

Thời hạn nộp hồ sơ hải quan là trước ngày hàng hóa đến cửa khẩu hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hàng hóa đến cửa khẩu.

Địa điểm làm thủ tục hải quan là nơi cơ quan hải quan tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan, kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải.

Địa điểm tiếp nhận, đăng ký và kiểm tra hồ sơ hải quan là trụ sở Chi cục Hải quan.

Người khai hải quan được khai bổ sung sau khi hệ thống phân luồng tờ khai nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan thực hiện việc kiểm tra trực tiếp hồ sơ hải quan: Người nộp thuế xác định có sai sót trong việc khai hải quan thì được khai bổ sung trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan nhưng trước thời điểm cơ quan hải quan quyết định KTSTQ, thanh tra; Sau thời điểm cơ quan hải quan kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá nhưng trước khi thông quan thì việc khai bổ sung bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế.

Quá thời hạn 60 ngày kể từ ngày thông quan hoặc sau khi cơ quan hải quan quyết định kiểm tra sau thông quan, thanh tra, người khai hải quan mới phát hiện sai sót trong việc khai thuế thì thực hiện khai bổ sung và bị xử lý theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

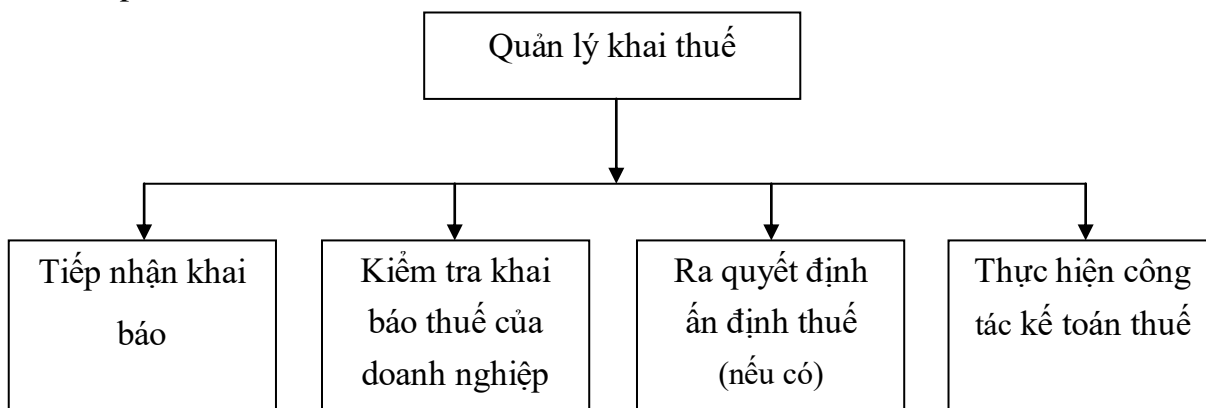
Trường hợp khai bổ sung làm tăng số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế tự xác định số tiền phạt chậm nộp căn cứ vào số tiền thuế nộp chậm, số ngày chậm nộp và mức xử phạt theo quy định tại Điều 106 Luật quản lý thuế. Trường hợp người nộp thuế không tự xác định hoặc xác định không đúng số tiền phạt chậm nộp, cơ quan hải quan xác định và thông báo cho người nộp thuế biết để thực hiện.

Trường hợp khai bổ sung làm giảm số tiền thuế phải nộp, người nộp thuế được bù trừ số tiền thuế giảm sau khi đã thực hiện thanh toán tiền thuế, tiền phạt (nếu có) theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý thuế. Việc bù trừ thực hiện theo quy định hiện hành (Quốc Hội, 2016).

* Quản lý khai thuế tại Chi cục Hải quan là quá trình công chức Hải quan, kiểm tra sự phù hợp giữa các loại chứng từ trong bộ hồ sơ Hải quan với việc khai báo thuế của doanh nghiệp.

Quá trình quản lý khai thuế diễn ra theo trình tự như sau:

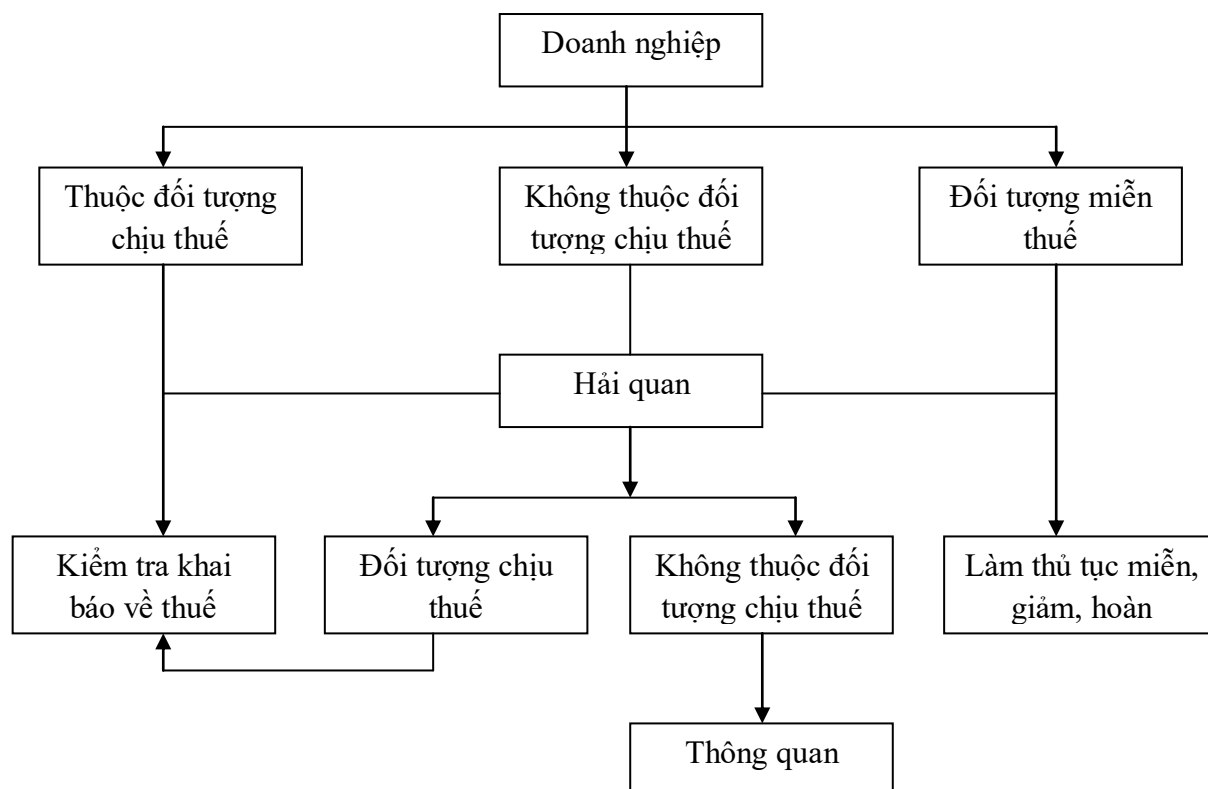
- Tiếp nhận khai báo của doanh nghiệp;
- Kiểm tra việc khai báo thuế của doanh nghiệp;
- Ra quyết định ấn định thuế (tăng hoặc giảm) nếu phát hiện doanh nghiệp khai chưa đúng, chưa chính xác, gian lận qua khai báo;
- Thực hiện công tác kế toán theo dõi thu nộp tiền thuế của các tổ chức, cá nhân nộp thuế.



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.1. Sơ đồ quản lý khai thuế

* Tiếp nhận khai báo thuế của doanh nghiệp



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.2. Sơ đồ tiếp nhận khai báo thuế của doanh nghiệp

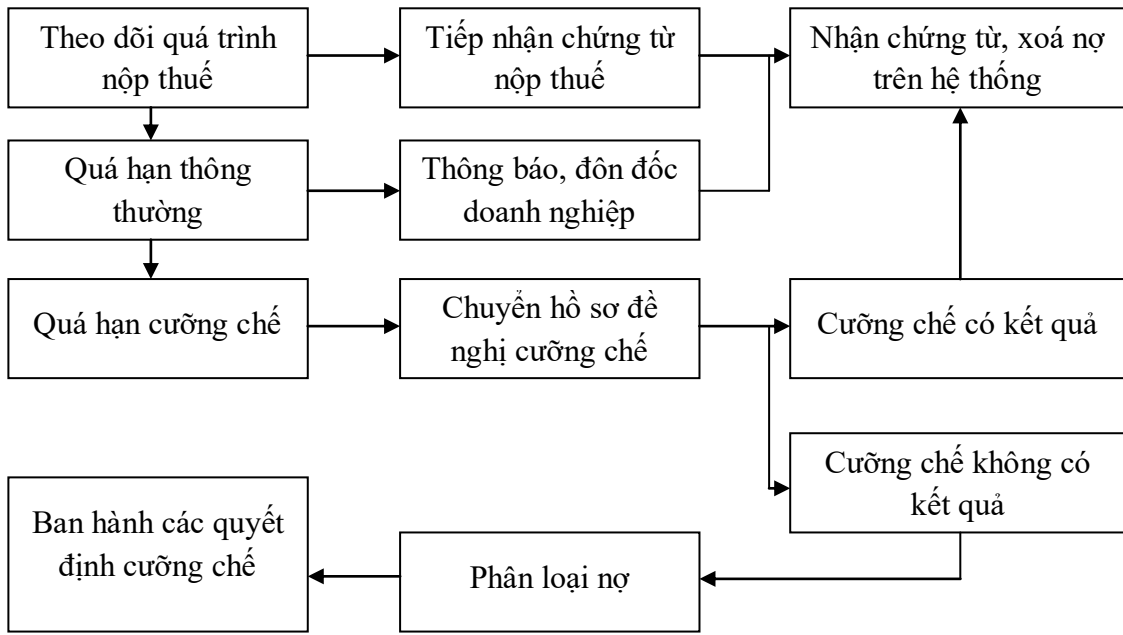
* Kiểm tra việc khai báo thuế của doanh nghiệp

Bao gồm việc kiểm tra bộ hồ sơ Hải quan về yếu tố tính thuế, phương pháp tính thuế, giá tính thuế và ra quyết định ấn định thuế nếu phát hiện doanh nghiệp khai báo không đầy đủ, không trung thực số thuế phải nộp.

* Quyết định việc ấn định thuế.

Khi có đủ cơ sở xác định người khai thuế dựa vào các tài liệu không hợp pháp để khai báo thuế, không kê khai thuế hoặc khai báo không đầy đủ, chính xác, trì hoãn việc khai báo, khai báo trị giá không đúng với giá trị giao dịch thực tế, không tự tính được số thuế phải nộp thì cơ quan Hải quan căn cứ hàng hoá thực tế nhập khẩu; căn cứ tính thuế, phương pháp tính thuế, tài liệu có liên quan để ấn định số thuế phải nộp (Quốc Hội 2016).

* Quản lý nộp thuế



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.3. Quy trình quản lý nợ thuế của Cơ quan Hải quan

Quá trình quản lý nợ thuế diễn ra theo trình tự như sau:

- Tiến hành theo dõi quá trình chấp hành nghĩa vụ nộp thuế của doanh nghiệp;
- Tiếp nhận chứng từ nộp thuế của doanh nghiệp và tiến hành xóa nợ thuế cho doanh nghiệp trên hệ thống mạng quản lý nợ thuế;
- Tiến hành tính tiền chậm nộp thuế nếu doanh nghiệp nộp quá thời hạn quy định trong các văn bản luật;
- Nếu doanh nghiệp cố tình chây ỳ không nộp thuế đúng thời hạn được quy định trong luật thì tiến hành cưỡng chế thuế của doanh nghiệp;
- Ban hành các Quyết định cưỡng chế theo trình tự áp dụng cưỡng chế quy định trong luật (Quốc Hội, 2016).

2.3.3.2. Quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế

Thông tin về người nộp thuế là cơ sở để thực hiện quản lý thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát hiện vi phạm pháp luật về thuế. Chính vì vậy, khi chuyển sang thực hiện quản lý thuế theo cơ chế “tự khai, tự nộp thuế” các nhà quản lý, hoạch định chính sách đã nhận thức được tầm quan trọng đối với thông tin về người nộp thuế trong quản lý thuế nhập khẩu hiện nay. Do đó, quản lý thông tin đối tượng nộp thuế cần đáp ứng các yêu cầu sau:

Xây dựng hệ thống cung cấp thông tin người nộp thuế bằng hệ thống quản lý rủi ro trong toàn ngành hải quan: Cập nhật đầy đủ thông tin về ngành nghề lĩnh vực, mặt hàng kinh doanh nhập khẩu truyền thống, số lần vi phạm, phân loại doanh nghiệp chấp hành pháp luật thuế...

Thông tin về người nộp thuế phải đảm bảo tính chính xác, trung thực. Những thông tin về người nộp thuế mà cơ quan thuế thu thập được phải đảm bảo độ tin cậy cao, có như vậy việc phân tích, đánh giá, phân loại đối tượng quản lý mới chính xác, bảo đảm việc quản lý đúng và trúng đối tượng.

Thông tin về người nộp thuế phải bảo tính đầy đủ, kịp thời.

Thông tin về người nộp thuế phải được phân loại theo những cấp độ khác nhau để có cách thức khai thác quản lý phù hợp, cần được cung cấp, khai thác từ nhiều nguồn khác nhau để phục vụ công tác quản lý thuế (Bộ Tài chính, 2009).

2.3.3.3. Kiểm tra căn cứ tính thuế

Kiểm tra căn cứ tính thuế là hoạt động của cơ quan Hải quan nhằm kiểm tra tính chính xác của việc tính toán và thu nộp thuế XNK của người khai hải quan theo quy định của pháp luật. Mục đích của kiểm tra tính thuế là kiểm tra tính trung thực, chính xác trong khai báo của chủ hàng và kiểm tra việc áp dụng các chế độ chính sách để có hướng dẫn cụ thể, kịp thời. Cơ sở của việc kiểm tra tính thuế:

- Đối với hàng hoá áp dụng thuế suất theo tỷ lệ phần trăm:

+ Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan;

+ Trị giá hải quan thực hiện theo quy định tại Luật Hải quan, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2005 và Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 (thay thế) và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính quy định về việc xác định trị giá hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Thuế suất: Thuế suất thông thường, thuế suất ưu đãi và thuế suất ưu đãi đặc biệt.

Thuế suất ưu đãi áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu có xuất xứ từ nước, nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ thực hiện đối xử tối huệ quốc trong quan hệ thương

mại với Việt Nam. Thuế suất ưu đãi được quy định cụ thể cho từng mặt hàng tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

Thuế suất thông thường thực hiện theo quy định tại Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quy định của Chính phủ về thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

Thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt được quy định cụ thể cho từng mặt hàng và đáp ứng các điều kiện áp dụng thuế suất nhập khẩu ưu đãi đặc biệt quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt để thực hiện Hiệp định thương mại tự do đồng thời có Giấy chứng nhận xuất xứ hợp lệ.

- Đối với hàng hoá áp dụng thuế tuyệt đối:

Số lượng đơn vị từng mặt hàng thực tế xuất, nhập khẩu ghi trong tờ khai hải quan; mức thuế suất tuyệt đối quy định trên một đơn vị hàng hoá; tỷ giá tính thuế (Bộ Tài chính, 2010).

2.3.3.4. Tổ chức thu, nộp thuế

Thu thuế xuất, nhập khẩu là nhiệm vụ của các Chi cục Hải quan từ khâu kiểm tra đăng ký tờ khai, kiểm tra các chứng từ thuộc hồ sơ hải quan hàng xuất, nhập khẩu và việc kiểm tra thực tế hàng hoá để xác định đúng số thuế mà người khai hải quan phải nộp và chuyển số thuế đó vào NSNN đúng quy định. Do việc xác định số thuế phải thu phụ thuộc vào nhiều yếu tố như cơ chế chính sách, hàng hoá ngày càng đa dạng khó áp mã, phụ thuộc vào trình độ cán bộ công chức hải quan, trang thiết bị kỹ thuật, thái độ tuân thủ pháp luật về thuế của đối tượng nộp thuế (người khai hải quan), nên có thể xảy ra tình trạng thu thiếu hoặc bỏ sót.

Người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế bằng phương thức điện tử vào Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng hoặc người nộp thuế nộp tiền thuế bằng tiền mặt tại cơ quan hải quan nơi đăng ký tờ khai hải quan (Chính phủ, 2011).

Người nộp thuế được lựa chọn nộp tiền thuế bằng tiền mặt tại các cơ quan thu hoặc các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt (chuyển khoản) qua kênh giao dịch điện tử.

Quy trình thu thuế xuất, nhập khẩu, người nộp thuế phải tự kê khai, tự tính thuế và nộp thuế. Cơ chế này hoạt động khá hiệu quả nếu có sự giám sát và hướng

dẫn một cách chặt chẽ. Cơ quan hải quan có trách nhiệm kiểm tra sự chính xác trong kê khai và tính thuế của đối tượng nộp thuế, trên cơ sở đó người khai hải quan nộp thuế theo số thuế tự kê khai. Người nộp thuế chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai. Trình tự thu thuế xuất, nhập khẩu được quy định riêng cho từng trường hợp: người nộp thuế qua ngân hàng phối hợp thu; nộp tiền thuế qua ngân hàng phối hợp thu đồng thời có ủy nhiệm thu với Kho bạc nhà nước; nộp thuế qua ngân hàng chưa phối hợp thu; nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc nhà nước; nộp tiền thuế tại cơ quan hải quan. Nhìn chung, Quy trình thu thuế xuất, nhập khẩu như sau:

- Nộp tiền thuế qua ngân hàng:

+ Người nộp thuế kê khai các thông tin liên quan đến số tiền phải nộp gửi cho ngân hàng để thực hiện nộp tiền thuế hoặc yêu cầu trích chuyển tiền nộp thuế.

+ Hệ thống của ngân hàng kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan, nếu thông tin phù hợp thì trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế để chuyển ngay vào tài khoản thu của Kho bạc nhà nước mở tại ngân hàng ủy nhiệm thu; đồng thời truyền ngay dữ liệu thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan.

+ Cơ quan hải quan sử dụng hệ thống điện tử tự động để kiểm tra thông tin do ngân hàng gửi qua Cổng thanh toán điện tử hải quan, thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế, thông quan hàng hóa, tính tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định.

- Nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc nhà nước:

+ Người nộp thuế kê khai đầy đủ nhu cầu các thông tin về thu ngân sách trên bảng kê nộp thuế gửi Kho bạc nhà nước để nộp tiền hoặc trích chuyển tiền nộp thuế.

+ Kho bạc nhà nước kiểm tra thông tin người nộp thuế kê khai, đối chiếu với thông tin truy vấn trên Cổng thanh toán điện tử hải quan nếu thông tin phù hợp thì trích tiền hoặc thu tiền của người nộp thuế để chuyển vào tài khoản thu nộp tiền thuế tại Kho bạc nhà nước, hạch toán vào tài khoản thu ngân sách, truyền thông tin thu đến Cổng thanh toán điện tử hải quan.

+ Hệ thống điện tử tự động của cơ quan hải quan cập nhật, hạch toán kế toán thanh khoản nợ và số thu thuế, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa, tính tiền chậm nộp (nếu có) cho người nộp thuế theo quy định.

- Nộp tiền thuế tại cơ quan hải quan:

+ Người nộp thuế xác định số tiền thuế phải nộp cho từng loại thuế, đến cơ quan hải quan nơi mở tờ khai để nộp tiền.

+ Cơ quan hải quan nơi mở tờ khai sử dụng biên lai thu tiền để thu tiền của người nộp thuế, hạch toán kế toán thanh khoản nợ thuế và số thu thuế, xác nhận hoàn thành nghĩa vụ về thuế và thông quan hàng hóa theo quy định.

+ Cuối ngày hoặc chậm nhất vào đầu ngày làm việc tiếp theo, cơ quan hải quan đến Kho bạc nhà nước hoặc ngân hàng ủy nhiệm thu làm thủ tục nộp tiền đã thu của người nộp thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước.

Đồng tiền nộp thuế, thuế XNK được nộp bằng đồng tiền Việt Nam. Trường hợp nộp thuế bằng ngoại tệ thì người nộp thuế phải nộp bằng loại ngoại tệ tự do chuyển đổi theo quy định.

Thời hạn nộp thuế, hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế phải nộp thuế trước khi thông quan hoặc giải phóng hàng hóa theo quy định của Luật hải quan, trừ trường hợp được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật hải quan.

Trường hợp được tổ chức tín dụng bảo lãnh số thuế phải nộp thì được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa nhưng phải nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế kể từ ngày được thông quan hoặc giải phóng hàng hóa đến ngày nộp thuế. Thời hạn bảo lãnh tối đa là 30 ngày, kể từ ngày đăng ký tờ khai hải quan.

Trường hợp đã được tổ chức tín dụng bảo lãnh nhưng hết thời hạn bảo lãnh mà người nộp thuế chưa nộp thuế và tiền chậm nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp đủ thuế và tiền chậm nộp thay cho người nộp thuế (Chính phủ, 2011).

- Người nộp thuế được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của Luật hải quan được thực hiện nộp thuế cho các tờ khai hải quan đã thông quan hoặc giải phóng hàng hóa trong tháng chậm nhất vào ngày thứ mười của tháng kế tiếp. Quá thời hạn này mà

người nộp thuế chưa nộp thuế thì phải nộp đủ số tiền nợ thuế và tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế.

2.3.3.5. Giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Chính sách miễn, giảm, hoàn thu đối với thuế xuất, nhập khẩu nhằm thực hiện các mục tiêu, chính sách ưu đãi thuế của nhà nước đối với một số đối tượng và đảm bảo thực hiện đúng các thông lệ, tập quán thương mại quốc tế. Tuy nhiên, đây cũng là yếu tố để các đối tượng lợi dụng trốn thuế. Vì vậy, cơ quan hải quan luôn phải quản lý chặt chẽ các trường hợp này.

Hoàn thuế, các trường hợp được hoàn thuế được quy định cụ thể tại Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, cụ thể:

- Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu nhưng không có hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu hoặc nhập khẩu, xuất khẩu ít hơn so với hàng hóa nhập khẩu, xuất khẩu đã nộp thuế.

- Người nộp thuế đã nộp thuế xuất khẩu nhưng hàng hóa xuất khẩu phải tái nhập được hoàn thuế xuất khẩu và không phải nộp thuế nhập khẩu.

- Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu.

- Người nộp thuế đã nộp thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để sản xuất, kinh doanh nhưng đã đưa vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu và đã xuất khẩu sản phẩm.

- Người nộp thuế đã nộp thuế đối với máy móc, thiết bị, dụng cụ, phương tiện vận chuyển của các tổ chức, cá nhân được phép tạm nhập, tái xuất, trừ trường hợp đi thuê để thực hiện các dự án đầu tư, thi công xây dựng, lắp đặt công trình, phục vụ sản xuất, khi tái xuất ra nước ngoài hoặc xuất vào khu phi thuế quan.

Số tiền thuế nhập khẩu được hoàn lại xác định trên cơ sở trị giá sử dụng còn lại của hàng hóa khi tái xuất khẩu tính theo thời gian sử dụng, lưu lại tại Việt Nam. Trường hợp hàng hóa đã hết trị giá sử dụng thì không được hoàn lại thuế nhập khẩu đã nộp.

Miễn thuế, các trường hợp được hoàn thuế được quy định cụ thể tại Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, cụ thể:

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ tại Việt Nam trong định mức phù hợp với điều ước quốc tế mà

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên; hàng hóa trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế của người xuất cảnh, nhập cảnh; hàng hóa nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế.

- Tài sản di chuyển, quà biếu, quà tặng trong định mức của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ngược lại.

- Hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa và trong định mức để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới.

- Hàng hóa được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

- Hàng hóa có trị giá hoặc có số tiền thuế phải nộp dưới mức tối thiểu.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu; sản phẩm hoàn chỉnh nhập khẩu để gắn vào sản phẩm gia công; sản phẩm gia công xuất khẩu.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Hàng hóa sản xuất, gia công, tái chế, lắp ráp tại khu phi thuế quan không sử dụng nguyên liệu, linh kiện nhập khẩu từ nước ngoài khi nhập khẩu vào thị trường trong nước.

- Hàng hóa tạm nhập, tái xuất hoặc tạm xuất, tái nhập trong thời hạn nhất định.

- Hàng hóa không nhằm mục đích thương mại trong các trường hợp sau: hàng mẫu; ảnh, phim, mô hình thay thế cho hàng mẫu; ấn phẩm quảng cáo số lượng nhỏ.

- Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Giống cây trồng; giống vật nuôi; phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trong nước chưa sản xuất được, cần thiết nhập khẩu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được nhập khẩu để sản xuất của dự án đầu tư thuộc danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu

tư, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

- Nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất.

- Hàng hóa nhập khẩu để phục vụ hoạt động dầu khí.

- Máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, linh kiện, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu phục vụ hoạt động in, đúc tiền.

- Hàng hóa nhập khẩu là nguyên liệu, vật tư, linh kiện trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất sản phẩm công nghệ thông tin, nội dung số, phần mềm.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để bảo vệ môi trường.

- Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho giáo dục.

- Hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được, tài liệu, sách báo khoa học chuyên dùng sử dụng trực tiếp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ, đổi mới công nghệ.

- Hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng phục vụ trực tiếp cho an ninh, quốc phòng, trong đó phương tiện vận tải chuyên dùng phải là loại trong nước chưa sản xuất được.

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phục vụ bảo đảm an sinh xã hội, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh và các trường hợp đặc biệt khác.

Giảm thuế, trường hợp giảm thuế được quy định cụ thể tại Điều 18 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13, cụ thể:

Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan nếu bị hư hỏng, mất mát được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được giảm thuế.

Mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa (Quốc Hội, 2016).

Xoá nợ tiền thuế, tiền phạt, các trường hợp được xoá nợ tiền thuế, tiền phạt được quy định cụ thể:

- Doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt.

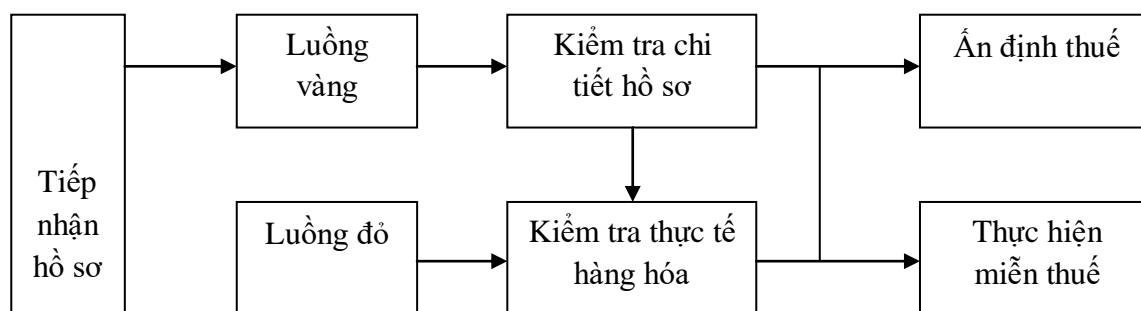
- Cá nhân được pháp luật coi là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự mà không có tài sản để nộp tiền thuế, tiền phạt còn nợ.

Thủ tục hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xoá nợ tiền thuế, tiền phạt được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính và cụ thể hoá thành Quy trình nghiệp vụ do Tổng cục Hải quan ban hành hướng dẫn các bước từ khâu tiếp nhận hồ sơ, cách thức kiểm tra, ban hành Quyết định và xử lý số tiền thuế được hoàn (Quốc Hội (2016), Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 do Quốc Hội ban hành).

Hàng hoá nhập khẩu trong các trường hợp sau đây được xét miễn thuế:

- Hàng hoá nhập khẩu là hàng chuyên dùng trực tiếp phục vụ cho quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Hàng hoá là quà biếu, quà tặng, hàng mẫu của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc ngược lại được xét miễn thuế trong định mức.



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.4. Quy trình miễn thuế của Cục Hải quan

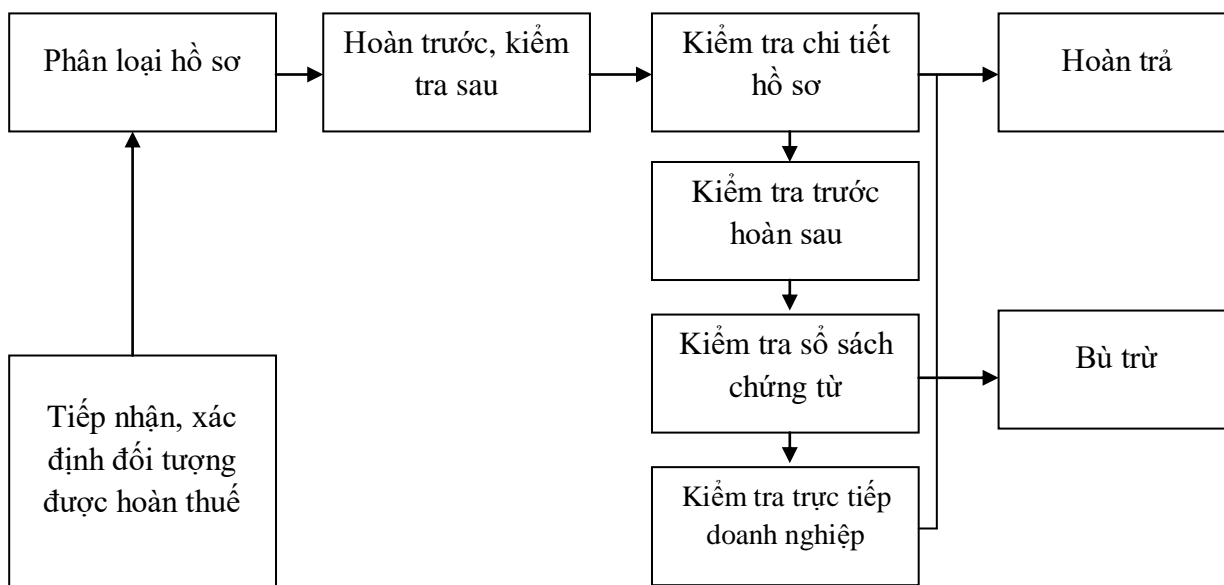
* Hoàn thuế:

Hoàn thuế là việc Cơ quan Hải quan thực hiện hoàn trả lại khoản thuế TTĐB đã thu cho đối tượng nộp thuế. Hoàn thuế được áp dụng khi hàng hóa đã nhập khẩu nhưng sau đó tái xuất ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc hàng hóa đã được xét miễn thuế nêu trên. Hoàn thuế có 2 hình thức: Hoàn thuế trước, kiểm tra sau và hoàn thuế sau,

kiểm tra trước:

- Hình thức hoàn thuế trước, kiểm tra sau áp dụng đối với đối tượng nộp thuế có quá trình chấp hành pháp luật về thuế tốt;

- Hình thức hoàn thuế sau, kiểm tra trước áp dụng đối với đối tượng được hoàn thuế lần đầu và/hoặc đã từng có vi phạm pháp luật về thuế.

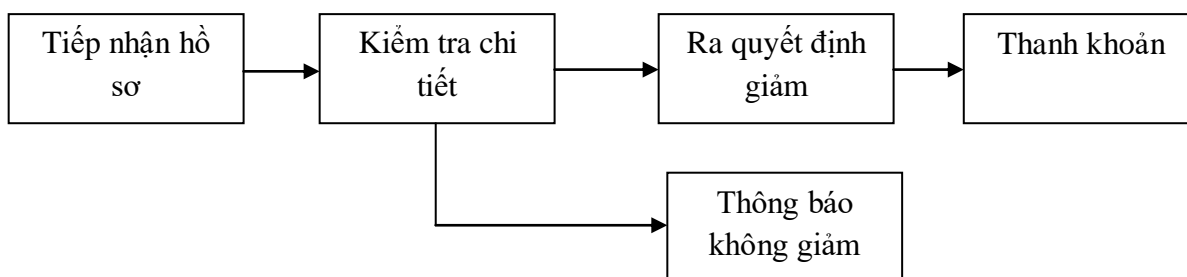


Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.5. Quy trình hoàn thuế Cơ quan Hải quan

* Giảm thuế:

Giảm thuế là việc Cơ quan Hải quan giảm số tiền thuế phải nộp cho đối tượng nộp thuế theo quy định. Giảm thuế được áp dụng cho những hàng hóa nhập khẩu những gặp rủi ro khách quan được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giám định chứng nhận thì được xét giảm thuế. Mức giảm thuế tương ứng với tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa (Quốc Hội (2016), Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 do Quốc Hội ban hành).



Nguồn: Tổng Cục Hải Quan năm 2017

Hình 2.6. Quy trình giảm thuế Cơ quan Hải quan

Sau khi tiếp nhận hồ sơ giảm thuế, Cơ quan Hải quan kiểm tra và xét duyệt hồ sơ với các nội dung sau: Kiểm tra đối chiếu các tài liệu, chứng từ xác định tính đúng đắn, tính hợp pháp trong hồ sơ để xác định trường hợp đề nghị có thuộc đối tượng được xét giảm thuế hay không. Trong trường hợp thuộc đối tượng được xét giảm thuế thì báo cáo lãnh đạo Chi cục ra quyết định giảm thuế (Quốc Hội, 2016).

2.3.3.6. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Thanh tra, kiểm tra thuế là một trong bốn chức năng cơ bản của quản lý thuế theo mô hình chức năng. Bên cạnh việc tôn trọng kết quả tự tính, tự khai tự nộp thuế của người nộp thuế, cơ quan hải quan thực hiện các biện pháp giám sát hiệu quả vừa đảm bảo khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện, vừa đảm bảo phát hiện ngăn ngừa các trường hợp vi phạm pháp luật thuế. Thanh tra, kiểm tra là một biện pháp hữu hiệu nhằm phát hiện ngăn ngừa vi phạm, giúp người nộp thuế nhận thấy luôn có một hệ thống giám sát hiệu quả tồn tại và kịp thời phát hiện các hành vi vi phạm của họ (Bộ Tài chính, 2010).

Nguyên tắc thanh tra, kiểm tra thuế:

- Thực hiện trên cơ sở phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế.
- Không cản trở hoạt động bình thường của người nộp thuế.
- Tuân thủ quy định của Luật Quản lý thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Kiểm tra thuế: Kiểm tra thuế được thực hiện dưới hai hình thức: Kiểm tra tại trụ sở cơ quan hải quan; kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế (thẩm quyền của Chi cục hải quan sau thông quan cấp Cục và Cục kiểm tra sau thông quan - cấp TCHQ).

Để đánh giá tính đầy đủ, chính xác của các hồ sơ hải quan cũng như sự tuân thủ pháp luật về thuế của người nộp thuế, cơ quan hải quan có thể tiến hành kiểm tra các hồ sơ hải quan tại trụ sở cơ quan hải quan. Bằng các nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan, cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra, đối chiếu nội dung khai báo tại tờ khai hải quan với chứng từ thuộc hồ sơ hải quan, so sánh, đối chiếu với dữ liệu của hàng hoá tương

tự/giống hết để điều chỉnh mã HS, thuế suất, trị giá, điều chỉnh thuế hoặc phát hiện các trường hợp khai chưa đầy đủ dẫn tới việc thiếu thuế hoặc trốn thuế, gian lận thuế cũng như kiểm tra sự tuân thủ pháp luật của người nộp thuế.

Thanh tra thuế: Quy trình thanh tra thuế trong lĩnh vực hải quan đã được Tổng cục hải quan ban hành tại Quyết định số 694/QĐ-TCHQ ngày 14/3/2013. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng và quy định về trình tự thủ tục thực hiện thanh tra nhằm tạo sự thống nhất trong việc thực hiện chức trách nhiệm vụ của cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ thanh tra thuế đối với hàng hóa nhập khẩu nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi gian lận, trốn thuế; phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quản lý cán bộ, công chức thanh tra thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

Nội dung công tác thanh tra bao gồm:

- Thu thập, khai thác thông tin dữ liệu về người nộp thuế (dữ liệu về tờ khai hải quan, về trị giá hàng hóa nhập khẩu; cơ sở về quản lý rủi ro; cơ sở dữ liệu kế toán thuế; cơ sở dữ liệu về vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật về thuế; các kết quả phân tích phân loại hàng hóa; hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ quyết toán thuế...); Thông tin từ các khâu nghiệp vụ hải quan (đăng ký, kiểm tra thuế, kiểm tra thực tế hàng hóa, tham vấn giá, kết quả giám định, chống buôn lậu, kết quả xử lý sau thông quan...);

- Đánh giá, phân tích và xử lý thông tin;

- Khảo sát nắm tình hình để quyết định nội dung thanh tra;

- Xây dựng, phê duyệt kế hoạch tiến hành thanh tra, ra quyết định thanh tra. Đối với thanh tra thuế, hải quan cấp Chi cục chỉ là thành phần tham gia

đoàn công tác thanh tra, đơn vị chủ trì là Phòng Thanh tra (cấp Cục) hoặc Thanh tra Tổng cục hải quan.

Xử lý vi phạm pháp luật về thuế: Là xử lý các hành vi vi phạm các thủ tục thuế, hành vi chậm nộp tiền thuế, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được hoàn và hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Khi phát hiện vi phạm về thuế tại khâu nghiệp vụ nào thì bộ phận đó xử lý, tại khâu đăng ký tờ khai, kiểm tra thực tế hàng hoá do Đội Nghiệp vụ, tại khâu hoàn thuế, không thu thuế do Đội Quản lý thuế thực hiện lập biên bản vi phạm hành chính đúng quy định, xác định rõ số thuế ẩn lậu, căn cứ vào biên bản vi phạm, hành vi vi phạm, mức độ vi phạm, đối chiếu các điều luật để xác định mức, khung xử phạt, đề xuất cho người có thẩm quyền ban hành quyết định xử phạt. Theo dõi và đảm bảo việc chấp hành quyết định xử phạt, giải quyết khiếu nại.

Giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế:

Người nộp thuế, tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại với cơ quan quản lý thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc xem xét lại quyết định của cơ quan quản lý thuế, hành vi hành chính của công chức quản lý thuế khi có căn cứ cho rằng quyết định hoặc hành vi đó trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Người nộp thuế có quyền khiếu nại đối với các Quyết định hành chính sau: Quyết định ấn định thuế; thông báo nộp thuế; Quyết định miễn thuế,

giảm thuế; Quyết định hoàn thuế; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm pháp luật thuế; Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Kết luận thanh tra thuế; Quyết định giải quyết khiếu nại; Các quyết định hành chính khác theo quy định của pháp luật.

Đối với cấp Chi cục hải quan khi nhận được khiếu nại về việc thực hiện pháp luật về thuế phải xem xét, giải quyết trong thời hạn theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo: thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá

10 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Hết thời hạn giải quyết khiếu nại quy định lần đầu mà khiếu nại lần đầu không được giải quyết hoặc người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật tố tụng hành chính.

Yêu cầu người khiếu nại cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc khiếu nại; nếu người khiếu nại từ chối cung cấp hồ sơ, tài liệu thì có quyền từ chối xem xét giải quyết khiếu nại.

Sau khi có kết quả xử lý cơ quan quản lý thuế phải hoàn trả số tiền thuế, số tiền phạt thu không đúng cho người nộp thuế, bên thứ ba trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế cấp trên hoặc cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (Bộ Tài chính, 2010).

2.4. Tiêu chí đánh giá quản lý thuế xuất nhập khẩu

2.4.1. Các tiêu chí định tính

Một là, Tập trung dân chủ. Bảo đảm đầy đủ các quy định trong các văn bản pháp luật về thuế xuất nhập khẩu trong quá trình triển khai các biện pháp quản lý thu thuế. Thống nhất quy trình, nghiệp vụ quản lý thu thuế và vận dụng thống nhất các văn bản pháp luật về thuế. Thống nhất về trình tự, thời gian, yêu cầu và hình thức mẫu biểu trong lập dự toán và quyết toán thuế. Thống nhất việc chỉ đạo thu thuế xuất nhập khẩu từ cấp Tổng cục đến cấp Chi cục. Phát huy tính chủ động, linh hoạt của cơ sở trong việc khai thác nguồn thu từ thuế và xây dựng quy trình thu thuế. Quản lý thuế xuất nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chí tập trung dân chủ, nhằm tạo thuận lợi cho công tác quản lý và đảm bảo công bằng cho tất cả các người nộp thuế.

Hai là, Công khai minh bạch. Thu thuế là một hoạt động tài chính của Nhà nước có tác động rất lớn đến thu nhập, tiêu dùng, tiết kiệm và đầu tư của các doanh nghiệp. Vì vậy, công khai minh bạch trong quản lý thuế xuất nhập khẩu là một trong những tiêu chí nhằm phát huy được vai trò kiểm tra, kiểm soát của người nộp thuế, hạn chế được tiêu cực phát sinh trong quản lý thuế xuất nhập khẩu.

Ba là, Phù hợp, đồng thuận. Trong quá trình quản lý thuế xuất nhập khẩu đòi hỏi các biện pháp triển khai công tác thu thuế phải: Phù hợp với những quy định trong các văn bản pháp luật về thuế hiện hành; Phù hợp với với điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước nói chung và tình hình thực tế sản xuất kinh doanh của các người nộp thuế nói riêng; Phù hợp với những quy định mang tính chất thông lệ quốc tế trong quản lý thuế xuất nhập khẩu được áp dụng phổ biến ở các nước. Điều này không chỉ giúp cho chính sách thuế có tính khả thi mà còn đảm bảo nâng cao hiệu quả quản lý thuế xuất nhập

khẩu (Đặng Văn Dũng, 2011).

2.4.2. Các tiêu chí định lượng

Một là, Mức độ hoàn thành dự toán thu thuế xuất khẩu, nhập khẩu: tính theo tỷ lệ % của số thu so với dự toán mà Tổng cục Hải quan đề ra trong khoảng thời gian 01 năm.

$$\text{Công thức tính:} = \text{Số thu thuế/Dự toán thu} * 100\%$$

Hai là, Hiệu quả công tác thu hồi nợ thuế: tính theo tỷ lệ % số nợ thuế được thu hồi trên tổng số thuế nợ.

$$\text{Công thức tính:} = \text{Số nợ thuế/Tổng số thuế nợ} * 100\%$$

Ba là, Tỷ lệ doanh nghiệp nợ thuế quá hạn: tính theo tỷ lệ % số doanh nghiệp nợ thuế quá hạn trên tổng số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan (Lục Đức Long, 2015).

$$\text{Công thức tính:} = \text{Số doanh nghiệp nợ thuế/tổng số doanh nghiệp làm thủ tục hải quan} * 100\%.$$

2.5. Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu

Quản lý thuế xuất nhập khẩu chịu ảnh hưởng của rất nhiều yếu tố, nhưng có thể khái quát ở những nhân tố cơ bản sau đây:

2.5.1. Nhân tố chủ quan

Nhân tố chủ quan tác động trực tiếp đến sự tồn tại và phát triển của mỗi cơ quan Hải quan. Các nhân tố nội tại này góp phần tạo nên hiệu quả trong quản lý thuế xuất nhập khẩu. Quản lý thuế xuất nhập khẩu có thể chịu tác động bởi nhiều nhân tố chủ quan khác nhau nhưng về cơ bản quản lý thuế xuất nhập khẩu đều chịu tác động của những nhân tố chủ quan sau:

2.5.1.1. Bộ máy tổ chức và nguồn nhân lực

Con người luôn đóng vai trò rất quan trọng trong việc xây dựng và thực thi chính sách. Quản lý thuế xuất nhập khẩu là một bộ phận của hoạt động quản lý thuế nói chung, đó không chỉ là chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận riêng lẻ mà là sự kết hợp đồng thời của tất cả các khâu trong quy trình thu thuế, đảm bảo sự chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới. Nếu bộ máy tổ chức đảm bảo sự ổn định tương đối, được tinh giản, bố trí nhân sự vào từng vị trí phù hợp với chuyên môn được đào tạo và năng lực sở trường của mỗi cá nhân sẽ đáp ứng yêu cầu công việc, giảm chi phí hành chính và mang lại lợi ích cho doanh nghiệp. Trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức của cán

bộ, công chức hải quan cũng có ảnh hưởng nhất định đến công tác quản lý thuế nhập khẩu. Cán bộ, công chức Hải quan có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng sẽ hạn chế các trường hợp tham nhũng, việc phát hiện các trường hợp gian lận trong hoạt động nhập khẩu sẽ chính xác và khách quan hơn. Một khi đội ngũ lãnh đạo các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, có đủ năng lực quản lý, điều hành ở vị trí đảm nhiệm, công chức thừa hành tinh thông chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng ngoại ngữ, tin học thành thạo, có khả năng xử lý giải quyết linh hoạt các vướng mắc trong quản lý thuế đối với hàng hóa nhập khẩu thì hiệu quả công tác quản lý thuế nhập khẩu sẽ cao hơn rất nhiều và ngược lại (Nguyễn Thu Hằng, 2015).

2.5.1.2. Tổ chức và giám sát thực hiện quy trình, thủ tục Hải quan

Cơ quan Hải quan là nơi triển khai các quy trình, thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu. Do vậy, công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu luôn phải hướng tới đổi mới trong việc tổ chức thực hiện và có sự giám sát chặt chẽ, thường xuyên để tạo nên sự thông thoáng cho doanh nghiệp làm thủ tục hải quan, hạn chế tối đa tình trạng gian lận thuế. Đồng thời, cơ quan Hải quan phải tổ chức thực hiện sao cho thủ tục hành chính ít cửa nhất, ít giấy tờ nhất, rút ngắn thời gian làm thủ tục và thông quan hàng hóa, chi phí làm thủ tục Hải quan thấp nhất, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong hoạt động thương mại. Hiện nay, ngành Hải quan Việt Nam đã áp dụng hình thức người khai hải quan phải tự khai báo, tính thuế và tự chịu trách nhiệm pháp lý đã góp phần rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, quy trình, thủ tục Hải quan (Đỗ Văn Trung, 2014).

2.5.1.3. Mức độ trang bị phương tiện kỹ thuật của cơ quan Hải quan

Mức độ trang bị phương tiện kỹ thuật của cơ quan Hải quan ảnh hưởng lớn đến hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu của cán bộ Hải quan. Do vậy, yêu cầu đối với phương tiện kỹ thuật của cán bộ Hải quan hiện nay là nâng cao tính năng, tác dụng của trang thiết bị kỹ thuật trong giám sát, kiểm tra hải quan; Tăng cường trang thiết bị phục vụ cho việc kiểm tra hàng hóa nhập khẩu, hành lý của khách nhập cảnh phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa bàn; Trang bị kỹ thuật đầy đủ cho cán bộ kiểm hóa; Trang bị đồng bộ máy soi hiện đại, quy trình nghiệp vụ hoàn chỉnh cho các điểm thông quan; Hiện đại hóa các trang thiết bị phục vụ hoạt động kiểm soát chống buôn

lậu, buôn bán hàng cấm và các loại tội phạm mới (Đỗ Văn Trung, 2014).

2.5.1.4. Sự phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan

Quản lý thuế xuất nhập khẩu liên quan đến nhiều lĩnh vực nên ngoài việc phối hợp trong nội bộ ngành Hải quan đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan chức năng khác như: Thuế, Kho bạc, Ngân hàng, Tài chính, Công an, các Hiệp hội ngành nghề... Mỗi liên hệ khăng khít giữa cơ quan Hải quan với các cơ quan, tổ chức này tạo nên sự ràng buộc không thể thiếu trong quản lý thuế xuất nhập khẩu. Ngoài ra, sự phối hợp này không chỉ nằm trong biên giới quốc gia mà phải kể đến Hải quan các nước, Tổ chức Hải quan Thế giới... nhằm trao đổi thông tin nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau (Lục Văn Trường, 2016).

2.5.2. Nhóm nhân tố khách quan

Đây là những nhân tố được coi là mang tính khách quan ở tầm vĩ mô hoặc vi mô mà cơ quan Hải quan không thể hoàn toàn kiểm soát được.

2.5.2.1. Hệ thống chính sách pháp luật về thuế của quốc gia

Từ năm 1989, Việt Nam bước vào công cuộc đổi mới chuyển từ cơ chế đóng sang cơ chế mở cửa, hội nhập vào nền kinh tế chung của thế giới, chủ trương làm bạn với tất cả các nước trên thế giới. Cùng với đổi mới đó, trong xã hội có những thay đổi không ngừng. Việt Nam chuyển dần sang nền kinh tế thị trường với những quy luật đặc trưng. Hoạt động mua bán quốc tế trở nên phổ biến, đặc biệt là hoạt động nhập khẩu. Do đó mà công tác quản lý thu thuế nhập khẩu cũng chịu nhiều tác động bởi nhiều điều luật khác nhau. Nó không chỉ là các quy luật đơn thuần của cơ chế thị trường mà còn phải chịu điều chỉnh bởi các điều luật khác. Nó bao gồm các luật của quốc gia và của các Tổ chức kinh tế mà Việt Nam tham gia (Trần Thị Oanh, 2015).

2.5.2.2. Luật Hải quan

Để góp phần bảo đảm thực hiện chính sách của Nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, khoa học và công nghệ, hợp tác và giao lưu quốc tế, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, lợi ích của Nhà nước, quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Luật Hải quan số: 29/2001/QH10 được Quốc hội khoá X, kỳ họp lần thứ 9, từ ngày 22/05/2001 đến ngày 29/06/2001 thông qua và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2002, được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 42/2005/QH11. Ngày

23/06/2014, Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được thông qua thay thế các luật trước đây và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Luật Hải quan cung cấp một hệ thống thông tin quan trọng trong lĩnh vực Hải quan.

Chính sách về Hải quan của Việt Nam là luôn tạo điều kiện thuận lợi về Hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam. Luật Hải quan được áp dụng với các tổ chức, cá nhân thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hàng hoá, xuất cảnh, nhập cảnh phương tiện vận tải. Cơ quan hải quan, công chức hải quan, cơ quan khác của Nhà nước trong việc phối hợp quản lý Nhà nước về hải quan.

Như vậy, Luật Hải quan được áp dụng đối với các đối tượng hàng hoá sau: hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh; hành lý, ngoại hối, tiền Việt Nam của người xuất cảnh, nhập cảnh; vật dụng trên phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh; kim khí quý, đá quý, cổ vật, văn hoá phẩm, bưu phẩm, các tài sản khác xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh hoặc lưu giữ trong địa bàn hoạt động hải quan.

Luật Hải quan là một trong những văn bản luật quan trọng trong công tác quản lý thu thuế nhập khẩu. Luật có những điều khoản quy định về các nội dung trong lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu nhằm đảm bảo công bằng, tránh được những sai phạm xảy ra trong lĩnh vực xuất nhập khẩu (Bùi Thái Quang, 2014).

2.5.2.3. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Cùng với việc mở rộng quan hệ kinh tế ngoại thương trong điều kiện nền kinh tế mở, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng hoá mậu dịch được Quốc hội khoá VIII thông qua tháng 12 năm 1987 và có hiệu lực thi hành từ năm 1988. Kể từ ngày đó, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi, bổ sung vào tháng 7 năm 1993 và tháng 5 năm 1998 (có hiệu lực từ 1/1/1999). Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị Quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10, Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu đã được sửa đổi và bổ sung. Luật Thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 107/2016/QH13 là luật mới nhất, luật này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/09/2016, thay thế Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu số 45/2005/QH11. Luật này có những quy định những quy định mới về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu phù hợp với

thời kỳ mới và phù hợp với các quy định của các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới mà Việt Nam tham gia. Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cung cấp các thông tin có tính hệ thống về lĩnh vực xuất khẩu, nhập khẩu. Từ đối tượng chịu thuế, đối tượng nộp thuế, căn cứ tính thuế và biểu thuế, thuế suất,... Đây là những thông tin làm căn cứ để cán bộ thu thuế nhập khẩu thực hiện nhiệm vụ của mình.

Luật Quản lý thuế

Trước yêu cầu hiện đại hoá công tác quản lý thuế nhằm bảo đảm chính sách động viên của Đảng và Nhà nước, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, góp phần bình đẳng công bằng xã hội, phù hợp với nền kinh tế thị trường và chủ động hội nhập quốc tế. Tại kỳ họp thứ 10 (Quốc hội khoá XI), ngày 29 tháng 11 năm 2012 Quốc hội đã thông qua Luật quản lý thuế, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 7 năm 2013. Đây là lần đầu tiên hoạt động quản lý thuế được quy định thống nhất trong một Luật, tạo tiền đề pháp lý cao trong việc thực hiện chiến lược cải cách và hiện đại hoá hệ thống thuế đã được Quốc hội phê duyệt Luật quản lý thuế được xây dựng nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế nộp đúng, nộp đủ tiền thuế vào Ngân sách Nhà nước và cơ quan quản lý thuế thu đúng, thu đủ tiền thuế. Quy định rõ quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người nộp thuế, cơ quan quản lý thuế và của các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý thuế. Đồng thời Luật được ban hành nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, minh bạch, dễ thực hiện, tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của Nhà nước, cộng đồng xã hội trong việc thực hiện quản lý thuế.

Quản lý thuế là công việc liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, từ năm 2010 khi thực hiện cơ chế người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, vai trò của người nộp thuế đã được đề cao hơn. Theo đó, người nộp thuế tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế của chính mình, cơ quan quản lý thuế tập trung vào thực hiện các chức năng tuyên truyền, hỗ trợ kiểm tra, giám sát người nộp thuế. Trong khi đó, nội dung quản lý thuế lại được quy định rải rác ở nhiều luật thuế nên gây khó khăn cho cả người nộp thuế và cơ quan quản lý thuế trong việc tuân thủ các quy định về quản lý thuế. Việc ban hành Luật quản lý thuế áp dụng chung cho các loại thuế sẽ khắc phục

được tình trạng trên và không phải sửa đổi nhiều luật thuế. Từ đó sẽ tách mạch được nội dung quy định về quản lý thuế ra khỏi các luật thuế hiện hành.

Hiện nay, tình trạng thất thu thuế, nợ đọng thuế còn diễn ra ở nhiều sắc thuế, nhiều địa phương. Ngoài các nguyên nhân về nhận thức của người nộp thuế, còn có nguyên nhân là chưa có quy định cụ thể về các công cụ giám sát, các chế tài xử phạt vi phạm pháp luật về thuế. Phương pháp quản lý thu thuế còn lạc hậu so với các nước trong khu vực. Vì vậy, cần thiết phải xây dựng Luật quản lý thuế phù hợp với thông lệ quốc tế. Đó là người nộp thuế tự tính, tự khai, tự nộp thuế, cơ quan quản lý thuế thực hiện các chức năng quản lý thuế mà trong đó chủ yếu là cung cấp các dịch vụ công (tuyên truyền và hỗ trợ người nộp thuế), giám sát tuân thủ pháp luật thuế thông qua việc kiểm tra, thanh tra, điều tra thuế và cưỡng chế thi hành pháp luật thuế.

Ý thức tuân thủ pháp luật thuế xuất nhập khẩu của các người nộp thuế xuất nhập khẩu.

Trình độ nhận thức cũng như ý thức chấp hành pháp luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp có hoạt động xuất nhập khẩu là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến việc thực thi pháp luật thuế xuất nhập khẩu. Hiện nay có những gian lận chủ yếu sau trong việc nộp thuế của các người nộp thuế: khai báo giá tính thuế nhập khẩu không trung thực; khai báo hàng không thanh toán, hàng hỗ trợ tiếp thị quảng cáo, hay thủ đoạn đánh đồng tên hàng nhưng chất lượng và phẩm cấp thương mại cao hơn; gian lận giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O), thủ đoạn khai sai nguồn gốc xuất xứ hàng hóa nhằm hưởng lợi từ việc ưu đãi về thuế đối với các nước mà Việt Nam có cam kết giảm thuế.

Ngoài ra, còn nhiều doanh nghiệp chây ỳ, cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, có dấu hiệu trốn thuế hoặc không hợp tác với cơ quan chức năng trong việc thu hồi nợ thuế, mặc dù cơ quan Hải quan đã áp dụng các biện pháp thu hồi nợ như: xác minh tài khoản tiền gửi, xác minh tình trạng hoạt động, địa chỉ của doanh nghiệp tại các cơ quan Thuế, cơ quan Công an, các Ngân hàng thương mại, Sở Kế hoạch và Đầu tư; một số khác doanh nghiệp bỏ trốn, mất tích, giải thể, phá sản hoặc đang trong tình trạng tạm ngừng hoạt động, do vậy việc hoàn thiện hồ sơ thu hồi nợ thuế còn gặp nhiều khó khăn.

Đặc điểm địa bàn hoạt động của Cục Hải quan

Ở một số địa phương do đặc điểm điều kiện tự nhiên có nhiều cửa khẩu phụ, lối mở, đường mòn, dốc núi (như khu vực các tỉnh biên giới phía Bắc), khu vực biên giới đồng bằng có nhiều đường giao thông đường thủy (như khu vực các tỉnh biên giới Tây Nam), hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu sẽ gặp nhiều khó khăn. Phần nhiều ở các Cục Hải quan địa phương trên, lực lượng cán bộ, công chức Hải quan còn mỏng, không thể dàn trải trong toàn bộ phạm vi hoạt động đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật về thuế xuất nhập khẩu, buôn lậu, gian lận thương mại.

Nhân tố hội nhập kinh tế quốc tế

Hiện nay Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của nhiều tổ chức kinh tế khu vực và thế giới như: ASEAN, ASEM, APEC và đặc biệt là thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới - WTO. Trong thời đại nền kinh tế Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới, với việc Việt Nam tham gia vào tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Hiệp định thương mại tự do (FTA), trong lĩnh vực nhập khẩu cũng có những thay đổi lớn, đặc biệt là việc Việt Nam cam kết cắt giảm mức thuế bình quân toàn biểu được giảm từ mức hiện hành 17,4% xuống còn 13,4% thực hiện dần trung bình 5 - 7 năm. Dựa vào những cam kết về thuế xuất nhập khẩu mà công tác quản lý thu thuế xuất nhập khẩu cần nắm vững để đảm bảo thực hiện thu đúng, thu đủ, tránh các tình trạng thu thiếu hay thu nhầm. Như vậy, khi Việt Nam gia nhập WTO thì khối lượng hàng hoá nhập khẩu được nhập khẩu vào Việt Nam sẽ tăng lên, nhưng mức thuế lại giảm xuống đó là một thách thức lớn đặt ra cho công tác quản lý thu thuế nhập khẩu.

Bên cạnh đó là sự tham gia hiệp định AFTA và gần đây nhất là việc Việt Nam ký hiệp định thương mại song phương với Mỹ đang đặt ra nhiều vận hội cho sự phát triển của đất nước, nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức mà chúng ta thực sự phải nỗ lực thì mới đạt được những mục tiêu phát triển mong muốn. Thách thức trước mắt là chúng ta phải thực hiện những cắt giảm thuế quan với nhiều mặt hàng theo yêu cầu của CEPT trong chương trình của AFTA.

Những mặt tích cực của nền kinh tế thị trường, hội nhập kinh tế quốc tế thì cũng còn có nhiều vấn đề cần xem xét. Các đối tượng dựa vào các kẽ hở của Luật thuế Xuất

Nhập khẩu để trục lợi cho mình. Đó là một yêu cầu đặt ra rất lớn cho công tác thu thuế. Phải đưa ra được những biện pháp phòng chống gian lận thương mại, buôn lậu qua biên giới, qua đường hàng không... là yêu cầu đặt ra trước mắt và lâu dài để đưa nền kinh tế Việt Nam phát triển, góp phần bình ổn xã hội (Bùi Thái Quang, 2014).

2.6. Cơ sở thực tiễn của đề tài.

2.6.1. Kinh nghiệm quản lý thuế xuất nhập khẩu ở một số địa phương.

Kinh nghiệm quản lý thuế xuất nhập khẩu của Cục Hải quan TP Hà Nội

Cục Hải quan TP. Hà Nội một trong những đơn vị lớn của ngành Hải quan với bề dày truyền thống trong chặng đường gần 60 năm xây dựng và phát triển. Cục Hải quan TP. Hà Nội có 12 phòng chức năng và 12 Chi cục trực thuộc, thực hiện thủ tục hải quan cho các doanh nghiệp trên địa bàn TP. Hà Nội, các tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc và Yên Bái. Số doanh nghiệp Cục Hải quan TP. Hà Nội thực hiện nhiệm vụ quản lý là 12.358 doanh nghiệp.

Để hoàn thành công tác quản lý thuế XNK, Cục Hải quan TP. Hà Nội đã tích cực đầu tư trang thiết bị hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin trong các khâu nghiệp vụ hải quan; thường xuyên nghiên cứu cải tiến các quy trình nghiệp vụ, rút ngắn thời gian thông quan hàng hoá tạo môi trường thuận lợi nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ đối với hoạt động XNK hàng hoá. Cục Hải quan TP. Hà Nội đã mạnh dạn chấn chỉnh, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, phù hợp; đồng thời chú trọng việc giáo dục chính trị, đạo đức nghề nghiệp, đẩy mạnh đào tạo lại chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ lãnh đạo cũng như công chức thừa hành. Cục Hải quan TP. Hà Nội cũng đã thường xuyên đối thoại với doanh nghiệp để giải quyết nhanh chóng, kịp thời các vướng mắc của doanh nghiệp (Trong năm 2013, Cục Hải quan TP. Hà Nội triển khai tổ chức Hội nghị doanh nghiệp định kỳ 1 tháng 1 lần). Cục giao các đơn vị trực thuộc phối hợp chặt chẽ với các chi nhánh, điểm giao dịch của các Ngân hàng đã ký kết thỏa thuận hợp tác với cơ quan Hải quan để thực hiện việc thu thuế, bảo lãnh thuế nhanh chóng, kịp thời cho doanh nghiệp. Cục Hải quan TP. Hà Nội cũng ưu tiên áp dụng chữ ký số để khai thác thông tin về thanh toán, nộp thuế, bảo lãnh thuế bằng phương thức điện tử trên cổng thanh toán điện tử làm căn cứ để xem xét việc thông quan, giải phóng hàng cũng như xét ân hạn thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, hàng năm, Cục Hải quan TP. Hà Nội thường xuyên thực hiện quyết liệt các giải pháp tăng thu thuế XNK, chủ yếu là các biện pháp xử lý nợ thuế NK, quản lý khai thác các nguồn thu mới, nâng cao hiệu quả công tác thu thập thông tin, QLRR, KTSTQ, phòng chống buôn lậu; chú trọng phát hiện các hành vi gian lận thương mại; tăng cường công tác trao đổi thông tin và tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp có kim ngạch XNK lớn; từng bước áp dụng phương pháp quản lý hoạt động doanh nghiệp theo phương châm Hải quan và doanh nghiệp cùng đồng hành.

Kinh nghiệm quản lý thuế XNK của Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh

Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh là một đơn vị Hải quan lớn nhất nước, thực hiện khối lượng công việc chiếm 40% khối lượng công việc của toàn ngành Hải quan và số thu nộp NSNN hàng năm đạt gần 50% số thu từ hoạt động XNK của cả nước. Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có 12 đơn vị tham mưu và 13 Chi cục Hải quan trực thuộc, quản lý gần 30.000 doanh nghiệp với nhiều loại hình hàng hoá XNK. Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh là đơn vị đầu tiên trong toàn ngành thực hiện thủ tục hải quan điện tử (với 12/12 Chi cục thực hiện, với số doanh nghiệp tham gia là 29.280 doanh nghiệp). Việc triển khai chương trình thủ tục hải quan điện tử đã tạo rất nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp trong hoạt động XNK hàng hoá.

Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cũng đã phải triển khai nhiều biện pháp quản lý trong kiểm tra, kiểm soát, đặc biệt là hậu kiểm để tránh thất thu cho NSNN sau khi triển khai thủ tục hải quan điện tử. Kết quả trong năm 2014, qua công tác KTSTQ, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã truy thu 249,96 tỷ đồng (tăng 301,31% so với năm 2013); qua kiểm tra, kiểm soát đã phát hiện nhiều vụ buôn lậu, vi phạm về giả mạo giấy tờ, hồ sơ hải quan điện tử, giả mạo chứng từ nộp tiền để thông quan hàng hoá nhằm mục đích trốn thuế (năm 2013 đã lập tổng cộng 4.950 biên bản vi phạm với trị giá hàng tịch thu và tiền phạt trên 97 tỷ đồng).

Bên cạnh đó, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã công khai, minh bạch mọi văn bản, chính sách liên quan đến hoạt động XNK, tăng cường đối thoại, gặp gỡ, trao đổi với doanh nghiệp. Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh đã, đang và tiếp tục chủ trì, phối hợp với các đơn vị khai thác, kinh doanh cảng biển, nhà ga hàng không để có biện pháp hỗ trợ thủ tục cũng như chi phí cho doanh nghiệp. Ngoài việc tích cực xử lý số thuế nợ đọng không có khả năng thu hồi, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cũng tích cực

áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về thuế để buộc người nộp thuế phải nộp đủ tiền thuế, tiền phạt vào NSNN.

Ngoài ra, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh còn thường xuyên tổ chức Hội nghị đối thoại doanh nghiệp để tiếp nhận, giải quyết các vướng mắc liên quan đến chính sách quản lý XNK, quy trình thủ tục hải quan, chế độ giám sát hải quan... đến cộng đồng doanh nghiệp; thường xuyên phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Ban Quản lý Khu chế xuất và công nghiệp TP. Hồ Chí Minh để tuyên truyền, phổ biến các quy định mới về thủ tục hải quan cho doanh nghiệp.

Để cải cách công tác quản lý thuế, Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh cũng đã triển khai đề án hiện đại hoá thu NSNN, thực hiện kết nối Kho bạc - Hải quan - Thuế để trao đổi thông tin nộp thuế, đồng thời thực hiện phối hợp thu NSNN, bảo lãnh thuế theo thoả thuận song phương giữa cơ quan Hải quan và Ngân hàng thương mại tại 13/13 Chi cục Hải quan với khối lượng lên tới 90% dịch vụ thanh toán. Nhờ đó thủ tục thanh toán thuế được thực hiện nhanh chóng, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, số liệu thu thuế được cập nhật nhanh chóng, chính xác (Đỗ Văn Trung, 2014).

2.6.2. Bài học kinh nghiệm từ thực tiễn

Từ kinh nghiệm quản lý thuế XNK của các Cục Hải quan thành phố lớn, có thể rút ra các bài học kinh nghiệm cho Chi cục Hải Quan cửa khẩu Cảng HP KV3 như sau:

Một là: Tạo mọi điều kiện thuận lợi đối với hoạt động XNK nhưng không được buông lỏng quản lý. Cần tăng cường mạnh mẽ công tác kiểm tra, kiểm soát, chống buôn lậu, gian lận thương mại và công tác KTSTQ. Chính việc triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy công tác kiểm tra, kiểm soát, KTSTQ sẽ vừa tăng cường được hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý thuế của cơ quan Hải quan, làm tăng số thu nộp NSNN vừa ngăn ngừa các hành vi vi phạm và nâng cao sự tuân thủ pháp luật thuế của cộng đồng doanh nghiệp. Cả 3 Cục Hải quan địa phương trên là những minh chứng cho cách làm hiệu quả này.

Hai là: công khai, minh bạch mọi văn bản, chính sách liên quan đến hoạt động XNK, tăng cường đối thoại, gặp gỡ, trao đổi, giải quyết, tháo gỡ vướng mắc cho cộng đồng doanh nghiệp, tạo sự phối hợp tốt hơn giữa đối tượng nộp thuế và cơ quan Hải quan, giảm thiểu các xung đột, tranh chấp không đáng có; đồng thời đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý của cơ quan Hải quan, hiện đại hoá thu NSNN, thực hiện kết nối Kho bạc - Hải quan - Thuế để trao đổi thông tin nộp thuế, đồng thời thực hiện

phối hợp thu NSNN, bảo lãnh thuế theo thoả thuận song phương giữa cơ quan Hải quan và Ngân hàng thương mại. Nhờ những giải pháp này mà Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh có thể thực hiện thủ tục thanh toán thuế được nhanh chóng, tạo thuận lợi cho người nộp thuế, số liệu thu thuế được cập nhật nhanh chóng, chính xác trong điều kiện Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh phải thường xuyên quản lý trên 30.000 doanh nghiệp.

Ba là: Cần chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực tinh thông nghiệp vụ, hoạt động “Chuyên nghiệp - Minh bạch - Hiệu quả”. Cần thường xuyên quan tâm công đào tạo và đào tạo lại cho đội ngũ CBCC. Đặc biệt, cần xây dựng được đội ngũ chuyên gia trong các lĩnh vực giá, mã số, thuế,... để đáp ứng yêu cầu quản lý thuế trong tình hình mới (Đỗ Văn Trung, 2014).

PHẦN III. ĐẶC ĐIỂM ĐỊA BÀN NGHIÊN CỨU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Giới thiệu về Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III.

3.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III tiền thân là trạm trả hàng phi mậu dịch, trước đây gọi là hải quan Vạn Mỹ chuyên thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hoá phi mậu dịch của các đối tượng là lao động, lưu học sinh công tác và làm việc tại nước ngoài gửi về Việt Nam theo đường biển. Do tính chất hàng hoá đối với loại hình này về sau không còn nhiều và hàng hoá do các Doanh nghiệp kinh doanh theo loại hình thương mại ngày càng lớn. Cục hải quan Hải Phòng phân định cho các Chi cục hải quan trực thuộc Cục để quản lý các cảng độc lập trên địa bàn cảng biển Hải Phòng(Tổng cục Hải quan, 2001).

*** Lịch sử hình thành**

- Ngày 10/9/1999 đổi tên trạm trả hàng phi mậu dịch hải quan Vạn Mỹ thành HQ Vạn Mỹ.

- Ngày 26/12/2000 có QĐ số 4817/HQHP-TCCB 26/12/2000 của Cục trưởng Cục hải quan TP Hải Phòng ban hành quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức bộ máy và mối quan hệ công tác của Hải quan Vạn Mỹ.

- Ngày 01/01/2002 Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III được thành lập (tiền thân là Hải quan Vạn Mỹ) theo Quyết định 1366/QĐ-TCCB ngày 16/12/2001 của Tổng cục hải quan.

- Địa chỉ trụ sở hiện tại: Số 1 Ngô Quyền - quận Hải An - TP. Hải Phòng.

- Diện tích mặt bằng: 1.000 m², diện tích xây dựng công trình: 670 m².

*** Địa bàn quản lý:**

+ 6 Cảng biển Quốc Tế: Nam Hải; Đoạn Xá; Transvina; Green Port; VIP Green; Nam Hải Đình Vũ.

+ 6 Kho CFS: Vinabridge, Viconship, Liên Việt, Gemadept, Logistic xanh; Chi nhánh Miền Bắc - Công ty TNHH một thành viên Tiếp vận Gemadept

+ 4 Cảng chuyên dùng: Đài Hải; Hải Đăng (Shell Gas); Cửa Cấm; Thủy Sản II và 1 Cảng hàng không Quốc tế Cát Bi.

+ 19 Kho Ngoại quan: Công ty TNHH TM Cát Vận; Công ty CP Kho vận AB Plus; Công ty CP TM Hoàng Cầu; Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải

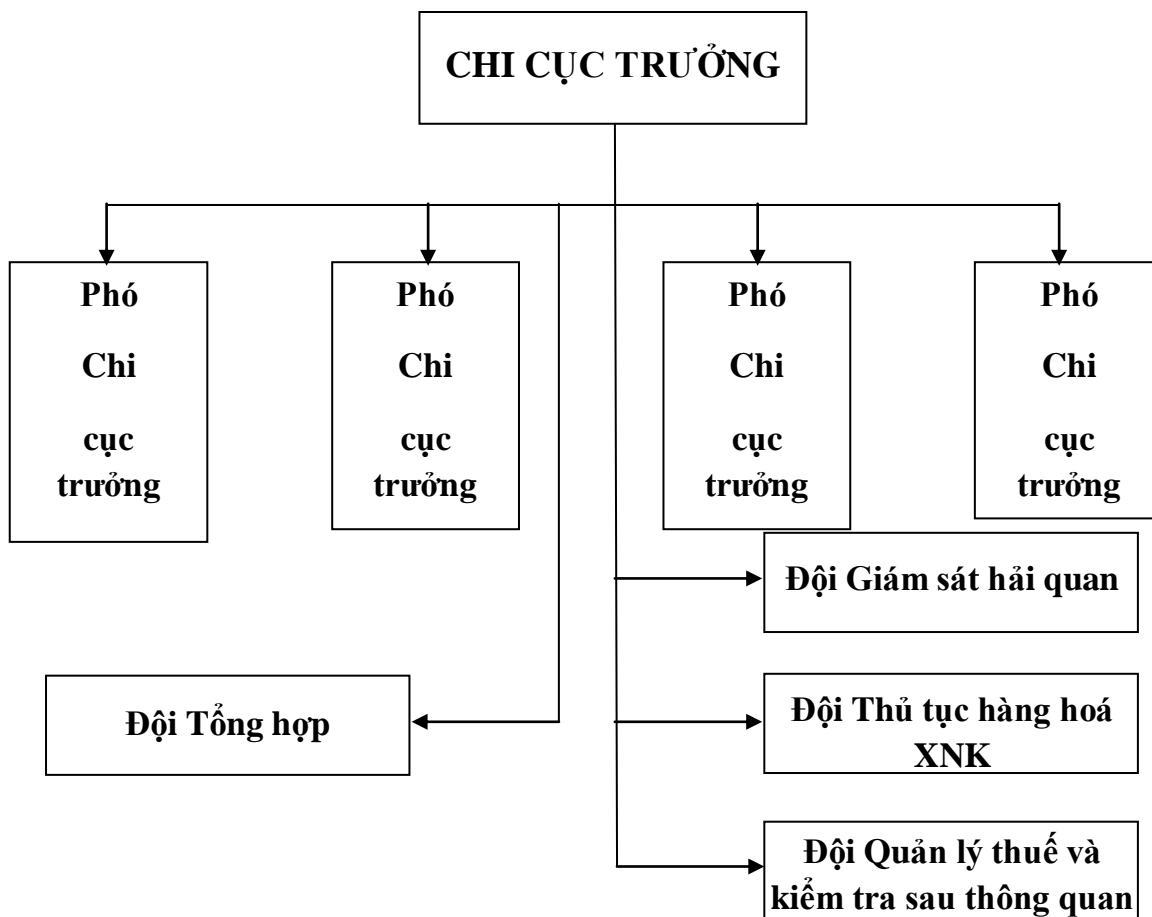
Phòng; Chi nhánh Công ty CP Giao nhận VT ngoại thương tại Hải Phòng; Công ty Giao nhận kho vận ngoại thương Hải Phòng - Vietrans HP; Công ty TNHH MTV Trung tâm Logistics Xanh; Công ty CP XNK Quảng Bình; Công ty TNHH Thanh Huyền; Công ty CP TMDV và XNK Hải Phòng - tradimexco Hải Phòng; Công ty CP TM Xây dựng 5 Hải Phòng - vietracimex Hải Phòng; Công ty CP Vinalines Logistics VN; Công ty CP hóa chất vật liệu điện Hải Phòng - Cemaco HP; Công ty TNHH SXTM Hoàng Thành; Công ty TNHH TM và Kho vận Devyt; Công ty CP Liên Kết Việt Logistics; Công ty CP đầu tư XNK Long Giang; Chi nhánh Miền Bắc - Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept; Công ty CP quản lý và khai thác kho lạnh DKP.

+ 2 Kho xăng dầu Cát Bi: Cty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng Không Việt Nam (SKYPEC); Công ty CP nhiên liệu bay petrolimex.

+ 6 kho, bãi không hoạt động theo các quy định về địa điểm chịu sự giám sát hải quan: Công ty Hồng Quân; Công ty CP đầu tư XD công trình thủy Cienco; Công ty TNHH MTV đại lý tàu biển Vosco; Công ty CP Cung ứng DV kỹ thuật Hàng Hải; Công ty TNHH MTV Inlaco Logistics; Công ty CP Liên kết Việt Logistics.

+ 2 Địa điểm tập kết, kiểm tra HHXNK tập trung: Công ty CP ICD Nam Hải; Công ty CP Đầu tư DV và PT Xanh. (Tổng cục Hải quan, 2001).

3.1.2. Cơ cấu tổ chức



Nguồn: Mô hình Chi cục HQCK – Cục Hải quan Hải Phòng, 2018

Hình 3.1. Cơ cấu tổ chức của Chi cục hải quan cửa khẩu Hải Phòng khu vực III

Tổng số CBCC, hợp đồng lao động hiện tại: 133 người, trong đó:

+ Lãnh đạo chi cục: 5 người.

+ Lãnh đạo đội: 14 người.

+ Công chức và hợp đồng lao động: 114 người.

+ Cơ cấu tổ chức:

/ 05 Lãnh đạo Chi cục (1 Chi cục trưởng và 4 chi cục phó)

/ Đội tổng hợp: 13 người (2 lãnh đạo đội + 2 công chức + 7 hợp đồng lao động + 2 tập sự)

/ Đội thủ tục hàng hóa XNK: 41 người (4 lãnh đạo đội + 37 công chức)

/ Đội quản lý thuế và KTSTQ: 12 người (3 lãnh đạo đội + 9 công chức)

/ Đội giám hải quan: 62 người (5 lãnh đạo đội + 57 công chức).

(Nguồn: Số liệu thống kê từ Đội Tổng Hợp – Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3).

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

a, Đội Thủ tục hàng hoá xuất nhập khẩu:

Tiếp nhận tờ khai; kiểm tra hàng hoá xuất nhập khẩu theo tờ khai của các doanh nghiệp; Căn cứ vào số lượng hàng hoá và mức thuế suất để tính ra số tiền thuế mà đối tượng nộp thuế phải nộp.

b, Đội Giám sát công cảng tàu kho bãi và kiểm soát hải quan

Đóng dấu hàng đã qua khu vực giám sát; Theo dõi hàng hoá ra vào công cảng; Chống buôn lậu và gian lận thương mại: có nhiệm vụ tuần tra, phát hiện những cá nhân, doanh nghiệp có hành vi buôn lậu và các hành vi gian lận khác theo quy định của luật hải quan.

c, Đội Quản lý thuế

Theo dõi công tác kế toán về thuế, các khoản nộp ngân sách; Theo dõi, đôn đốc, thu hồi nợ đọng; Thanh khoản tờ khai tạm nhập tái xuất, hàng gia công sản xuất xuất khẩu; Hoàn thuế; Phúc tập và lưu trữ hồ sơ xuất khẩu, nhập khẩu.

d, Đội Tổng hợp

- Theo dõi quỹ hành chính, thanh quyết toán quỹ hành chính cho đơn vị (gồm thanh toán văn phòng phẩm, tiếp khách và các khoản thanh toán khác);

- Theo dõi, quản lý hệ thống máy tính, máy Fax của đơn vị.

- Giao nhận công văn.

(Nguồn: Bảng phân công nhiệm vụ của Chi cục trưởng – Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3)

3.1.3. Chức năng và nhiệm vụ của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

a) Chức năng

Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực III thuộc Cục hải quan Hải Phòng, có chức năng giúp Cục trưởng Cục hải quan thành phố Hải Phòng quản lý nhà nước về hải quan và tổ chức thực thi pháp luật về hải quan, các quy định khác của pháp luật có liên quan trên địa bàn hoạt động của Chi cục theo quy định của pháp luật.

b) Nhiệm vụ

- Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn và triển khai thực hiện các quy định của nhà nước về hải quan trên địa bàn hoạt động của Chi cục, gồm:

+ Thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, chuyển cửa khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh tại các cửa khẩu, các địa điểm kiểm tra tập trung và các địa điểm kiểm tra khác theo quy định của pháp luật;

+ Thu thập, khai thác, xử lý thông tin nghiệp vụ hải quan theo quy định của pháp luật và của Tổng cục trưởng Tổng cục hải quan;

+ Áp dụng các biện pháp nghiệp vụ cần thiết để chủ động phòng, chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy trong phạm vi địa bàn hoạt động.

+ Phối hợp thực hiện nhiệm vụ phòng, chống buôn lậu, phòng, chống vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, phòng, chống ma túy ngoài phạm vi địa bàn hoạt động của Chi cục theo quy định của pháp luật;

+ Tổ chức thực hiện pháp luật về thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

+ Kiểm tra sau thông quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật;

+ Áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

+ Thống kê nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh và phương tiện vận tải xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các đội công tác trong việc tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao.

- Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan theo quy định của pháp luật.

- Xử lý vi phạm hành chính hoặc khởi tố đối với các vụ buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới theo quy định của pháp luật; giải quyết khiếu nại đối với các quyết định hành chính của các đơn vị trực thuộc và giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung các quy định của Nhà nước về hải quan đối với hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh và chính sách thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; các quy định của Tổng cục hải

quan về chuyên môn nghiệp vụ và quản lý nội bộ; báo cáo Cục hải quan những vướng mắc phát sinh, các vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Chi cục.

- Tổ chức triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ và phương pháp quản lý hải quan hiện đại vào hoạt động của Chi cục

- Phối hợp với các đơn vị trên địa bàn, cơ quan nhà nước và các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tuyên truyền và hướng dẫn thực hiện chính sách, pháp luật về hải quan trên địa bàn.

- Hướng dẫn, giải thích các vấn đề thuộc phạm vi quản lý của Chi cục theo quy định của pháp luật.

- Hợp tác quốc tế về hải quan theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Cục hải quan.

- Tổng kết, đánh giá tình hình và kết quả hoạt động của Chi cục thực hiện chế độ báo cáo theo chế độ quy định.

- Quản lý, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của Chi cục theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý cán bộ của Cục hải quan.

- Quản lý, lưu giữ hồ sơ, tài liệu, ấn chỉ thuế; quản lý, sử dụng phương tiện, trang bị kỹ thuật và kinh phí hoạt động của Chi cục theo quy định của pháp luật.

(Nguồn: Bảng phân công nhiệm vụ của Cục Trưởng Cục Hải quan Hải Phòng).

3.2. Phương pháp nghiên cứu.

3.2.1. Nguồn số liệu.

Nguồn số liệu gián tiếp (thứ cấp).

Sử dụng số liệu báo cáo tổng kết về công tác thu thuế, đòi nợ đọng thuế, miễn thuế, hoàn thuế hàng năm từ Đội Tổng hợp của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

Nguồn số liệu trực tiếp (sơ cấp).

Bài luận thu thập số liệu sơ cấp từ phương pháp phỏng vấn 14 công chức, trong đó 04 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, 10 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo trong Chi cục.

a. Chọn mẫu điều tra.

Đề tài tiến hành phỏng vấn 03 nhóm đối tượng chính là công chức giữ chức vụ lãnh đạo và công chức không giữ chức vụ và chủ doanh nghiệp, cụ thể:

- Cấp Chi cục: 01 Chi cục trưởng, 01 Chi cục phó.

- Cấp Đội: 01 Đội trưởng, 01 Đội phó.
 - Công chức trong Chi cục không giữ chức vụ lãnh đạo: 10 công chức (trong đó có 04 công chức phụ trách quản lý thuế, 6 công chức phụ trách thủ tục XNK hàng hóa).
 - Chủ doanh nghiệp đóng thuế xuất nhập khẩu
- b. Phương pháp điều tra.

3.2.2. Phương pháp phân tích và xử lý số liệu.

* Phương pháp thống kê.

Sử dụng để phản ánh thực trạng kết quả thu thuế, đòi nợ đọng, hoàn thuế, miễn thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 từ năm 2010 đến năm 2014.

Bảng 3.1: Phương pháp thống kê số liệu

Đối tượng điều tra	Số lượng mẫu dự định	Phương pháp chọn	Phương pháp điều tra	Nội dung cơ bản
Cán bộ, công chức trong Chi cục	14 công chức, trong đó 04 công chức giữ chức vụ lãnh đạo, 10 công chức không giữ chức vụ lãnh đạo trong Chi cục.	Cấp Chi cục: 01 Chi cục trưởng, 01 Chi cục phó. Cấp Đội: 01 Đội trưởng, 01 Đội phó. Công chức trong Chi cục không giữ chức vụ lãnh đạo: 10 công chức trong đó có 04 công chức phụ trách quản lý thuế, 6 công chức phụ trách thủ tục XNK hàng hóa	Phòng văn trực tiếp	Tình hình thu thuế, đòi nợ đọng thuế, hoàn thuế, miễn thuế thời gian qua tại Chi cục? Tình hình hoàn thành chỉ tiêu ngân sách hàng năm được giao của Chi cục như thế nào? Những thuận lợi, khó khăn gì trong công tác quản lý thuế tại Chi cục? Tình hình đối tượng nộp thuế có gia tăng hàng năm không? Các biện pháp của Chi cục đưa ra để đảm bảo công tác quản lý thuế có hiệu quả? Các biện pháp đưa ra của Chi cục hiện tại có hiệu quả không? Những đề xuất kiến nghị.

Phỏng vấn trực tiếp:

- Tình hình thu thuế, đòi nợ đọng thuế, hoàn thuế, miễn thuế thời gian qua tại Chi cục?

- Tình hình hoàn thành chỉ tiêu ngân sách hàng năm được giao của Chi cục như thế nào?

- Những thuận lợi, khó khăn gì trong công tác quản lý thuế tại Chi cục?

- Tình hình đối tượng nộp thuế có gia tăng hàng năm không?

- Các biện pháp của Chi cục đưa ra để đảm bảo công tác quản lý thuế có hiệu quả?

- Các biện pháp đưa ra của Chi cục hiện tại có hiệu quả không? Những đề xuất kiến nghị.

** Phương pháp phân tích tổng hợp.*

Sử dụng để đánh giá tình hình quản lý thuế hàng năm. Từ đó đánh giá về hiệu quả quản lý thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

** Phương pháp so sánh, đối chiếu.*

Được sử dụng để đánh giá hiệu quả của công tác thuế, đòi nợ đọng, hoàn thuế, miễn thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 qua các năm.

** Phương pháp dự báo thống kê.*

Dựa vào hiệu quả của công tác quản lý thuế, dự đoán kết quả thu được của năm tiếp theo.

3.2.3. Hệ thống chỉ tiêu phân tích và xử lý số liệu.

- Tình hình số thu thuế hàng năm tại Chi cục như thế nào? Tăng hay giảm so với các năm?

- Nguyên nhân tăng, giảm thuế các năm?

- Tình hình thu thuế so với chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước được giao hàng năm như thế nào?

- Tình hình quản lý đối tượng nộp thuế như thế nào?

- Tình hình quản lý việc kê khai, tính thuế, nộp thuế như thế nào?

- Tình hình quản lý công tác đòi nợ đọng thuế hàng năm như thế nào?

- Tình hình quản lý công tác hoàn thuế, miễn thuế, không thu thuế hàng năm tại Chi cục như thế nào?

- Tình hình quản lý công tác thanh tra thuế hàng năm tại Chi cục như thế

nào?

Căn cứ vào nội dung quản lý thuế xuất khẩu, hệ thống chỉ tiêu phân tích tập trung vào phân tích:

- Tổ chức đăng ký thuế, khai thuế
- Quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế
- Kiểm tra căn cứ tính thuế
- Tổ chức thu, nộp thuế
- Giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt
- Kiểm tra, thanh tra xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại tố cáo về thuế.

PHẦN IV. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

4.1. Thực trạng thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

4.1.1. Tình hình xuất, nhập khẩu hàng hóa tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Tính đến hết tháng 6/2018, Cục Hải Quan TP Hải Phòng thu được 23.293 tỷ đồng, đạt 46,54% so với chỉ tiêu Bộ Tài chính giao (50.050 tỷ), đạt 46% so với chỉ tiêu phân đầu Tổng cục Hải quan giao (50.640 tỷ), giảm 13,95% so với cùng kỳ năm 2017 (27.069 tỷ).

Một số nguyên nhân tác động đến số thu:

- Mặt hàng ô tô: 6 tháng đầu năm 2018 kim ngạch nhập khẩu có thuế mặt hàng ô tô giảm 49,5% so với kim ngạch cùng kỳ năm 2017, làm cho số thu thuế năm 2018 giảm 75% (=4.642 tỷ) so với thuế năm 2017 (số thu thuế từ mặt hàng ô tô 6 tháng năm 2018 là 1.561 tỷ, số thu thuế từ mặt hàng ô tô 6 tháng năm 2017 là 6.203 tỷ).

- Cảng Hải Phòng là nơi có lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn nhất miền bắc nhưng hàng hóa ngoài làm thủ tục tại Cục hải quan Hải Phòng còn làm thủ tục tại nhiều Cục hải quan khác theo hình thức vận chuyển độc lập, kết hợp:

+ Hàng hóa được chuyển từ cảng Hải Phòng đến ICD Mỹ Đình làm thủ tục hải quan (theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn CV 789/TTg-KTTH) số thuế khoảng: 114 tỷ đồng.

+ Hàng vận chuyển độc lập kết hợp:

++ Vận chuyển kết hợp: 237.002 cont = 5.162.019 tấn, hàng rời hàng lẻ: 186.323 tấn; kim ngạch chuyển đi 6.352 triệu USD, chiếm 25,8% tổng KN NK, tổng số thuế khoảng là 7.036 tỷ đồng.

++ Vận chuyển độc lập: 5.662 cont = 69.480 tấn.

- Lộ trình giảm thuế: Thuế suất nhập khẩu theo các Hiệp định tự do thương mại (FTA) trong giai đoạn cắt giảm mạnh, đặc biệt có trên 90% các dòng hàng theo Hiệp định ATIGA có thuế suất thuế nhập khẩu giảm xuống 0%, trong đó có thuế suất nhập khẩu ô tô 9 chỗ ngồi trở xuống giảm nhiều từ 30% xuống 0%, do đó ảnh hưởng lớn đến số thuế của Cục.

Bảng 4.1. Kim ngạch XNK tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Chỉ tiêu Năm	Số thu nộp NS (tỷ đồng)	Kim ngạch XNK (tỷ USD)	Tổng số tờ khai hải quan đã xử lý	Tổng Container XNK
2013	6.432	2,5	112.077	587.613
2104	7.556	3,1	112.842	602.212
2015	8.420	3,6	114.376	619.146
2016	11.548	4,7	116.207	684.776
2017	12.980	6,5	125.821	779.918

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

So sánh số liệu năm sau luôn cao hơn năm trước, đặc biệt về số thu nộp ngân sách Nhà nước

- Về kim ngạch xuất nhập khẩu:

Năm 2013, Chi cục đã làm thủ tục cho 112.077 tờ khai xuất nhập khẩu với tổng kim ngạch đạt 2,5 tỷ USD đến năm 2014 tổng số tờ khai XNK tăng lên 0,68% với tổng kim ngạch đạt 3,1 tỷ USD. Năm 2015, Chi cục đã làm thủ tục cho 114.376 tờ khai xuất nhập khẩu với tổng kim ngạch đạt 3,6 tỷ USD. Năm 2016, số lượng tờ khai đăng ký làm thủ tục tại Chi cục là 116.207 tờ khai tương đương 4,7 tỷ USD, tăng 1,6% về số lượng tờ khai và 30,5% về kim ngạch so với năm 2015. Năm 2017, số lượng tờ khai đăng ký làm thủ tục tại Chi cục là 125.821 tờ khai tương đương 6,5 tỷ USD, tăng 8,2% về số lượng tờ khai và 38,3% về kim ngạch so với năm 2016.

Số lượng tờ khai và kim ngạch tăng qua từng năm phản ánh tốc độ phát triển của các doanh nghiệp kinh doanh cảng. Với việc phát triển các bến cảng mới gần hạ lưu sông Cấm và tiến gần ra cửa biển, các cảng đã có thể tiếp nhận tàu có trọng tải lớn hơn, trong đó có những tàu RoRo chuyên chở ô tô nhập khẩu dẫn đến kim ngạch hàng hóa tăng cao. Bên cạnh, việc tăng cường công tác cải cách thủ tục hành chính, giảm thời gian thông quan đã thu hút doanh nghiệp đến làm thủ tục tại Chi cục.

- Về thu nộp ngân sách Nhà nước:

Năm 2015 Chi cục thu nộp ngân sách Nhà nước 8.420 tỷ đồng, đạt 102,8% chỉ tiêu được giao (8.188 tỷ), tương đương vượt chỉ tiêu 2,8% = 232 tỷ. Năm 2016 Chi cục thu nộp ngân sách Nhà nước 11.548 tỷ đồng, đạt 104,5% chỉ tiêu được giao (11.050 tỷ), tương đương vượt chỉ tiêu 4,5% = 498 tỷ. Năm 2017 Chi cục thu nộp ngân sách Nhà nước 12.980 tỷ đồng, đạt 103,8% chỉ tiêu được giao (12.500 tỷ), tương đương vượt chỉ tiêu 3,8% = 480 tỷ. Trong 3 năm 2015, 2016 và 2017 Chi cục luôn được giao chỉ tiêu thu thuế năm sau cao hơn năm trước, tuy nhiên Chi cục đều xuất sắc thu vượt chỉ tiêu được giao.

4.1.1.2. Kết quả thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Ngay từ khi hoạt động, Chi cục đã chủ động tuyên truyền, vận động doanh nghiệp thực hiện phương thức thanh toán điện tử, nộp thuế qua Ngân hàng, Kho bạc. Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã phối hợp chặt chẽ với Ngân hàng.

- Kho bạc thực hiện Quy trình “Phối hợp thu Ngân sách Nhà nước” theo Thông tư số 126/2014/TT-BTC ngày 28/8/2014, Thông tư số 184/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục kê khai, thu nộp tiền thuế và các khoản thu khác đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, các sai sót phát sinh trong quá trình thu được phối hợp giải quyết kịp thời, tiền thuế của các doanh nghiệp được thu nộp nhanh chóng, đầy đủ, chính xác, kịp thời vào NSNN, 100% các doanh nghiệp thực hiện nộp thuế qua Kho bạc hoặc các tổ chức tín dụng, sau đó truyền nhận thông tin nộp thuế và hạch toán NSNN theo phương thức điện tử, trên cơ sở dữ liệu phần mềm quản lý được kết nối 3 bên giữa Ngân hàng - Kho bạc - Hải quan. Chi cục không phải thu nhận bằng tiền mặt sau đó nộp vào NSNN. Công tác tổ chức, quản lý thu NSNN của Chi cục luôn tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Kết quả thu ngân sách từ hoạt động xuất nhập khẩu qua chi cục đã tăng dần theo từng năm, năm 2013 là năm mới thành lập còn ít các doanh nghiệp tham gia kê khai, nộp thuế, từ năm 2015 đến 2017 cơ bản đã ổn định quanh mốc khoảng 10 tỷ đồng. Tuy nhiên vẫn chưa đạt chỉ tiêu được giao, nguyên nhân chính số thu giảm chủ yếu là nguyên nhân khách quan, nằm trong tác động giảm thu chung của toàn ngành do thực hiện các hiệp định tự do thương mại (FTAs). Điển hình là việc thực hiện Hiệp định thương mại hàng hóa

ASEAN (ATIGA) có trên 90% dòng hàng xuất xứ từ các nước thành viên có thuế suất thuế nhập khẩu giảm xuống 0%, đặc biệt ô tô giảm từ 30% xuống 0%; linh kiện phụ tùng giảm từ 5%, 20% xuống 0%; sắt thép giảm từ 5% xuống 0%...

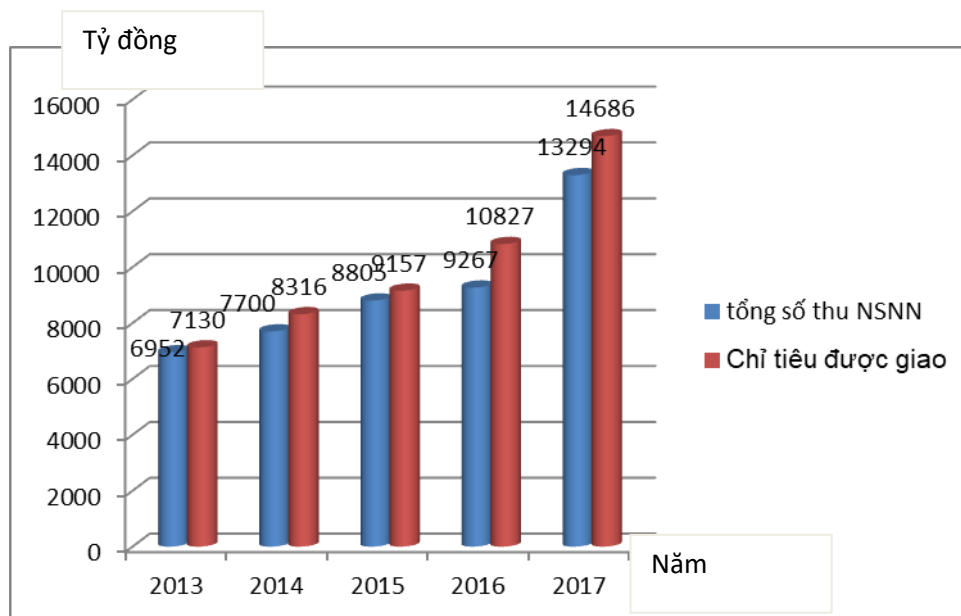
Mặt khác, thực hiện ACFTA (ASEAN - Trung Quốc), AKFTA (ASEAN - Hàn Quốc) cũng có tới hơn 400 dòng hàng có thuế suất từ 5%, 7%, 10% giảm về 0% từ đầu năm 2018.

Theo đại diện Phòng thuế XNK, Cục Hải quan Hải Phòng, bên cạnh sức ép giảm thu từ FTAs, số thu của đơn vị giảm còn có nguyên nhân khác quan khác, mà chủ yếu là tác động từ chính sách mới. Cụ thể như: Nghị định 116/2017/NĐ-CP quy định về điều kiện sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu và kinh doanh dịch vụ bảo hành, bảo dưỡng ô tô, khiến lượng xe nguyên chiếc nhập khẩu tại đơn vị sụt giảm mạnh, kéo theo số thuế giảm.

Bảng 4.2: Bảng tổng hợp số thu ngân sách nhà nước của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Năm	Tổng số thu ngân sách (tỷ đồng)	Chỉ tiêu được giao (tỷ đồng)	Tỷ lệ đạt được so với chỉ tiêu được giao (%)
2013	6.952	7.130	97,5
2014	7.700	8.316	92,6
2015	8.805	9.157	96,1
2016	9.267	10.827	85,6
2017	13.294	14.686	94,8

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.1: Tổng số thu NSNN so với chỉ tiêu được giao

Tại Hải Phòng, hiện nay một số mặt hàng có thuế suất thuế xuất khẩu luôn duy trì ở mức cao điển hình Các chủng loại hàng xuất khẩu vẫn tăng tập trung vào nhóm hàng điện tử, hàng công nghệ cao và một số ngành truyền thống như giày dép, may mặc... đứng đầu là các sản phẩm plastic đạt 87.335 nghìn USD, tăng 20,66% so với năm 2017; tiếp theo là hàng dệt may đạt 74.073 nghìn USD, tăng 18,19% so với cùng kỳ; giày dép đạt 282.958 nghìn USD, tăng 17,85%; hàng điện tử đạt 66.673 nghìn USD, tăng 25,50%; dây điện và cáp điện đạt 117.346 nghìn USD, tăng 21,77%; hàng thủy sản đạt 13.609 nghìn USD, tăng 2,23%. Trung bình số thu thuế xuất, nhập khẩu của Chi cục đóng góp 20% trong tổng số thu ngân sách trên địa bàn. Tuy nhiên, Đây là những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Hải Phòng, có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm này thấp, nguyên liệu chủ yếu phải nhập khẩu, giá cả, khả năng tiêu thụ lệ thuộc vào thị trường nước ngoài. Một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị tăng cao như thủy sản, nông sản thì lại chưa tạo được vùng nguyên liệu, nuôi trồng, do đó hiệu quả thu được từ nhóm sản phẩm này chỉ chiếm khoảng 14%, chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế của thành phố cảng.

Kim ngạch nhập khẩu năm 2011 đạt 1.418.521 nghìn USD, tăng 18,02% so với cùng kỳ năm 2010, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 401.321 nghìn USD, tăng 3,41%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 1.017.200 nghìn USD, tăng 24,99% so với cùng kỳ. Các chủng loại hàng nhập khẩu tăng mạnh vẫn nằm ở nhóm thức ăn chăn nuôi, phân bón, hóa chất, nguyên phụ liệu may mặc, nhập thức ăn gia súc đạt 15.350 nghìn USD, tăng 15,84% so với cùng kỳ; nhập các loại hóa chất đạt 16.760 nghìn USD, tăng 21,60% so với cùng kỳ, phân bón đạt 24.020 nghìn USD tăng 15,24%; phụ liệu hàng may mặc đạt 38.145 nghìn USD, tăng 12,59%; vải may mặc đạt 22.912 nghìn USD, tăng 10,63%; phụ liệu giày dép đạt 187.310 nghìn USD, tăng 16,69%; ô tô đạt 2.402 nghìn USD, tăng 18,38%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 203.926 nghìn USD, tăng 16,14%; hàng hóa khác đạt 897.473 nghìn USD, tăng 19,26%...

Xu hướng nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất đều tăng cho thấy hoạt động sản xuất của thành phố đã đi vào ổn định, có nhu cầu tăng sản lượng, phản ánh rõ nét định hướng đúng đắn, kích thích sản xuất, thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao của Hải Phòng trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả.

4.2. Thực trạng quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

4.2.1. Thực trạng tổ chức đăng ký, khai thuế

Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã niêm yết công khai và hướng dẫn các doanh nghiệp thủ tục thuế cho người nộp thuế biết và thực hiện đăng ký kê khai thuế. Các doanh nghiệp phải tự kê khai đầy đủ, chính xác, trung thực các tiêu chí trên tờ khai hải quan và các chứng từ phải nộp liên quan đến tính thuế theo quy định.

Doanh nghiệp làm thủ tục hải quan tại Chi cục bao gồm đăng ký tờ khai (trong đó bao gồm đăng ký khai thuế) với hình thức: Khai báo từ xa và khai báo điện tử.

**Bảng 4.3: Bảng thống kê số lượng doanh nghiệp làm thủ tục
tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3**

Năm	Tổng số DN làm thủ tục (DN)	Số lượng DN khai báo từ xa và khai báo điện tử (DN)	Tỷ lệ (%)
2013	15.192	15.192	100
2014	15.136	15.136	100
2015	15.289	15.289	100
2016	17.150	17.150	100
2017	16.289	16.289	100

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Đối với khai từ xa: Doanh nghiệp khai báo dữ liệu tờ khai truyền đến hệ thống máy tính hải quan được hệ thống cấp số tiếp nhận, sau đó xuất trình hồ sơ giấy để kiểm tra, sau khi công chức đối chiếu dữ liệu tại tờ khai và chứng từ như hợp đồng, hoá đơn thương mại, vận tải đơn, giấy phép... nếu hợp lệ thì duyệt số tiếp nhận đó, hệ thống tự động cấp số tờ khai và phân luồng.

Đối với hình thức khai báo điện tử: DN tự khai báo tại hệ thống máy tính của doanh nghiệp và truyền dữ liệu đến hệ thống của hải quan, hệ thống của hải quan sẽ tự động cấp số tờ khai và phân luồng ngay. Doanh nghiệp biết ngay được số tờ khai và luồng tờ khai để xuất trình hồ sơ, xuất trình hàng hoá để kiểm tra. Kể từ 2013 đến nay 100% doanh nghiệp đã thực hiện khai báo hải quan điện tử, việc khai báo bằng hình thức điện tử đã thuận lợi hơn cho doanh nghiệp, ít phải làm việc trực tiếp với Hải quan và cũng thuận lợi hơn cho cơ quan hải quan. Số lượng các doanh nghiệp kê khai hàng năm có tăng dần từ năm 2013 là 15.192 doanh nghiệp và đến năm 2017 là 16.289 doanh nghiệp cho thấy việc kê khai tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 có nhiều thuận lợi cho doanh nghiệp nhờ việc đổi mới hệ thống hỗ trợ kê khai, thông tin doanh nghiệp cập nhập đầy đủ thuận lợi cho hệ thống phân luồng được chính xác.

Theo quy trình quản lý rủi ro hiện nay, tờ khai sẽ được phân thành ba luồng: Xanh, vàng, đỏ. Luồng xanh: Miễn kiểm tra hồ sơ, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa; Luồng vàng: Kiểm tra hồ sơ; Luồng đỏ: Kiểm tra thực tế hàng hóa.

Sau nhiều năm áp dụng QLRR, cùng với tiến trình cải cách, phát triển, hiện đại hóa, bước đầu Chi cục đã đạt được những thành quả quan trọng, đó là tạo thuận lợi thương mại, thúc đẩy hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu. Ngành Hải quan đang tích cực đẩy nhanh sự nghiệp cải cách, hiện đại hóa hải quan. Nhiều quy trình được sửa đổi, thay thế theo hướng tự động hóa. Từ năm 2006, Chi cục đã ứng dụng hệ thống QLRR vào phân luồng tự động, hỗ trợ việc quyết định hình thức, mức độ kiểm tra hải quan. Đến nay, công tác QLRR đã đáp ứng cho việc triển khai thủ tục hải quan điện tử; đảm bảo đánh giá rủi ro, phân luồng đối với toàn bộ tờ khai đăng ký làm thủ tục tại Chi cục.

Bảng 4.4. Kết quả xác lập hồ sơ rủi ro, thiết lập tiêu chí

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016	2017
Số lượng HS rủi ro	Hồ sơ	20	28	34	50	41
Số lượng tiêu chí cập nhật hệ thống	Tiêu chí	129	148	176	385	452

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

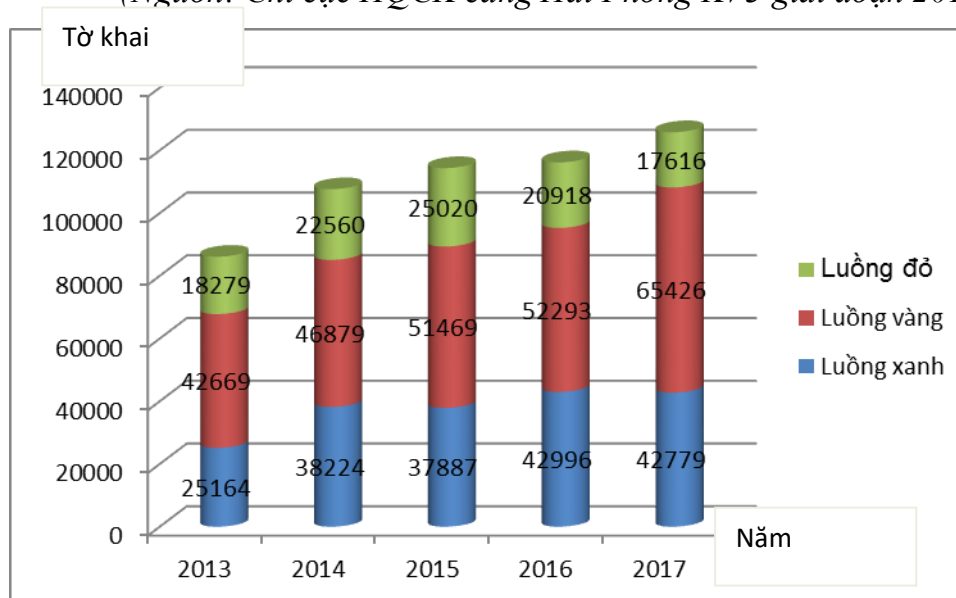
Chi cục đã tăng cường thiết lập tiêu chí kiểm tra thực tế hàng hóa đối với những lô hàng xuất nhập khẩu có khả năng vi phạm về số lượng, chủng loại hàng hóa như mặt hàng đá granite, vải dầu tằm, kính xây dựng, đèn trang trí, cá đông lạnh, nhóm hàng có rủi ro về trị giá hàng hóa như tổ máy phát điện, linh kiện động cơ diesel, linh kiện phụ tùng máy nông nghiệp, đồ chơi trẻ em, rủi ro về môi trường gồm các loại thép, nhựa, giấy phế liệu, rủi ro về nhập khẩu hàng cấm như máy móc, thiết bị đã qua sử dụng được nhập khẩu từ các nước Đông Âu, Nhật Bản...

Bảng 4.5. Kết quả phân luồng đối với tờ khai xuất nhập khẩu

Đơn vị tính: tờ khai

Chỉ tiêu	2013		2014		2015		2016		2017	
	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Tổng số	86.112	100%	107.663	100%	114.376	100%	116.207	100%	125.821	100%
Luồng xanh	25.164	29%	38.224	35%	37.887	34%	42.996	37%	42.779	34%
Luồng vàng	42.669	49%	46.879	44%	51.469	45%	52.293	45%	65.426	52%
Luồng đỏ	18.279	22%	22.560	21%	25.020	21%	20.918	18%	17.616	14%

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.2. Kết quả phân luồng đối với tờ khai xuất nhập khẩu

Tỷ lệ tờ khai luồng Xanh các năm giảm so với các năm trước trong khi tỷ lệ tờ khai luồng Vàng tăng lên do nguyên nhân những lô hàng thuộc diện phải kiểm dịch, kiểm tra nhà nước về chất lượng... phải nộp thêm chứng từ đăng ký kiểm dịch, kiểm tra chất lượng trước khi được thông quan. Với việc cập nhật đầy đủ chỉ số tiêu chí quy định trên hệ thống QLRR, các tờ khai thuộc diện này đều được phân luồng vàng, do đó tỷ lệ tờ khai luồng Xanh giảm và luồng Vàng tăng.

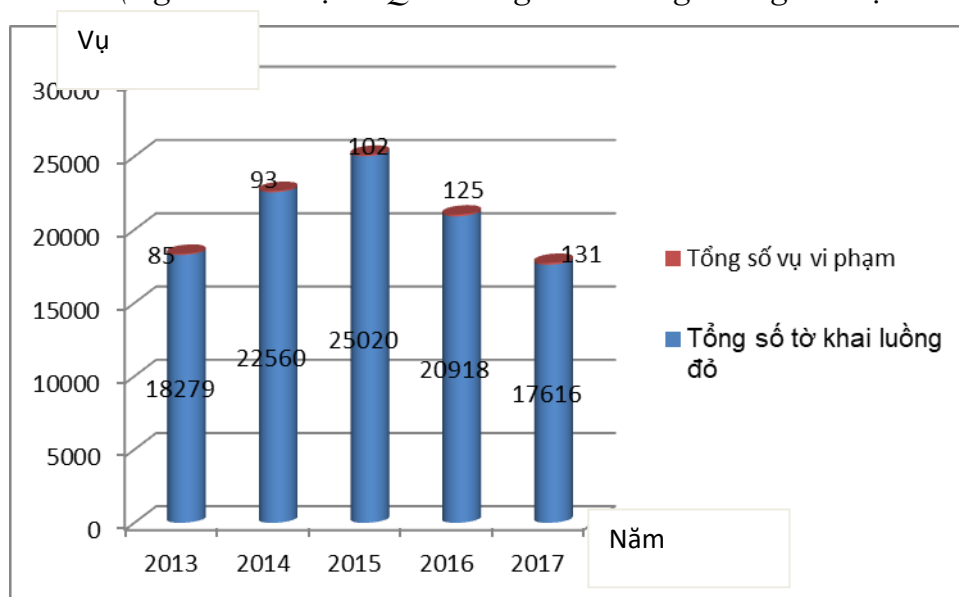
Theo Kế hoạch cải cách, phát triển và hiện đại hóa Cục Hải quan TP Hải Phòng đã được phê duyệt thì chỉ tiêu tỷ lệ kiểm tra thực tế hàng hóa của toàn Cục tiến tới giảm dưới 7%. Hiện nay, tỷ lệ tờ khai được phân luồng Đỏ của tất cả các loại hình tại Chi cục cao hơn so với tỷ lệ chung do hàng hóa làm thủ tục tại Chi cục đa số là các mặt hàng tiềm ẩn nhiều rủi ro như hàng đông lạnh, thực phẩm khô tạm nhập tái xuất đi Trung Quốc, hàng tiêu dùng có thuế suất cao, ô tô, phế liệu...

Bảng 4.6. Kết quả phát hiện vi phạm đối với tờ khai được phân luồng Đỏ

Đơn vị tính: vụ vi phạm

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số tờ khai luồng đỏ	18.279	22.560	25.020	20.918	17.616
Tổng số vụ vi phạm	85	93	102	125	131
Tỷ lệ vụ VP/TK luồng Đỏ	0,46%	0,41%	0,4%	0,59%	0,74%

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.3: Kết quả phát hiện vi phạm đối với tờ khai được phân luồng Đỏ

Qua bảng số liệu ta thấy số lượng vụ vi phạm và tỷ lệ tờ khai phát hiện vi phạm của tờ khai phân luồng đỏ của Chi cục tăng qua các năm chứng tỏ việc phân tích, đánh giá thông tin sát với tình hình thực tế hoạt động xuất nhập khẩu tại địa bàn. Điều này cũng chứng tỏ tính hiệu quả của công tác QLRR của Chi cục. Một số vụ việc vi phạm

điển hình trốn thuế XNK đã được phát hiện thông qua việc thiết lập tiêu chí và can thiệp đột xuất như sau:

- Công ty TNHH Thương mại Trang Linh làm thủ tục nhập khẩu lô hàng kính xây dựng, số lượng khai báo là 8.585,85 m², tổng số thuế là 337.981.352 đ. Qua thu thập, phân tích thông tin và thiết lập tiêu chí, tờ khai của doanh nghiệp đã được phân luồng đỏ kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng. Doanh nghiệp đã phải khai báo bổ sung lượng hàng là 78.222 m², tổng số thuế 3.834.081.123đ. Như vậy, số tiền thuế chênh lệch so với khai báo ban đầu là 3.496.099.771đ.

- Công ty TNHH MTV Phạm Đình Đại Phúc thường xuyên nhập khẩu mặt hàng máy biến thế đã qua sử dụng và được hệ thống phân luồng Xanh. Qua phân tích thông tin nhận thấy có khả năng doanh nghiệp lợi dụng để cất giấu hàng hóa không khai báo, Phòng Quản lý rủi ro đã thiết lập tiêu chí kiểm tra hàng hóa qua máy soi container. Kết quả kiểm tra cho thấy ngoài hàng hoá khai báo là máy biến thế khô (không có dầu) đã qua sử dụng còn có thêm 40 chiếc đồng hồ quả lắc đã qua sử dụng, và một số linh kiện, thiết bị các loại đã qua sử dụng.

- Mặt hàng đồng phế liệu xuất khẩu có thuế suất là 22%, thuộc danh mục QLRR về giá của Tổng cục Hải quan. Qua phân tích thông tin trên hệ thống cơ sở dữ liệu, Công ty CP ĐT phát triển Việt Trung T&T đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh chưa từng làm thủ tục tại Chi cục nhưng trong một thời gian ngắn liên tục khai nhiều tờ khai xuất khẩu đồng phế liệu với mức giá thấp và được hệ thống phân luồng Xanh. Nhận thấy hàng hóa xuất khẩu của doanh nghiệp có khả năng vi phạm, Chi cục đã thiết lập tiêu chí kiểm tra thực tế toàn bộ lô hàng qua máy soi container. Kết quả kiểm tra đã xác định hàng xuất khẩu thừa so với khai báo. Công ty đã bị xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan, đồng thời chuyển thông tin để Chi cục Kiểm tra sau thông quan tiến hành kiểm tra đối với các lô hàng đã xuất khẩu trước đây của Công ty.

Qua kiểm tra rà soát thực tế tại Chi cục, phát hiện một số hiện tượng gian lận thuế phổ biến:

- Doanh nghiệp khai báo sai tên hàng, mã số hàng hoá (mã HS) để trốn thuế.

Lợi dụng việc các mặt hàng khoáng sản có sự chênh lệch về thuế suất rất lớn, có những loại nếu nhìn mắt thường, không qua thí nghiệm không thể phân biệt được

tên hàng và mã số hàng, nhưng lại có sự chênh lệch rất lớn về thuế suất (như 02 mặt hàng: Bột đá Canxi cacbonat tráng phủ axit asteric, mã số: 25174900, thuế suất: 3% và Bột đá Canxi cacbonat không tráng phủ axit asteric, mã số: 38249099, thuế suất: 10%). Hoặc đối với các mặt hàng gỗ, cùng được sản xuất, chế biến từ một loại gỗ, nhưng kích cỡ khác nhau cũng có sự chênh lệch rất lớn về thuế suất (như mặt hàng gỗ ghép thanh, nếu kích cỡ độ dài từ: 1050mm trở xuống, thuế suất là 5%; nếu kích cỡ độ dài trên 1050mm trở lên thì thuế suất là 20%). Doanh nghiệp cố tình khai sai tên hàng, mã số hàng hoá để gian lận thuế. Nếu trường hợp bị hệ thống phân luồng đỏ, doanh nghiệp chờ hết hạn tờ khai theo quy định là 15 ngày và hủy tờ khai, sau đó mở tờ khai mới để chờ phân vào luồng xanh. Hoặc mở cùng một tờ khai tại nhiều Chi cục nếu tờ khai tại Chi cục nào phân luồng xanh thì sẽ sử dụng số tờ khai đó để xuất khẩu hàng. Đây là một kẽ hở rất lớn trong quản lý khi áp dụng khai báo điện tử. Thực tế hiện nay hệ thống khai báo hải quan hiện đại nhất là VNACC/VCIS cũng chưa đưa ra được cảnh báo đối với trường hợp trùng tờ khai này mà cơ quan hải quan cũng không thể tra cứu. Qua công tác thanh tra, kiểm tra tại Chi cục đã phát hiện: Tổng số tờ khai sai tên hàng, mã số hàng hoá là: 120 tờ khai. Số tiền thuế truy thu là 5,9 tỷ đồng. Tổng số hủy tờ khai từ năm 2012-2016 là 58 tờ khai tất cả những trường hợp này đều lập hồ sơ rủi ro chuyển thông tin cho Phòng Quản lý rủi ro theo dõi và xây dựng tiêu chí phân luồng lại đối với các doanh nghiệp thường xuyên hủy tờ khai, nhất là đối với doanh nghiệp hủy tờ khai luồng đỏ.

- Doanh nghiệp khai báo giá thấp, dẫn đến sai trị giá tính thuế để giảm số tiền thuế phải nộp.

Do không có quy định áp dụng mức giá tối thiểu để tính thuế XNK nên việc các doanh nghiệp thông đồng với đối tác để khai giá thấp, nhằm giảm số tiền thuế phải nộp là khó tránh khỏi. Việc Tổng cục Hải quan xây dựng và ban hành các mức giá cảnh báo (danh mục hàng hóa quản lý rủi ro về giá), hay quy định tham chiếu giá của các mặt hàng giống hệt, tương tự trên cơ sở dữ liệu về giá trong thời hạn 60 ngày để xác định trị giá tính thuế chưa thuyết phục được doanh nghiệp. Việc quy định các phương pháp xác định trị giá theo Thông tư số 39/2015/TT-BTC không được các

doanh nghiệp quan tâm, nhiều doanh nghiệp không nghiên cứu, tìm hiểu các quy định này. Các doanh nghiệp thường nêu lý do phải cạnh tranh, duy trì bán hàng, giá thành sản phẩm thấp nên bán được giá thấp. Bên cạnh đó, việc hợp thức hóa hồ sơ, chứng từ thanh toán mua bán hàng hóa khá dễ dàng nên việc khai sai giá hàng hóa có nguy cơ cao. Để kiểm tra, xác định hành vi gian lận giá của doanh nghiệp cần có sự phối hợp của các ngành chức năng có liên quan và thường mất nhiều thời gian. Vì vậy, đây là hành vi khó kiểm soát.

4.2.2. Quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế

Ngay từ khi đi vào hoạt động, Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 luôn coi trọng công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hải quan, triển khai áp dụng đầy đủ các phần mềm quản lý hải quan, kể cả trong việc thu thập, cập nhật thông tin tình hình hoạt động của doanh nghiệp. Để quản lý tốt thông tin về đối tượng nộp thuế trong điều kiện người nộp thuế tự kê khai, tự nộp thuế yêu cầu tất yếu phải xây dựng hệ thống thông tin đầy đủ, chính xác làm cơ sở để giải quyết thủ tục theo đúng quy trình.

Hiện nay, với phần mềm Quản lý rủi ro thông tin doanh nghiệp cùng với phần mềm Kế toán tập trung, phần mềm Quản lý vi phạm được nâng cấp với nhiều ưu điểm thông tin được cập nhật liên tục, thường xuyên, độ tin cậy tuyệt đối do đó rất hữu ích cho việc tra cứu thông tin doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật, thông tin doanh nghiệp hoạt động XNK chưa đủ 365 ngày, thông tin thu nộp thuế, nợ thuế quá hạn của tất cả doanh nghiệp trên cả nước.

Ngoài ra, Chi cục còn tham khảo hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về tổ chức, cá nhân nộp thuế thông qua việc xây dựng và triển khai ứng dụng tin học trong các nghiệp vụ quản lý theo quy trình thủ tục của ngành thuế và sự phối hợp trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng và trình tỉnh Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quy định về phối hợp quản lý doanh nghiệp sau khi thành lập. Từ đó, qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chi cục kịp thời, nhanh chóng nắm bắt được các thông tin về giấy phép kinh doanh,

giấy chứng nhận đầu tư, tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp; qua Chi cục thuế các huyện, thị, thành phố và Cục thuế tỉnh nắm bắt tình hình nợ đọng thuế, chấp hành quy định về hóa đơn, sổ sách kế toán thuế; qua Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại để theo dõi, cập nhật phản ánh tình hình chấp hành nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp và hạch toán thu NSNN của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3, trao đổi trực tiếp với các Đội Quản lý thuế của các đơn vị hải quan liên quan đến quản lý đối tượng nợ thuế quá hạn, nợ cưỡng chế để giải quyết thủ tục vướng mắc về thu thuế, giấy nộp tiền nhanh chóng, chính xác, đúng quy định.

4.2.3. Kiểm tra căn cứ tính thuế

4.2.3.1. Kiểm tra số lượng hàng hoá xuất, nhập khẩu

Kiểm tra số lượng khai báo trên tờ khai với hoá đơn thương mại, vận tải đơn, C/O (nếu có) và kiểm tra số lượng thực tế với số lượng khai báo (nếu hàng phải kiểm tra thực tế). Trong quá trình kiểm tra hải quan, nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hải quan, pháp luật thuế, công chức hải quan có trách nhiệm báo cáo, đề xuất Chi cục trưởng hải quan quyết định thay đổi hình thức, mức độ kiểm tra phù hợp. Thông thường những dấu hiệu nghi vấn khai báo sai số lượng thường thể hiện sự chênh lệch bất hợp lý giữa trọng lượng tịnh (Net weight) so với trọng lượng cả bì (Gross weight) tại vận tải đơn. Trong thời gian từ 2013 - 2017, Chi cục đã chuyển luồng tờ khai từ vàng sang đỏ do nghi vấn về số lượng, trọng lượng là 18 tờ khai, tuy nhiên số lượng tờ khai phát hiện có sai số lượng không nhiều, có 2/18 tờ khai có sai phạm, số thuế phải nộp bổ sung 28,5 triệu đồng. Trong tổng số 58 tờ khai hải quan huỷ, tập trung chủ yếu trong năm 2013 và 2014. Đây là thời gian đầu triển khai thực hiện khai báo từ xa và khai báo điện tử, một số DN cố tình tìm cách lợi dụng việc khai báo để trốn tránh sự kiểm soát của cơ quan Hải quan bằng cách DN sẽ khai nhiều tờ khai (tờ khai ảo) cho một lô hàng để thăm dò kết quả phân luồng của hệ thống để từ đó có biện pháp đối phó cơ quan hải quan.

Đối với rà soát tờ khai luồng xanh sẽ ít phát hiện được gian lận về khai báo sai số lượng do doanh nghiệp không phải xuất trình hồ sơ, chứng từ nên không có cơ sở đối chiếu, chính vì vậy doanh nghiệp thường lợi dụng kẽ hở này để trốn thuế, gian lận

thương mại. Đối với tờ khai xuất khẩu, doanh nghiệp sẽ lợi dụng luồng xanh để xuất khẩu khống và khai tăng số lượng để hoàn thuế GTGT.

4.2.3.2. Kiểm tra trị giá tính thuế, tỷ giá tính thuế

Tại Chi cục, kiểm tra trị giá tính thuế thường là công việc khó khăn, phức tạp nhất hiện nay, việc gian lận thương mại qua giá ngày càng tăng, đặc biệt đối với những mặt hàng trị giá lớn, thuế suất cao như khoáng sản. Do vậy, công tác này ngày càng được chú trọng.

Trị giá tính thuế đối với hàng hoá nhập khẩu là giá thực tế phải trả tính đến cửa khẩu nhập đầu tiên: Giá CIF (đối với đường biển), DAF (đường bộ) CIP, DAP (với đường hàng không) trong đó bao gồm trị giá hàng hóa + cước vận tải + phí bảo hiểm (nếu có).

Trị giá tính thuế đối với hàng hoá xuất khẩu là giá bán của hàng hóa tính đến cửa khẩu xuất không bao gồm phí bảo hiểm quốc tế (I), phí vận tải quốc tế (F).

- Nội dung kiểm tra trị giá khai báo:

+ Trị giá khai báo thấp hơn trị giá của hàng hóa giống hệt, tương tự có thuộc

Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu rủi ro về trị giá;

+ Trị giá khai báo thấp hơn trị giá hải quan thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự do cơ quan hải quan xác định hoặc thấp hơn trị giá khai báo thấp nhất của hàng hóa giống hệt, tương tự đã được cơ quan hải quan thông quan trong cơ sở dữ liệu trị giá tại hệ thống GTT02. Hàng hóa giống hệt, tương tự dùng để so sánh là những hàng hóa được xuất, nhập khẩu đến Việt Nam vào cùng ngày hoặc trong khoảng thời gian 60 ngày trước hoặc 60 ngày sau ngày xuất, nhập khẩu của hàng hóa đang kiểm tra trị giá.

- Xử lý kết quả kiểm tra:

+ Đối với mặt hàng thuộc Danh mục rủi ro hàng hoá xuất, nhập khẩu cấp

Tổng cục, Danh mục rủi ro hàng hoá xuất, nhập khẩu cấp Cục:

Trường hợp người khai hải quan đồng ý với mức giá và phương pháp do cơ quan hải quan xác định thì cơ quan hải quan ra thông báo xác định trị giá, thực hiện ấn định thuế theo giá đã xác định và ghi rõ trên tờ khai hải quan. Tại chi cục năm 2017 là năm

doanh nghiệp thực hiện khai báo nhiều tờ khai có giá tính thuế thấp hơn nhiều so với giá tính toán (Năm 2017 là 120 tờ tăng 98 tờ so với năm 2016) và số lượng tờ khai chuyển kiểm tra sau thông quan giảm từ 46 tờ năm 2016 xuống còn 35 tờ trong năm 2017 cho thấy chi cục đã quyết liệt hơn trong đấu tranh các gian lận về giá và các doanh nghiệp cũng thấy rõ được và chấp nhận không thực hiện quyền tham vấn của mình.

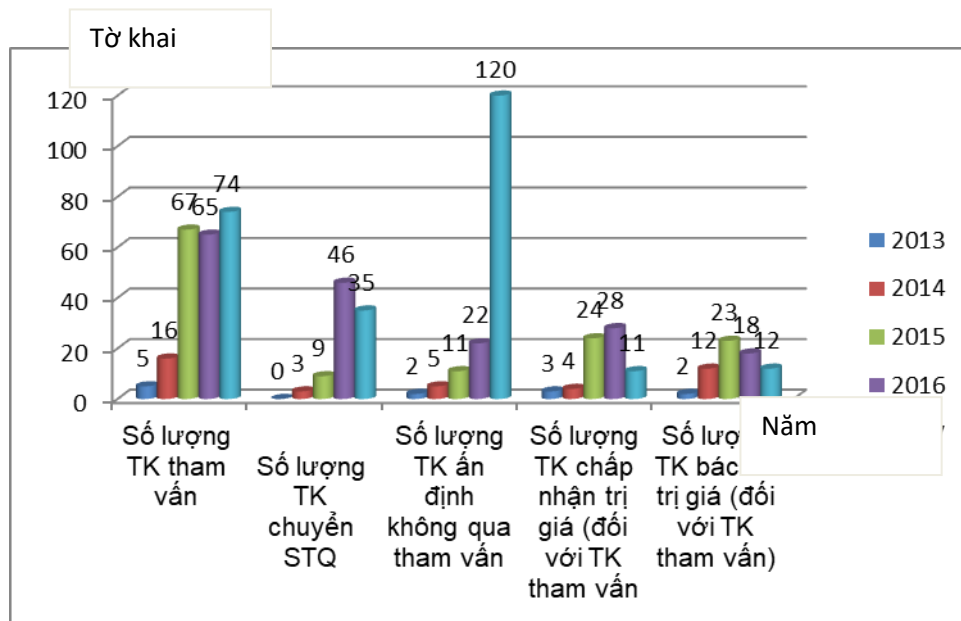
Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với mức giá và phương pháp do cơ quan hải quan xác định thì người khai hải quan được thực hiện quyền tham vấn và phải thực hiện việc nộp khoản bảo đảm, nếu người khai hải quan muốn thông quan hàng hoá đối với các trường hợp hàng hoá thuộc diện phải nộp xong thuế trước khi xuất hoặc nhận hàng. Việc tổ chức tham vấn được thực hiện tại cấp hải quan Chi cục trừ mặt hàng ô tô, rượu, mỹ phẩm, điện thoại di động tham vấn tại cấp Cục.

+ Nếu mặt hàng ngoài Danh mục rủi ro hàng hoá XNK cấp Tổng cục, Danh mục rủi ro hàng hoá XNK cấp Cục thì chấp nhận mức giá khai báo đồng thời chuyển các nghi vấn sang lực lượng kiểm tra sau thông quan.

Bảng 4.7: Bảng thống kê số lượng tờ khai tham vấn/chuyển sau thông quan của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Năm	Số lượng TK tham vấn (tờ khai)	Số lượng TK chuyển STQ (tờ khai)	Số lượng TK ấn định không qua tham vấn (tờ khai)	Số lượng TK chấp nhận trị giá (đối với TK tham vấn) (tờ khai)	Số lượng TK bác bỏ trị giá (đối với TK tham vấn) (tờ khai)	Số thuế truy thu, ấn định (triệu đồng)
2013	05	-	02	03	02	36
2014	16	03	05	04	12	159
2015	67	09	11	24	23	306
2016	65	46	22	28	18	224
2017	74	35	120	11	12	250
Tổng số	227	93	225	70	67	975

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.4: số lượng tờ khai tham vấn/chuyển sau thông quan của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Hiện cơ chế xác định giá tính thuế hàng XNK ở Việt Nam hoàn toàn dựa trên các nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá tính thuế theo GATT/WTO. Cùng với đó là cơ chế tự kê khai, tự xác định trị giá tính thuế, qua đó bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định như: Tạo thông thoáng cho giao lưu thương mại, phù hợp với thông lệ quốc tế, thay đổi phương pháp quản lý của công chức Hải quan từ chỗ bị động mang tính áp đặt sang chủ động kiểm tra, kiểm soát việc tự khai báo của DN, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính, nâng cao ý thức tự giác khai báo của các DN - đây là phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Tuy nhiên, để góp phần ngăn chặn các hành vi gian lận thuế qua việc tự xác định trị giá tính thuế cần tiếp tục hoàn thiện và thiết lập hành lang pháp lý cho một số hoạt động hỗ trợ công tác kiểm tra, kiểm soát và xác định trị giá khai báo như: Trưng cầu thẩm định giá tại các trung tâm thẩm định giá, sử dụng thông tin giá do cơ quan tham tán thương mại, cơ quan thương vụ thuộc sứ quán Việt Nam tại các nước cung cấp về giá FOB nước bán.

Hiện nay, các hành vi gian lận thường được các doanh nghiệp thực hiện dưới các hình thức sau:

- Khai báo thấp trị giá đối với những mặt chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, có thuế suất cao, những mặt hàng nhạy cảm hay biến động về giá.

- Dựa vào danh mục dữ liệu giá của cơ quan Hải quan (GTT-02) để khai báo trị giá của các lô hàng xuất, nhập khẩu giống hệt, tương tự thấp hơn trị giá giao dịch thực tế, sau đó khai thấp dần trị giá khai báo đối với các lô hàng cùng loại, tương tự đã xuất, nhập khẩu trước đó.

- Khai thấp trị giá đối với lô hàng nhập “thử”, tức nhập để thăm dò thái độ của cơ quan hải quan sau đó nhập khẩu ồ ạt liên tục trong một khoảng thời gian ngắn theo mức giá thấp đã khai báo trước đó và khi cơ quan hải quan chưa kịp xác minh, xử lý, tiến hành thủ tục giải thể doanh nghiệp hoặc bỏ trốn khỏi địa chỉ đăng ký kinh doanh.

- “Down” giá bằng thủ đoạn tháo rời hàng nguyên chiếc thành linh kiện hoặc nguyên liệu nhập khẩu.

- Lợi dụng cơ chế tự kê khai, tự tính thuế trong quá trình thông quan, nhiều doanh nghiệp đã thực hiện hành vi mô tả sai hàng hoá trên tờ khai Hải quan, đưa hàng hoá từ mã số có thuế suất cao về mã số có thuế suất thấp để gian lận trốn thuế. Tập trung ở một số mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao, tính chất lý hoá phức tạp khó nhận biết bằng mắt thường.

Từ đó cho thấy, tình trạng các mức giá được chấp nhận trong các tờ khai Hải quan hiện nay chưa phản ánh trung thực trị giá giao dịch của các lô hàng xuất, nhập khẩu. Song công tác chống gian lận qua trị giá tính thuế hiện nay còn có nhiều bất cập, khó khăn. Cụ thể:

Thứ nhất, ý thức của công dân về thực hiện nghĩa vụ thuế chưa thực sự đảm bảo đủ “độ chín” để áp dụng xác định trị giá tính thuế theo trị giá giao dịch.

Thứ hai, cơ quan Hải quan không có đủ cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp do thiếu thông tin hoặc thông tin thiếu tính thuyết phục không đủ độ tin cậy.

Thứ ba: Trình độ, năng lực của một số cán bộ công chức Hải quan về kiểm tra trị giá khai báo tính thuế chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, do thiếu chuyên môn sâu về trị giá tính thuế, về các thông lệ, hình thức thanh toán quốc tế...

Thứ tư: Các văn bản hướng dẫn thực hiện việc xác định trị giá tính thuế chưa hoàn chỉnh và đồng bộ, hệ thống cơ sở vật chất trang thiết bị cho công tác quản lý trị giá tính thuế còn nghèo nàn, việc áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý trị giá tính thuế chưa thực sự có hiệu quả.

Thứ năm: Sự phối hợp trao đổi thông tin trong nội bộ ngành Hải quan chưa đáp ứng tính mau lẹ, thông suốt, mối quan hệ giữa Hải quan Việt Nam với Hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới chưa được thiết lập một cách có hiệu quả. Do vậy hạn chế lớn trong việc trao đổi thông tin về trị giá hàng hoá, về xuất xứ hàng trong khi tình hình buôn lậu, gian lận thương mại diễn ra ngày càng phức tạp, tinh vi trên nhiều bình diện và sắc thái mới.

Thứ sáu: Hiệu quả công tác tham vấn, kiểm tra sau thông quan không cao. Một trong những yếu tố quan trọng củng cố và nâng cao hiệu quả của công tác chống gian lận thuế qua trị giá tính thuế là công tác kiểm tra sau thông quan. Mặc dù công tác này đã được coi trọng và tích cực triển khai thực hiện nhưng thời gian qua vẫn chưa đem lại được kết quả như mong đợi. Vì vậy, tình trạng gian lận thuế qua trị giá tính thuế vẫn chưa được đẩy lùi.

4.2.3.3. Kiểm tra áp dụng thuế suất và điều kiện hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt

Trong các nghiệp vụ kiểm tra hồ sơ, kiểm tra áp mã HS của doanh nghiệp cũng là một nghiệp vụ khó. Tất cả các vụ tranh chấp, khiếu nại về thuế của DN tại Chi cục đều từ việc áp mã HS (trường hợp khiếu nại của Công ty cổ phần Mông Sơn về áp mã HS là một điển hình). Trường hợp người khai hải quan khai báo đúng tên hàng, mã số, thuế suất không có sự sai lệch về tên hàng với các thông tin trong hồ sơ, phù hợp với mô tả hàng hoá tại Biểu thuế thì chấp nhận kết quả khai báo và thông quan theo quy định. Trường hợp đủ căn cứ để xác định người khai hải quan khai không đúng tên hàng, mã số hàng hóa, mức thuế thì hướng dẫn và yêu cầu người khai hải quan khai bổ sung, nộp tài liệu kỹ thuật hoặc catalogue, nếu người khai hải quan không khai bổ sung thì tùy theo tính chất mặt hàng chuyên luồng kiểm tra xác định thực tế. Nếu sau khi kiểm tra thực tế phát hiện sai mã HS lần đầu thì lập biên bản chứng nhận, nếu tái phạm thì xử phạt vi phạm hành chính, sau khi người khai hải quan nộp đủ tiền thuế, tiền phạt thì thông quan. Nếu kiểm tra thực tế vẫn không phân loại được chính xác HS thì lấy mẫu gửi phân tích phân loại tại Trung tâm Phân tích phân loại - TCHQ. Tại Chi cục đã gửi mẫu phân tích phân loại 05 mặt hàng, trong đó 02 mặt hàng thay đổi mã HS, thuế suất và tăng thuế.

Bảng 4.8: Bảng thống kê số lượng tờ khai được hưởng thuế suất ưu đãi đặc biệt tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Năm	C/O form D		C/O form E		C/O form AK		Khác (C/O form JV/AJ)		Số tiền thuế giảm do bổ sung C/O (triệu đồng)
	Số lượng TK nộp C/O ngay (tờ khai)	Số lượng TK bổ sung C/O STQ (tờ khai)	Số lượng TK nộp C/O ngay (tờ khai)	Số lượng TK bổ sung C/O STQ (tờ khai)	Số lượng TK nộp C/O ngay (tờ khai)	Số lượng TK bổ sung C/O STQ (tờ khai)	Số lượng TK nộp C/O ngay (tờ khai)	Số lượng TK bổ sung C/O STQ (tờ khai)	
2013	-	-	01	-	-	-	-	-	36
2014	-	-	05	-	01	-	-	-	105
2015	-	-	12	01	06	-	-	-	225
2016	01	-	06	-	05	01	02	-	245
2017	16	-	22	-	02	-	06	-	-

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Điều kiện hưởng thuế suất thuế ưu đãi đặc biệt là doanh nghiệp phải nộp Giấy chứng nhận xuất xứ (C/O) bản gốc. Khi kiểm tra C/O đồng thời phải kiểm tra vận tải đơn và tra cứu hệ thống E_manifest (lược khai hàng hoá điện tử). Chứng từ phải nộp cho cơ quan Hải quan là các tài liệu chứng minh các yêu cầu của quy định vận chuyển trực tiếp được đáp ứng, có nghĩa là hàng hoá khi chuyển tải không tham gia vào gia công chế biến, không thay đổi xuất xứ. Qua khai báo tại chi cục cho thấy các doanh nghiệp đã làm quen với việc cung cấp đầy đủ kịp thời C/O khi thực hiện khai báo thuế, đến năm 2017 có 46 tờ khai hưởng thuế suất ưu đãi đều nộp ngay là căn cứ tính thuế, không còn tình trạng nộp bổ sung như những năm trước (Năm 2014 có 01 tờ, năm 2016 có 01 tờ).

4.2.4. Tổ chức thu, nộp thuế

4.2.4.1. Phương pháp thu thuế

Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã phối hợp với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền và các Ngân

hàng thương mại khác để thực hiện việc thu thuế bằng phương thức điện tử. Thường xuyên đối chiếu số liệu giữa các bên liên quan để kịp thời điều chỉnh thông tin nộp thuế và thông báo ngay cho doanh nghiệp khi DN nộp thuế chưa đúng tài khoản, chưa đúng cơ quan thu, chưa đúng loại hình tờ khai. Kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

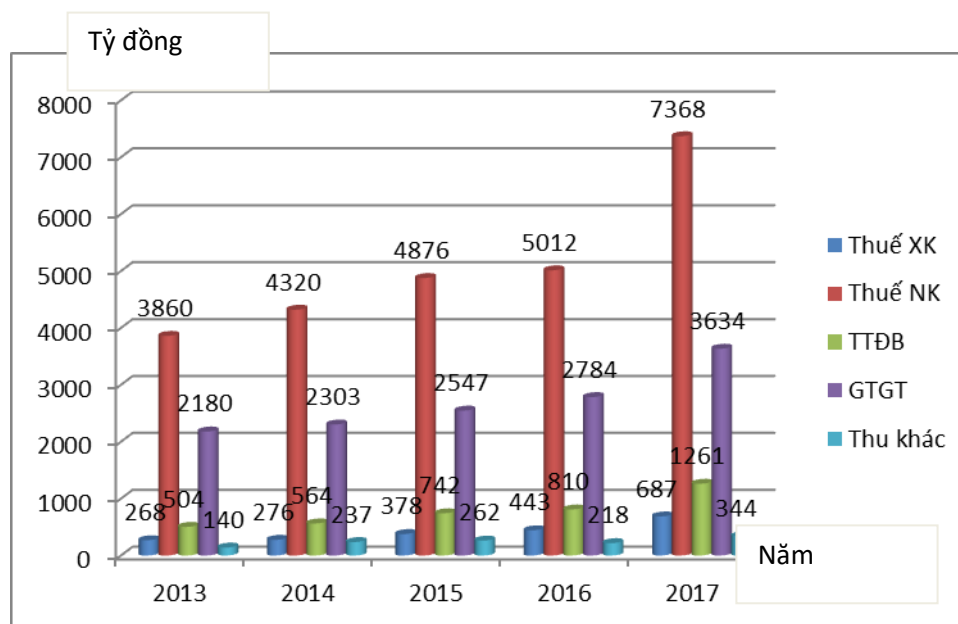
Chi cục luôn theo dõi, thực hiện thanh khoản số tiền thuế DN đã nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại KBNN, các trường hợp quá 135 ngày kể từ ngày người nộp thuế đã nộp thuế chưa nộp hồ sơ thanh khoản thì làm thủ tục chuyển tiền vào NSNN theo quy định.

Bảng 4.9: Kết quả thu thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Năm	Loại thuế					Tổng thu
	Thuế XK	Thuế NK	Thuế TTĐB	Thuế GTGT	Thu khác	
2013	268	3.860	504	2.180	140	6.952
Tỷ trọng (%)	3,85	55,5	7,2	31,3	2,15	100
2014	276	4.320	564	2.303	237	7.700
Tỷ trọng (%)	3,6	56,1	7,3	29,9	3,1	100
2015	378	4.876	742	2.547	262	8.805
Tỷ trọng (%)	4,3	55,3	8,4	28,9	3,1	100
2016	443	5.012	810	2.784	218	9.267
Tỷ trọng (%)	4,7	54,08	8,7	30	2,52	100
2017	687	7.368	1.261	3.634	344	13.294
Tỷ trọng (%)	5,1	55,4	9,5	27,3	2,7	100

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.5: Kết quả thu thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Qua bảng số liệu 4.9 ta thấy số thuế XNK có xu hướng tăng đều qua từng năm. Trong đó thuế nhập khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao trên 50% trong tổng thu thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 cho thấy xu hướng nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất đều tăng cho thấy hoạt động sản xuất của thành phố đã đi vào ổn định, có nhu cầu tăng sản lượng, phản ánh rõ nét định hướng đúng đắn, kích thích sản xuất, thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao của Hải Phòng trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó thuế XK chiếm tỷ trọng rất nhỏ từ 3 đến 5%. Điều này cho ta thấy lượng hàng hóa xuất khẩu trong nước còn ít. Xuất khẩu tại Hải Phòng còn chưa xứng với tiềm năng, các doanh nghiệp trong nước nói chung và Hải Phòng nói riêng đông nhưng chưa mạnh. Lực lượng DN tham gia xuất khẩu trực tiếp của Hải Phòng vừa thiếu lại vừa yếu. Cơ cấu sản phẩm chưa phong phú, sức cạnh tranh của các ngành hàng, sản phẩm thấp, chủ yếu bằng giá nhân công. Điển hình là các mặt hàng dệt-may, giày-dép, vật liệu điện,... Đây là những sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Hải Phòng, có giá trị kim ngạch xuất khẩu lớn, nhưng tỷ lệ nội địa hóa của các sản phẩm này thấp, nguyên liệu chủ yếu phải nhập khẩu, giá cả, khả năng tiêu thụ lệ thuộc vào thị trường nước ngoài. Một số mặt hàng xuất khẩu có giá trị tăng cao như thủy sản, nông sản thì lại chưa tạo được vùng nguyên liệu, nuôi trồng, do

đó hiệu quả thu được từ nhóm sản phẩm này chỉ chiếm khoảng 14%, chưa tương xứng tiềm năng, lợi thế của thành phố cảng.

DN trong nước đã vậy, các DN có vốn đầu tư nước ngoài tại Hải Phòng mặc dù đều cam kết dành một phần sản phẩm cho xuất khẩu, nhưng thực tế thời gian qua giá trị kim ngạch xuất khẩu của các DN này mới chiếm gần 25% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn thành phố. Mặc dù đã đi trước nhiều địa phương khác trong cả nước về xây dựng "năm doanh nghiệp 2002", nhưng nhìn chung Hải Phòng chưa tạo được biến chuyển gì lớn về sức sản xuất và năng lực cạnh tranh của từng doanh nghiệp và sản phẩm trên thị trường.

4.2.4.2. Quy trình thu, nộp thuế

Chi cục đã tổ chức thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả quản lý thu NSNN, phối hợp với Ngân hàng, Kho bạc kịp thời giải quyết các vướng mắc phát sinh liên quan đến công tác thu nộp thuế, giảm thiểu thời gian và thủ tục nộp tiền cho người nộp thuế, đảm bảo nộp tiền vào kho bạc nhà nước đúng quy định. Nghiêm túc thực hiện đúng trình tự thu thuế. Theo Quyết định số 33/2008/QĐ- BTC ngày 02/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước:

- Mục 1700, Tiểu mục 1702 “Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu”
- Mục 1750, Tiểu mục 1751 “Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu
- Mục 1850, Tiểu mục 1851 “Thuế xuất khẩu
- Mục 1900, Tiểu mục 1901 “Thuế nhập khẩu

Qua việc phối hợp thu nộp đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kê khai nộp điện tử đảm bảo đúng Mục và tiểu mục thuận lợi cho hệ thống thông quan tự động. Số liệu thu nộp các năm qua đối chiếu đảm bảo khớp đúng về tổng số và theo mục và tiểu mục.

Người khai hải quan tự khai và tự nộp thuế theo khai báo. Sau khi hoàn thành kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế hàng hoá doanh nghiệp xuất trình Giấy nộp tiền bản gốc hoặc Biên lai thu thuế bản gốc (đối với hàng hoá phải nộp thuế ngay), nếu được Ngân hàng bảo lãnh thì nộp Bảo lãnh thuế của Ngân hàng bản gốc để thông quan, giải phóng hàng theo quy định.

**Bảng 4.10: Bảng thống kê số lượng tờ khai nộp thuế ngay và ân hạn
tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3**

Đơn vị tính: Tờ khai

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số	953	2.282	3.616	3.715	3.690
Nộp thuế ngay	695	1.826	2.532	2.615	2.805
Ân hạn 30 ngày/275 ngày	-	96	-	-	-
Bảo lãnh	-	-	240	-	-

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Bắt đầu từ ngày 1/7/2013 Luật số 21/2012/QH13 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế có hiệu lực, vì vậy tất cả các tờ khai đều phải nộp thuế ngay trừ hàng nhập nguyên liệu sản xuất hàng xuất khẩu (Tại Chi cục chỉ có 1 doanh nghiệp được ân hạn 275 ngày) dẫn đến số lượng tờ khai nộp thuế ngay trước khi thông quan, tạm thông quan, giải phóng hàng tăng, cũng nhờ đó nợ đọng thuế cũng giảm dần. Khối lượng công việc của bộ phận thu đòi nợ đọng thuế cũng giảm tải rất nhiều. Thuận lợi hơn cho công tác quản lý thu trong các năm sau. Năm 2014 còn 96 tờ khai được ân hạn và từ 2015 trở đi không có trường hợp nào được ân hạn phát sinh tại chi cục. Bảo lãnh thuế năm 2015 có phát sinh 240 trường hợp và từ năm 2016 trở đi không còn trường hợp nào (Bảng 4.10: Bảng thống kê số lượng tờ khai nộp thuế ngay và ân hạn tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3).

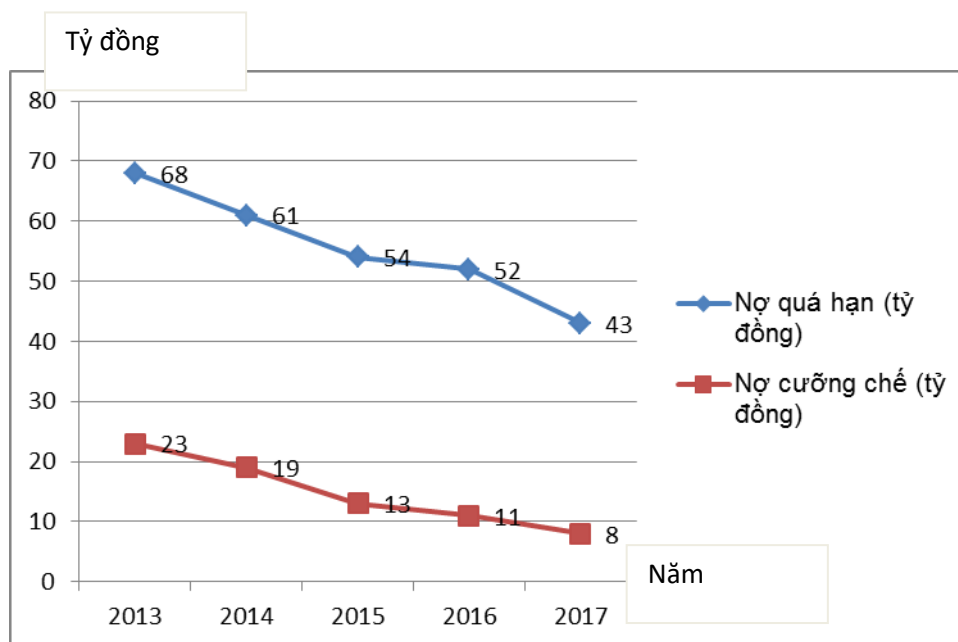
Tuy nhiên, đến nay do thực hiện ấn định, truy thu thuế nên số thuế nợ đọng lại tăng lên rất cao. Diễn biến số liệu nợ đọng thuế cụ thể như sau:

Bảng 4.11: Tình hình nợ đọng thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	So sánh							
						2014/13		2015/14		2016/15		2017/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Nợ quá hạn	68	61	54	52	43	-7	89	-7	88	-2	96	-9	82
Nợ cưỡng chế	23	19	13	11	8	-4	82	-6	68	-2	85	-3	73

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.6: Tình hình nợ đọng thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Qua bảng số liệu 4.11 ta thấy tình hình nợ đọng thuế tại Chi cục có chiều hướng giảm xuống trung bình mỗi năm giảm từ 10 đến 20%. Với số liệu về các loại nợ và số lượng DN nợ thuế trên, Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 được đánh giá là đơn vị có số lượng doanh nghiệp nợ khó thu ít nhất trong toàn Cục. Chi cục thường xuyên rà soát, phân tích nợ thuế, xác định các khoản nợ như: Nợ có khả năng thu, nợ do chính sách, nợ chây ỳ, nợ của doanh nghiệp giải thể, phá sản, bỏ trốn, mất tích. Xây dựng kế hoạch thu đòi chi tiết để phối hợp với các cơ quan liên quan. Ngay khi đến hạn nộp thuế, Chi cục có công văn thông báo và đôn đốc nộp thuế ngay đến doanh nghiệp.

Bảng 4.12: Số lượng quyết định cưỡng chế do DN nợ thuế

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017	So sánh							
						2014/13		2015/14		2016/15		2017/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Số lượng QĐ	430	320	380	230	150	-110	74,4	60	118,7	-150	60,5	-80	65,2

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Qua bảng số liệu 4.12 ta thấy số lượng quyết định cưỡng chế do doanh nghiệp nợ thuế có chiều hướng giảm cụ thể năm 2013 là 430 quyết định, đến năm 2017 còn 150 quyết định. Điều này cho thấy công tác thu hồi nợ đọng tại Chi cục ngày càng

hiệu quả, các cán bộ công chức tại chi cục ngày càng tăng cường biện pháp đôn đốc thu hồi nợ thuế từ các doanh nghiệp.

4.2.5. Giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

4.2.5.1. Giải quyết việc hoàn thuế

Hoàn thuế xuất, nhập khẩu thực hiện tại Đội Tổng hợp của Chi cục. Sau khi tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ hoàn thuế, công chức tiếp nhận hồ sơ xét hoàn thuế kiểm tra, phân loại hồ sơ hoàn thuế và xử lý hồ sơ hoàn thuế: Thông báo cho tổ chức, cá nhân biết nếu cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện xét hoàn thuế hoặc ra quyết định hoàn thuế nếu cá nhân, tổ chức đáp ứng được các điều kiện để hoàn thuế trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp hoàn trước kiểm sau và 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hoàn thuế đối với trường hợp kiểm trước hoàn sau.

Sau khi ban hành Quyết định hoàn thuế, lập lệnh hoàn trả và nhập máy dữ liệu kế toán. Đóng dấu “đã thanh khoản” lên tờ khai xuất khẩu, chứng từ thanh toán, đóng dấu “đã hoàn thuế” lên tờ khai nhập nguyên liệu, tờ khai đã xác nhận điều chỉnh C/O (bản chính của doanh nghiệp và bản lưu hải quan).

Các trường hợp hoàn thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3:

- Doanh nghiệp bổ sung C/O được hưởng thuế suất thuế NK ưu đãi đặc biệt.
- Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, trong thời hạn được hoàn thuế nhập khẩu tương ứng với tỷ lệ sản phẩm thực tế xuất khẩu. Xuất khẩu sản phẩm được sản xuất từ toàn bộ nguyên liệu NK theo loại hình nhập kinh doanh.

- Xuất khẩu chính mặt hàng đã nhập khẩu trước đó hoặc tái xuất hàng kinh doanh tạm nhập.

- Hàng hoá đã nộp thuế nhập khẩu nhưng thực tế nhập khẩu ít hơn.

- Hàng hoá NK nhưng phải tái xuất trả lại khách hàng.

Các sai sót thường gặp của doanh nghiệp trong việc thực hiện hoàn thuế XNK:

- Việc tìm hiểu và thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật còn hạn chế; chậm nộp hồ sơ thanh khoản; thất lạc hồ sơ.

- Sai nguyên tắc nhập trước - xuất trước; đưa định mức vào thanh lý sai; kê khai sai số lượng và sai số thuế vào thanh lý; tính toán số học sai...

Đối chiếu với các quy định xử phạt vi phạm trong lĩnh vực hải quan nếu doanh nghiệp vi phạm đều bị xử phạt theo quy định.

Thực tiễn hoàn thuế cho thấy, mặc dù đã có nhiều cải tiến về quy trình, thủ tục hoàn thuế nhưng trong quá trình thực hiện vẫn phát sinh nhiều vướng mắc, cụ thể:

- Đối với hàng SXK được ân hạn thuế nhập khẩu 275 ngày, không chịu thuế GTGT nhưng hết 275 ngày doanh nghiệp chưa xuất khẩu thì chỉ phải kê khai và nộp thuế NK, thuế GTGT kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế và được hoàn lại thuế khi xuất khẩu sản phẩm mà chưa quy định về việc hạn cuối cùng doanh nghiệp phải xuất khẩu nên tình trạng tồn đọng hồ sơ thanh khoản SXK kéo dài, khó theo dõi và đôn đốc.

- Hệ thống quản lý tại hải quan không có phần mềm theo dõi hàng SXK có thuế suất nhập khẩu 0% nên phải theo dõi thủ công dẫn đến việc tồn đọng hồ sơ chưa thanh khoản đối với loại hàng này.

Bảng 4.13: Bảng thống kê hoàn thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Tổng số doanh nghiệp (DN)	758	867	1056	1248	948
Số lượng hồ sơ hoàn thuế (hồ sơ)	3429	3517	3729	3915	3618
Số tiền hoàn (tỷ đồng)	118,6	120,9	136,7	948	131,9

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Từ bảng số liệu cho thấy số thuế được hoàn phát sinh tại chi cục tăng lên từ năm 2013 đến năm 2016. Nguyên nhân do tổng số doanh nghiệp và số lượng hồ sơ hoàn thuế tăng lên. Từ thực trạng cho thấy công tác hướng dẫn các doanh nghiệp về luật thuế, thủ tục hồ sơ hoàn thuế ngày càng được chú trọng, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển, thúc đẩy phát triển nền kinh tế xã hội.

4.2.5.2. Giải quyết việc miễn thuế, ưu đãi về thuế

Việc giải quyết miễn thuế thực hiện ngay từ khâu kiểm tra đăng ký tờ khai, doanh nghiệp đáp ứng miễn thuế nhập khẩu sẽ khai báo các căn cứ miễn thuế. Tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giải quyết miễn thuế chỉ phát sinh trường hợp:

Hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của dự án đầu tư vào lĩnh vực được ưu đãi về thuế nhập khẩu.

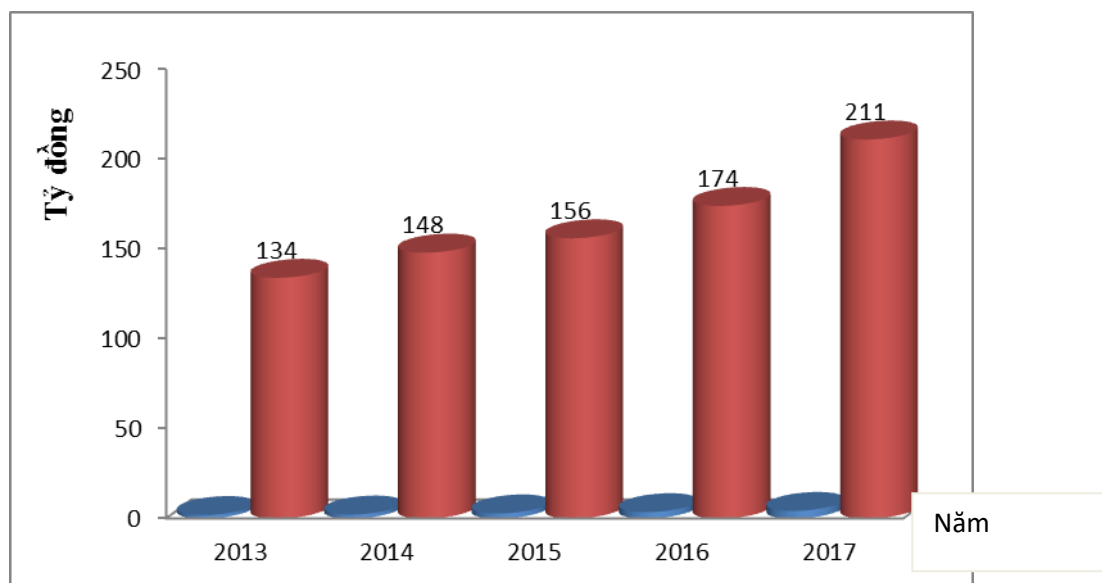
Công chức bước 1 (khâu tiếp nhận, tính thuế) kiểm tra các căn cứ khai báo của doanh nghiệp, đối chiếu với quy định hiện hành để đề xuất Chi cục trưởng miễn thuế nhập khẩu. Đối với hàng có đăng ký danh mục miễn thuế nhập khẩu, công chức tiếp nhận tờ khai trừ lùi số lượng, trị giá trên Phiếu theo dõi trừ lùi bản gốc cấp kèm theo Danh mục hàng hóa miễn thuế nhập khẩu, sau đó ký tên đóng dấu

Bảng 4.14: Bảng thống kê ưu đãi thuế tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

DVT: Tỷ đồng

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	So sánh							
						2014/13		2015/14		2016/15		2017/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Thuế xuất khẩu	1,9	2,2	2,8	3,5	4,2	0,3	115	0,6	127	0,7	125	0,7	1,2
Thuế nhập khẩu	134	148	156	174	211	14	110	8	105	18	111	37	124
Tổng số	135,9	150,2	158,8	177,5	215,2	14,3	110	8,6	106	18,7	112	37,7	121

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 - 2017)



(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 – 2017)

Biểu đồ 4.7: Số thuế được hưởng ưu đãi tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Số liệu trên phản ánh việc miễn thuế hàng nhập khẩu hay hàng tạm nhập tái xuất để tạo tài sản cố định của các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư tại thành phố Hải Phòng, như: Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng vào du lịch, xây dựng khu đô thị mới, xây dựng các khu công nghiệp... Số lượng tờ khai

được miễn thuế cũng thay đổi hàng năm theo tình hình đầu tư của các doanh nghiệp trên địa bàn tác nghiệp quản lý thu đối với miễn từ khai chủ yếu là việc theo dõi về danh mục tài sản của dự án, căn cứ ưu đãi.

4.2.5.3. Giải quyết việc giảm thuế

Việc giải quyết giảm thuế được thực hiện tại khâu kiểm tra tính thuế, công chức hải quan sẽ tiếp nhận hồ sơ, chứng từ làm căn cứ xét giảm thuế, kiểm tra rà soát các mặt hàng giống hệt, tương tự để ấn định điều chỉnh giảm thuế. Tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 chưa phát sinh trường hợp xét giảm thuế.

4.2.5.4. Giải quyết việc xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Chi cục phân công bộ phận Quản lý thuế thuộc Đội Tổng hợp có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra văn bản đề nghị xóa nợ do người nộp thuế nộp, đối chiếu với hồ sơ hải quan gốc lưu tại đơn vị, xác định tính hợp lệ, tính chính xác và đúng quy định của hồ sơ xóa nợ để xử lý, thông báo kết quả cho người nộp thuế biết. Tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 chưa có trường hợp nào đủ điều kiện xóa nợ tiền thuế, tiền phạt theo quy định.

4.2.6. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

4.2.6.1. Thực trạng kiểm tra, thanh tra về thuế

Công tác kiểm tra thuế được thực hiện trên cơ sở thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu liên quan đến người nộp thuế, đánh giá việc chấp hành pháp luật của người nộp thuế, xác minh và thu thập chứng cứ để xác định hành vi vi phạm pháp luật về thuế. Kết quả của công tác kiểm tra thuế là sự giám sát chặt chẽ các quy trình quản lý nhằm rút ngắn được thời gian thông quan hàng hóa.

Việc tiến hành kiểm tra được thực hiện tại trụ sở Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 hoặc trụ sở doanh nghiệp. Thông thường, việc kiểm tra tại doanh nghiệp được thực hiện trong các trường hợp kiểm tra định mức hàng gia công, hàng SXKK. Thời gian kiểm tra diễn ra rất nhanh, thường không quá 3 ngày làm việc. Chính vì vậy, để việc kiểm tra có hiệu quả, hầu hết các thông tin đã được thu thập trước, phát hiện các dấu hiệu gian lận, bất thường.

Phương pháp kiểm tra: Đối chiếu số liệu đã thanh khoản của cơ quan hải quan với hệ thống sổ sách kế toán của doanh nghiệp, phiếu xuất kho, nhập kho, lượng tồn kho thực tế với khai báo; kiểm tra định mức đã khai báo với thực tế sản xuất. Các dấu hiệu bất thường được lưu ý: Đăng ký định mức tăng bất thường, chuyển giao nguyên phụ liệu hàng gia công lớn, tồn qua nhiều hợp đồng, thanh khoản bị âm nguyên phụ liệu đầu vào, doanh nghiệp sử dụng tờ khai xuất khẩu trước tờ khai nhập khẩu để thanh khoản, chứng từ thanh toán quốc tế không hợp lệ...

Qua công tác kiểm tra, nắm tình hình hoạt động xuất nhập khẩu của một số doanh nghiệp, có thể đưa ra kết luận chung là phương thức, thủ đoạn gian lận của doanh nghiệp qua công tác thuế chủ yếu là lợi dụng tính thuế theo trị giá GATT để gian lận qua giá, lợi dụng chế độ phân luồng kiểm tra hàng hoá XNK để khai báo sai so với thực tế, lợi dụng chính sách miễn thuế đối với loại hình gia công, hoàn thuế nhập khẩu để sản xuất hàng xuất khẩu, khai báo sai định mức dẫn đến làm tăng số thuế được miễn, hoàn, không thu...

Để hạn chế tình trạng trên, Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã triển khai một số biện pháp nhằm kịp thời phát hiện các vi phạm, như sau:

- Chủ động xây dựng kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại, kế hoạch này được xây dựng thường xuyên phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời điểm.

- Xác định các mặt hàng trọng điểm, doanh nghiệp trọng điểm để các Tổ, Đội công tác có cơ sở kiểm tra, quản lý các mặt hàng và doanh nghiệp này khi làm thủ tục Hải quan.

- Cập nhật nghiên cứu hồ sơ hàng ngày trên máy vi tính để phân tích, đánh giá kịp thời phát hiện những dấu hiệu nghi vấn đề ra biện pháp đấu tranh có hiệu quả.

- Thành lập các tổ tự kiểm tra, phức tạp hồ sơ, kiểm tra sau thông quan để thường xuyên kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các biện pháp chuyên môn nghiệp vụ nhằm đấu tranh với các hành vi gian lận về kê khai mã, giá từ đó dẫn đến gian lận về thuế.

4.2.6.2. Thực trạng xử lý vi phạm pháp luật về thuế

Công tác thanh tra, kiểm tra, nắm tình hình hoạt động XNK trên địa bàn Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3 quản lý đã cho thấy rằng phương thức, thủ đoạn gian lận của doanh nghiệp qua công tác thuế chủ yếu là khai báo hàng hóa có thuế suất thấp, thực nhập là hàng hóa có giá trị lớn và thuế suất cao, hàng thừa so với khai báo. Do đó, Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3 đã triển khai thực hiện công tác phòng chống thất thu thuế bằng kiểm tra sau thông quan và thanh tra thuế như sau:

- Xây dựng kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu và gian lận thương mại. Kế hoạch này được xây dựng thường xuyên, phù hợp với tình hình thực tế trong từng thời kỳ.

- Xây dựng các mặt hàng trọng điểm (hàng có thuế suất cao như: ô tô, thuốc lá...), doanh nghiệp trọng điểm (doanh nghiệp thường xuyên vi phạm pháp Luật Hải quan) để các Chi cục có cơ sở kiểm tra, quản lý các mặt hàng và doanh nghiệp này khi làm thủ tục Hải quan.

- Thành lập tổ kiểm tra để kiểm tra, đánh giá tình hình công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại tại các đơn vị trực thuộc.

- Cập nhật nghiên cứu hồ sơ hàng ngày trên máy vi tính hoặc trên manifest (lược khai hàng hóa) để phân tích, đánh giá kịp thời phát hiện những dấu hiệu nghi vấn, đề ra biện pháp đấu tranh có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác kiểm tra hồ sơ sau thông quan.

Với những biện pháp được triển khai, Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 đã phát hiện xử lý vi phạm và truy thu cho NSNN.

Bảng 4.15. Số liệu xử lý vi phạm của Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II năm 2013-2017

Năm	Số vụ vi phạm pháp luật Hải quan (Vụ)	So sánh tăng/giảm	Số tiền phạt thu được (Tỷ đồng)	So sánh tăng/giảm
2013	14	-	1,7	-
2014	19	+5	2,2	+0,5

2015	42	+23	2,4	+0,2
2016	57	+15	3,7	+1,3
2017	61	+4	1,4	-2,3

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 - 2017)

Theo đó, trong 5 năm trở lại đây, số vụ vi phạm về thuế có chiều hướng gia tăng, chủ yếu tập trung vào khai sai về giá trị và áp sai mã số hàng hóa. Một số trường hợp là vi phạm do thiếu hiểu biết, nhưng cũng có nhiều trường hợp vi phạm là do doanh nghiệp lợi dụng tính chất phức tạp của thuế XNK để cố tình gian lận về thuế.

Bảng 4.16. Số thuế truy thu thuế XNK qua kiểm tra sau thông quan năm 2013-2017 tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3

Năm	Số vụ kiểm tra STQ (vụ)	So sánh tăng/giảm (vụ)	Số thuế TTĐB truy thu (tỷ đồng)	So sánh tăng/giảm (tỷ đồng)
2013	54	-	17	-
2014	59	+5	16	-1
2015	49	-10	14	-2
2016	42	-7	14	0
2017	51	+9	18	+4

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 - 2017)

Theo đánh giá của lãnh đạo Cục Hải quan thành phố thì công tác thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về thuế XNK tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II đã được thực hiện hiệu quả, số tiền thuế truy thu sau thông quan hàng năm tại Chi cục rất khả quan. Tuy nhiên, xu hướng giảm số tiền thuế truy thu sau thông quan tại Cục lại không rõ ràng, điều này thể hiện công tác thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về thuế còn chưa có tác động lan tỏa tới các đối tượng chịu thuế.

4.2.6.3. Thực trạng giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Mặc dù cán bộ công chức tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã cố gắng kịp thời giải đáp những vướng mắc của DN trong quá trình làm thủ tục hải quan, tổ chức đối thoại, hội nghị doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình làm thủ tục cho hàng hóa XNK. Tuy nhiên do lực lượng công chức còn mỏng và một số trình

độ cán bộ công chức còn hạn chế, ít kinh nghiệm nên việc giải quyết khiếu nại và tố cáo về thuế còn chưa đạt hiệu quả cao.

Bảng 4.17: Bảng thống kê số vụ việc khiếu nại tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

DVT: vụ việc

Năm	2013	2014	2015	2016	2017	So sánh							
						2014/13		2015/14		2016/15		2017/16	
						+/-	%	+/-	%	+/-	%	+/-	%
Số vụ khiếu nại	163	168	155	123	102	5	103	-13	92,3	-30	79,3	-21	82,9

(Nguồn: Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 giai đoạn 2013 - 2017)

Qua bảng số liệu ta thấy vẫn còn tình trạng khiếu nại của các doanh nghiệp, tuy nhiên có chiều hướng giảm. Một số DN nêu hiện nay, thủ tục khiếu nại thuộc thẩm quyền của cơ quan Hải quan còn rườm rà và gây mất nhiều thời gian cho DN. Cụ thể, DN đã gửi công văn về việc chấp nhận kết quả giải quyết khiếu nại của cục hải quan và đề nghị áp dụng kết quả này cho các tờ khai NK cùng loại mặt hàng theo cùng điều kiện thương mại. Tuy nhiên, kết quả giải quyết khiếu nại chỉ áp dụng cho từng tờ khai cụ thể, không linh hoạt áp dụng cho một loại mặt hàng NK theo các điều kiện thương mại giống hệt (chỉ khác số hợp đồng) với tờ khai đã có kết quả khiếu nại. DN phải liên tục tham vấn và khiếu nại. Do đó, DN đề nghị Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan xem xét sửa đổi quy định pháp luật, tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để DN được thực hiện các thủ tục nhanh chóng, thuận lợi.

Về vấn đề DN nêu, theo Tổng cục Hải quan, việc áp dụng kết quả khiếu nại của cùng loại mặt hàng theo cùng điều kiện thương mại: Hiện nay, nhằm tạo điều kiện cho DN không phải thực hiện tham vấn nhiều lần trong quá trình làm thủ tục hải quan, Điểm b Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 38/2015/TT-BTC quy định về tham vấn một lần, theo đó, người khai hải quan được yêu cầu tham vấn một lần nếu đáp ứng điều kiện hàng hóa XNK có cùng hợp đồng mua bán, được XK hoặc NK theo nhiều chuyến khác nhau và thông tin, dữ liệu để kiểm tra, xác định trị giá không thay đổi. DN có thể căn cứ quy định nêu trên để tháo gỡ vướng mắc hiện tại. Trong quá trình xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC, Tổng cục Hải

quan tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi nội dung về tham vấn một lần tạo sự thuận lợi hơn nữa cho DN XNK.

4.3. Khảo sát thực trạng quản lý thuế xuất nhập khẩu

4.3.1. Khảo sát thực trạng tại doanh nghiệp

Khảo sát thực trạng tại 60 doanh nghiệp nộp thuế xuất nhập khẩu tại chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II.

4.3.1.1. Đánh giá tình hình nộp thuế xuất nhập khẩu

Bảng 4.18. Đánh giá tình hình nộp thuế xuất nhập khẩu từ các doanh nghiệp

Tiêu chí	Tích chọn điểm đánh giá							
	Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1.Thủ tục hành chính	0	0	25	41,7	35	58,3	0	0
2.Tình hình hỗ trợ người nộp thuế.	0	0	22	36,7	38	63,3	0	0
3.Tình hình chi phí nộp thuế	0	0	27	45	33	55	0	0
4. Thái độ ứng xử của công chức quản lý thuế	0	0	37	56,7	23	43,3	0	0
5. Sự công bằng trong đối xử với người nộp thuế	0	0	37	61,7	23	38,3	0	0
6. Sự đáp ứng thông tin về thuế	0	0	20	33,3	35	58,3	5	8.4
7. Năng lực chuyên môn của công chức quản lý thuế	0	0	32	53,3	23	36,7	6	10
8. Sự minh bạch của các thủ tục thuế	0	0	41	68,3	19	31,7	0	0
9. Cơ sở vật chất	0	0	24	40	36	60	0	0
10. Hệ thống xử lý dữ liệu, đường truyền	0	0	42	70	21	30	0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Qua bảng số liệu ta thấy việc đánh giá tình hình nộp thuế xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp đối với chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3II với các tiêu chí đưa ra được phản ánh cụ thể như sau:

Đa số các tiêu chí đều ở mức độ bình thường và tốt, không có sự đánh giá ở mức độ kém. Trong đó những năm gần đây thủ tục hành chính về thuế được cải thiện rõ rệt thông qua việc áp dụng hiện đại hoá, giảm thủ tục, thời gian và chi phí cho DN. Hệ thống khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử đã được triển khai tại 63 cục thuế và 100% chi cục thuế trực thuộc. DN kê khai điện tử đạt tỷ lệ 99,64% và được hỗ trợ nộp thuế xuất nhập khẩu bằng phương thức điện tử. Số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực thuế năm 2017 đã giảm 85 thủ tục so với 2016... Tình hình hỗ trợ người nộp thuế, chi

phí nộp thuế, đáp ứng thông tin về thuế ngày càng theo chiều hướng tích cực theo chỉ thị số 01 của Tổng cục thuế về việc tăng cường kỷ luật, kỷ cương, chấn chỉnh thái độ, tác phong ứng xử của công chức thuế đối với người nộp thuế và đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho người nộp thuế. Tuy nhiên doanh nghiệp đánh giá với bốn chỉ tiêu này mới chỉ dừng ở mức độ tốt chiếm từ 50 đến 60%.

Về các chỉ tiêu như: Sự công bằng trong đối xử với người nộp thuế, Năng lực chuyên môn của công chức quản lý thuế, Thái độ ứng xử của công chức thuế, Sự minh bạch của các thủ tục thuế được đánh giá ở mức độ bình thường khá nhiều chiếm trên 50%. Điều này chứng tỏ công tác quản lý thuế nói chung và thuế xuất nhập khẩu nói riêng vẫn còn hạn chế trong công tác thanh tra kiểm tra. Năng lực chuyên môn của các công chức thuế cần được đào tạo nhiều hơn cả về trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức của người công chức nhà nước.

Cơ sở vật chất của chi cục được đánh giá ở mức độ bình thường là 40%, mức độ tốt 60% cho thấy cơ sở vật chất của Chi cục ngày được quan tâm và chú ý. Về hệ thống xử lý dữ liệu và đường truyền được đánh giá ở mức độ bình thường khá cao chiếm 70%, còn lại ở mức độ tốt. Điều này cho thấy tốc độ xử lý dữ liệu và đường truyền cần được cải thiện và tăng cường nâng cao hơn nữa về chất lượng để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp nộp thuế.

4.3.1.2. Đánh giá tình hình thu hút thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Bảng 4.19. Đánh giá tình hình thu hút thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 từ DN

Chính sách	Kém		Bình thường		Tốt		Rất tốt	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Thu hút nộp thuế	0	0	22	36,7	38	63,3	0	0
2. Tạo điều kiện trong quá trình thực hiện thủ tục thuế	0	0	20	33,3	40	66,7	0	0
3. Hoàn thuế	0	0	25	41,7	35	58,3	0	0
4. Miễn thuế, không thu thuế, giảm thuế	0	0	32	43,3	28	46,7	0	0
5. Thanh tra kiểm tra thuế	6	10	30	50	24	40	0	0

6. Giải quyết khiếu nại về thuế	5	8,3	35	58,3	20	33,4	0	0
--	---	-----	----	------	----	------	---	---

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Qua bảng số liệu 4.19 ta thấy nhìn chung các doanh nghiệp đều đánh giá công tác về thu hút nộp thuế và các công tác quản lý thuế về các chính sách hoàn thuế, miễn thuế tại Chi cục đều được thực hiện tương đối tốt cụ thể các tiêu chí đều được đánh giá ở mức độ tốt từ 50 đến trên 60%. Bên cạnh đó công tác thanh tra kiểm tra và khiếu nại về thuế còn có những hạn chế nhất định. Một số ít doanh nghiệp đánh giá ở mức độ kém chiếm dưới 10%, mức độ bình thường chiếm trên 50%. Nguyên nhân chủ yếu do trình độ cán bộ công chức trong quản lý thuế tại Chi cục còn hạn chế, lực lượng về thanh tra giám sát còn mỏng, công tác lập kế hoạch và thực hiện tổ chức thanh tra giám sát chưa triệt để, thủ tục giải quyết khiếu nại của Chi cục còn chậm.

4.3.1.3. Đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng nộp thuế.

Bảng 4.20. Đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng nộp thuế

Tiêu chí	Hài lòng		Bình thường		Không hài lòng	
	SL	%	SL	%	SL	%
1. Chất lượng về năng lực trình độ nghiệp vụ, chuyên môn của công chức quản lý thuế	22	36,7	38	63,3	0	0
2. Thái độ ứng xử của công chức quản lý thuế	20	33,3	31	51,7	9	15
3. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị	24	40	36	60	0	0
4. Hệ thống xử lý dữ liệu, đường truyền	22	36,7	25	41,7	13	21,6
5. Thủ tục hành chính	37	61,7	23	38,3	0	0
6. Chi phí thực hiện thủ tục thuế	27	45	33	55	0	0
7. Các phí dịch vụ khác hỗ trợ người nộp thuế	33	55	27	45	0	0

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Qua bảng số liệu khảo sát của tác giả ta thấy sự đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng nộp thuế cụ thể như sau: Đối với các tiêu chí Chất lượng về năng lực trình độ nghiệp vụ, chuyên môn của công chức quản lý thuế, Thái độ ứng xử của công chức quản lý thuế, Chi phí thực hiện thủ tục thuế, Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, Hệ thống xử lý dữ liệu, đường truyền được đánh giá nhiều ở mức độ bình thường chiếm tỷ trọng cao

hơn, trong đó tiêu chí hệ thống xử lý dữ liệu đường truyền có 21,6% trong tổng số doanh nghiệp được khảo sát đánh giá ở mức độ không hài lòng. Điều này cho thấy công tác quản lý thuế XNK tại chi cục cần nâng cao hơn nữa về chất lượng nhân lực và cơ sở hạ tầng thông tin.

Hai chỉ tiêu còn lại là Thủ tục hành chính, Các phí dịch vụ khác hỗ trợ người nộp thuế được đánh giá ở mức hài lòng nhiều hơn chiếm tỷ trọng trên 50%. Rõ ràng công tác quản lý thuế XNK ở khâu thủ tục hành chính và các dịch vụ hỗ trợ ngày càng được hiện đại hóa trong kê khai, thu hút đối tượng nộp thuế và chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật.

4.3.2. Khảo sát thực trạng tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Các giá trị từ 1 đến 5 trên mỗi câu hỏi tương ứng với mức độ đồng ý hoặc mức độ hài lòng tăng dần. Ý nghĩa các giá trị lựa chọn như sau:

1. Rất thuận lợi
2. Thuận lợi
3. Bình thường
4. Không thuận lợi
5. Khó khăn

Khảo sát 14 công chức tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng khu vực 3 tác giả thi được kết quả khảo sát sau:

**Bảng 4.21. Khảo sát thực trạng công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục
HQCK cảng Hải Phòng KV3**

STT	Thang đo		Mức độ đánh giá									
			1		2		3		4		5	
			SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Đánh giá tình hình quản lý thuế	1	Hoạt động thu hút đối tượng nộp thuế	2	14,3	10	71,4	2	14,3	0	0	0	0
	2	Hoạt động Thu thuế	0	0	4	28	8	58	2	14	0	0
	3	Hoạt động Hoàn thuế	0	0	5	36	6	43	3	21	0	0
	4	Hoạt động Miễn thuế, không thu thuế, giảm thuế	0	0	6	43	6	43	2	14	0	0
	5	Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế	0	0	3	21,4	5	36	4	28	2	14,6
	6	Hoạt động giải quyết khiếu nại về thuế	0	0	2	14	6	43	5	36	1	7
	7	Hoạt động xử lý vi phạm về thuế	0	0	2	14	8	58	4	28	0	0
	8	Hoạt động cưỡng chế, thi hành quyết định thuế	0	0	4	28	5	36	2	14	3	22
	9	Hoạt động xóa nợ tiền thuế, tiền phạt	0	0	5	36	6	43	3	21	0	0
	10	Hoạt động quản lý thông tin người nộp thuế	0	0	2	14	6	43	5	36	1	7
2. Điều kiện quản lý thuế	1	Chính sách văn bản pháp luật của nhà nước	0	0	5	36	6	43	2	14	1	7
	2	Hệ thống dữ liệu, công nghệ thông tin	0	0	4	28	8	58	2	14	0	0
3. Sự đáp ứng đối tượng nộp thuế trong quá trình thực hiện thủ tục thuế	1	Thái độ ứng xử tận tình trong giao tiếp	0	0	5	36	6	43	3	21	0	0
	2	Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động thuế	2	14,3	10	71,4	2	14,3	0	0	0	0
	3	Hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng nộp thuế trong hoạt động thuế	0	0	4	28	8	58	2	14	0	0
	4	Đảm bảo sự công bằng đối với đối tượng nộp thuế	0	0	4	28	5	36	2	14	3	22
4. Sự thỏa mãn của công chức làm việc	1	Chế độ làm việc	0	0	4	28	7	50	3	22	0	0
	2	Điều kiện làm việc	0	0	4	28	8	58	2	14	0	0
	3	Môi trường làm việc	0	0	5	36	6	43	3	21	0	0
	4	Hệ thống dữ liệu công nghệ thông tin, hệ thống mạng	0	0	5	36	6	43	2	14	1	7

(Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả)

Qua bảng kết quả khảo sát cho ta thấy hầu hết các công chức tại chi cục không đánh giá các tiêu chí ở mức rất thuận lợi. Riêng chỉ có hoạt động thu hút thuế và cung cấp các thông tin về thuế là được đánh giá rất thuận lợi và chủ yếu là thuận lợi. Chính phủ ban hành Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. Thực tiễn sau 1 năm triển khai cho thấy Nghị định đã góp phần tăng sức cạnh tranh của nền kinh tế, thúc đẩy sản xuất phát triển, mở rộng thị trường xuất khẩu, góp phần tăng thu ngân sách nhà nước; góp phần thúc đẩy tiến trình cải cách hành chính, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư và hoạt động xuất nhập khẩu hàng hoá, nâng cao hiệu quả của hoạt động hải quan và đảm bảo quản lý nhà nước về hải quan.

Đánh giá các hoạt động quản lý xuất nhập khẩu tại chi cục về tình hình quản lý thuế, điều kiện quản lý thuế, sự đáp ứng đối tượng nộp thuế trong quá trình thực hiện thủ tục thuế và sự thỏa mãn công chức làm việc còn hạn chế ở một số nội dung như hoạt động xử lý khiếu nại, cưỡng chế thu hồi nợ đọng, các chính sách về thuế, thái độ ứng xử hỗ trợ người nộp thuế, đảm bảo công bằng, điều kiện và môi trường làm việc... Nguyên nhân chính là bên cạnh các kết quả tích cực đạt được nêu trên, việc triển khai thực hiện Nghị định số 134/2016/NĐ-CP cũng đã phát sinh, bộc lộ một số bất cập, vướng mắc về chính sách ưu đãi miễn, giảm, hoàn cũng như các thủ tục miễn và hoàn thuế, không thu thuế cần được sửa đổi, bổ sung. hay một số thông tư về thuế xuất nhập khẩu cũng đã phát sinh, bộc lộ một số bất cập, vướng mắc về chính sách ưu đãi miễn, giảm, hoàn cũng như các thủ tục miễn và hoàn thuế, không thu thuế cần được sửa đổi, bổ sung.

Thứ nhất, vướng mắc liên quan đến quy định về chính sách ưu đãi miễn thuế, đối tượng ưu đãi miễn thuế như: Quy định về miễn thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để gia công sản phẩm xuất khẩu, sản xuất sản phẩm xuất khẩu chưa hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý ngoại thương về chủng loại hàng hoá được miễn thuế và chưa bao quát các hình thức gia công và sản xuất xuất khẩu đang ngày càng trở nên phổ biến (gia công chuyên tiếp, thuê gia công lại một phần của công đoạn sản xuất xuất khẩu). Đồng thời tại Nghị định chưa quy định rõ về ưu đãi miễn

thuế đối với phế liệu, phế thải, phế phẩm, nguyên liệu, vật tư dư thừa của hoạt động gia công sản phẩm xuất khẩu, của hoạt động sản xuất xuất khẩu dẫn đến vướng mắc trong thực tế thực hiện.

Thứ hai, vướng mắc về thẩm quyền quy định thủ tục hành chính trong việc miễn, giảm và hoàn thuế: Hiện nay, nhiều hồ sơ, thủ tục về miễn, giảm, hoàn thuế quy định tại Thông tư 38/2015/TT-BTC quy định thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 38/2015/TT-BTC vẫn đang được thực hiện do những nội dung quy định về hồ sơ, thủ tục miễn giảm hoàn thuế tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP chưa đầy đủ. Theo Luật ban hành VBQPPL số 80/2015/QH13, việc ban hành thủ tục hành chính trong thông tư được xem là hành vi bị cấm và cơ quan được giao ban hành văn bản quy định chi tiết không được ủy quyền tiếp. Vì vậy, để bảo đảm về thẩm quyền quy định các nội dung liên quan đến thủ tục hành chính như hồ sơ, thủ tục, điều kiện để được miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế, không thu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện đang được quy định Thông tư số 38/2015/TT-BTC và Thông tư số 39/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính cần được bổ sung quy định tại dự thảo Nghị định này.

Mục tiêu xây dựng Nghị định là hoàn thiện cơ sở pháp lý để triển khai thực hiện hiệu quả Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/QH13 và tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp.

Đồng thời tiếp tục cải cách thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu; nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; góp phần thu hút đầu tư nước ngoài, thúc đẩy sản xuất xuất khẩu với giá trị gia tăng cao qua đó góp phần tăng trưởng kinh tế; đáp ứng tốt hơn yêu cầu của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh đó lực lượng công chức thuế còn mỏng, trình độ năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức còn hạn chế vì vậy dẫn đến một số khó khăn trong công tác quản lý về Sự đáp ứng đối tượng nộp thuế trong quá trình thực hiện thủ tục thuế.

Về việc cưỡng chế thu hồi nợ đọng thuế còn khó khăn theo đánh giá của các công chức nguyên nhân chính đó là một bộ phận người nộp thuế chưa chấp hành tốt

các quy định của pháp luật về thuế; chây ỳ không nộp thuế đúng hạn, nợ thuế kéo dài; cơ quan thuế xử phạt, tính tiền chậm nộp dẫn đến khoản tiền phạt chậm nộp tăng lên. Một số DN kinh doanh thua lỗ đã tự giải thể, bỏ khỏi địa chỉ sản xuất, kinh doanh nhưng vẫn còn nợ thuế; không làm thủ tục khai báo cho cơ quan thuế; thông báo nợ thuế đã bị gửi trả lại cơ quan thuế, gây khó khăn cho công tác đôn đốc thu nợ thuế. Để thu hồi nợ thuế, cơ quan thuế đã thực hiện nhiều biện pháp mạnh, trong đó có biện pháp cưỡng chế tài khoản ngân hàng. “Tuy nhiên, biện pháp này gặp khó khăn do một số DN không chấp hành tốt việc cung cấp các tài khoản có dòng tiền; chỉ cung cấp những tài khoản không có số dư, hoặc số dư nhỏ không đủ để thực hiện cưỡng chế. Việc thu thập thông tin về tài khoản của DN mất nhiều thời gian do DN nợ thuế mở tài khoản tại nhiều ngân hàng đóng trên nhiều địa bàn khác nhau. Để việc thu hồi nợ thuế đảm bảo đúng luật, trước khi tiến hành cưỡng chế, cơ quan thuế cũng phải rà soát rất thận trọng, kỹ lưỡng để tránh ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của DN. “Ví dụ như biện pháp cưỡng chế hóa đơn, cơ quan thuế cũng hết sức cân nhắc khi thực hiện biện pháp này. Vì sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đến uy tín và thương hiệu của DN, dẫn đến DN không tiêu thụ được hàng hóa, không có doanh thu nên không có khả năng nộp tiền thuế nợ. Do đó, khi thực hiện biện pháp này, cơ quan thuế cũng phải rà soát kỹ, thực hiện đúng quy định, đảm bảo công bằng giữa các đối tượng nộp thuế, đồng thời đảm bảo thu được tiền thuế nợ vào NSNN

4.4. Đánh giá công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng khu vực 3

4.4.1. Những thành công

Về tổ chức đăng ký khai thuế

Chi cục tôn trọng việc tự tính thuế và khai thuế của người nộp thuế, động viên, khuyến khích sự tuân thủ tự nguyện của người nộp thuế, đồng thời tăng cường kiểm tra để ngăn ngừa những trường hợp vi phạm pháp luật thuế. 100% số doanh nghiệp thực hiện đăng ký khai thuế qua mạng và đăng ký nộp thuế điện tử. Việc ứng dụng hệ

thống thông quan tự động (VNACCS), đã hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt pháp luật thuế, hải quan qua đó giảm thời gian thông quan hàng hóa.

Về quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế

Thường xuyên thu thập, nắm tình hình hoạt động của doanh nghiệp xuất, nhập khẩu; phối hợp, trao đổi thông tin với các cơ quan, tổ chức có liên quan phân tích, đánh giá, phân loại đúng đối tượng quản lý.

Về kiểm tra căn cứ tính thuế xuất, nhập khẩu Tại Chi cục, chủ yếu làm thủ tục hàng hóa xuất khẩu, chủng loại, số lượng các mặt hàng xuất khẩu cũng không nhiều, nhiều doanh nghiệp có chung thị trường cung cấp nguồn hàng hóa và chung thị trường xuất khẩu. Do vậy, Chi cục đã tăng cường thực hiện so sánh, đối chiếu việc kê khai trị giá tính thuế của các doanh nghiệp làm căn cứ, cơ sở để kiểm tra, xác định số thuế phải nộp.

Về tổ chức thu, nộp thuế xuất, nhập khẩu

Tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 tất cả các doanh nghiệp đều nộp thuế qua các ngân hàng phối hợp thu. Các vướng mắc trong việc thu nộp thuế được ngân hàng thương mại phối hợp thu, kho bạc nhà nước trên địa bàn và Chi cục giải quyết nhanh chóng, kịp thời. - Cải cách trong thu thuế điện tử mang lại nhiều lợi ích: Người nộp thuế chỉ phải lập một liên Bảng kê nộp thuế, thông tin kê khai tối thiểu, Ngân hàng trích nợ tài khoản người nộp thuế và chuyển tiền vào tài khoản Kho bạc nhà nước, đồng thời truyền dữ liệu qua Cổng thanh toán điện tử hải quan. Ngay khi nhận được dữ liệu điện tử từ Ngân hàng, hệ thống kế toán của cơ quan hải quan sẽ hạch toán trừ nợ, tự động thông quan tờ khai cho doanh nghiệp. Từ đó, giảm thời gian làm thủ tục hải quan, thông quan hàng hóa và giảm chi phí phát sinh. Người nộp thuế được thanh khoản nợ, thông quan hàng hóa và xét ân hạn thuế ngay sau khi cơ quan hải quan nhận được thông tin nộp thuế từ ngân hàng thương mại. Với việc áp dụng chữ ký số vào việc thu thuế, bảo lãnh thuế, các chủ thể liên quan không thể chối bỏ theo quy định của pháp luật cũng như hệ thông tin không thể sửa chữa khi đã sử dụng chữ ký số. Tránh được tình trạng doanh nghiệp làm giả Giấy nộp tiền hoặc chứng thư bảo lãnh giả.

Nộp thuế ngay trước khi thông quan, giải phóng hàng. Việc áp dụng chính sách nộp thuế ngay trước khi thông quan, giải phóng hàng là đường lối đúng đắn và giải pháp ưu việt trong thu thuế, và thu đòi nợ đọng thuế. Từ khi áp dụng cơ chế này số nợ cưỡng chế, nợ quá hạn giảm rõ rệt. Nợ quá hạn chỉ tồn tại do các trường hợp ấn định.

- Hệ thống trang thiết bị hiện đại, phần mềm quản lý thông minh đáp ứng được cải cách thủ tục và hiện đại hoá hải quan.

Về giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Việc thanh khoản hoàn thuế theo phương thức điện tử đạt 90% các bộ hồ sơ, cho thấy sự cải tiến tích cực trong công tác này, cụ thể:

- Giảm thời gian thanh khoản từ 7 ngày xuống còn 3 ngày (với các bộ hồ sơ thông thường).

- Giảm thiểu đáng kể sai sót số học do quá trình nhập thủ công bằng tay dẫn đến làm sai số tiền thuế được hoàn, không thu.

- Hạn chế các trường hợp gian lận như tờ khai xuất khẩu trước tờ khai nhập khẩu, nhằm lẫn trong việc đưa một nguyên liệu vào thanh khoản nhiều lần.

- Quản lý được phần nguyên liệu nhập khẩu có thuế suất thuế nhập khẩu 0% (vì không có thuế nên không theo dõi trên hệ thống kế toán KT559 của hải quan được).

- Quản lý được hàng gia công thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT mà trước đây phải theo dõi thủ công. Các bộ hồ sơ không thu thuế được giải quyết nhanh chóng, thuận tiện ngay trước khi thông quan hàng hóa.

Về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 ngày càng chú trọng đến công tác kiểm tra và xử lý vi phạm về thuế. Phân công, bố trí cán bộ có trình độ nghiệp vụ chuyên môn và có phẩm chất đạo đức; thực hiện quản lý theo phương thức hiện đại, đó là quản lý rủi ro, phân loại doanh nghiệp theo mức độ rủi ro, như doanh nghiệp đi thuê nhà xưởng, doanh nghiệp có chủ là người Trung Quốc, Hồng Kong, Đài Loan...; phân loại nguy cơ tiềm ẩn rủi ro theo tính chất mặt hàng, như mặt hàng trọng điểm, xuất khẩu theo hạn ngạch...; phân loại theo tính chất loại hình XNK... để xây dựng kế

hoạch thanh tra, kiểm tra có hiệu quả. Trong những năm qua, Chi cục cũng đã phát hiện ngăn chặn và xử lý nhiều vụ khai sai về thuế, thông qua công tác kiểm tra đã góp phần tăng thu vào NSNN và góp phần chống gian lận thương mại, đảm bảo cạnh tranh công bằng trong cộng đồng doanh nghiệp, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của doanh nghiệp.

4.4.2. Hạn chế và nguyên nhân

4.4.2.1. Những mặt hạn chế

Một là, chưa quản lý tốt đối tượng nộp thuế. Chưa nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch XNK của doanh nghiệp có số thu lớn trên địa bàn để dự tính số thu thuế, đồng thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục XNK. Việc cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp luật cho đối tượng nộp nói chung còn một số hạn chế. Hạn chế này cần sớm được khắc phục theo hướng bảo đảm phù hợp với nhu cầu của người nộp thuế và chuẩn mực quốc tế. Đối tượng nộp thuế cần được coi là khách hàng và cơ quan hải quan là đơn vị cung cấp dịch vụ. Đối tượng nộp thuế đánh giá cơ quan hải quan thông qua việc cung cấp thông tin hỗ trợ pháp luật cho họ. Đây là một trong các tiêu chí đánh giá về tính văn minh, hiện đại của cơ quan hải quan. Việc khai thác thông tin doanh nghiệp từ hệ thống dữ liệu của cơ quan hải quan còn hạn chế. Hiện nay, hệ thống quản lý rủi ro Riskmen hoạt động kém hiệu quả, thông tin về doanh nghiệp trên hệ thống rất sơ sài, chỉ có địa chỉ doanh nghiệp, số điện thoại liên hệ, đa số là của doanh nghiệp đã hoạt động XNK đủ 365 ngày, chưa có thông tin về tình hình hoạt động XNK, kết quả đánh giá, phân loại doanh nghiệp, thông tin vi phạm nên đã gây nhiều hạn chế trong tìm kiếm thông tin doanh nghiệp, làm một trong những căn cứ để chuyển lòng tờ khai. Chưa có sự phối hợp trao đổi thông tin với hãng tàu, hay hải quan cửa khẩu để nắm bắt thông tin về từng chuyến hàng của đối tượng trọng điểm dẫn đến chưa kiểm tra giám sát được đúng và trúng các tờ khai có gian lận thuế.

Hai là, đối với khâu kiểm tra đăng ký thuế.

Căn cứ trên kết quả tự khai báo của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra các căn cứ tính thuế. Tuy nhiên, phương pháp kiểm tra các căn cứ tính thuế hiện nay chưa phù hợp với yêu cầu mới:

- Đối với việc kiểm tra trị giá khai báo: Giá khai báo của doanh nghiệp so sánh với hệ thống dữ liệu giá của cơ quan hải quan thường thấp hơn, nhưng chưa đủ cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp, vì vậy cần tìm nguồn thông tin tin cậy. Tuy nhiên, khi tra cứu giá chưa có nguồn thông tin tin cậy từ internet, từ các trang web chính thống làm cơ sở để so sánh đối chiếu mức độ tin cậy của các thông tin do doanh nghiệp khai báo.

- Kiểm tra C/O lâu nay thường chỉ là kiểm tra tính hợp lệ về mặt hình thức của C/O mà ít chú ý đến yêu cầu chủ yếu của tiêu chuẩn của C/O.

- Chưa chú ý đến việc tổng hợp và lưu giữ kết quả phân tích phân loại của cơ quan phân tích, phân loại và các mã thường xuyên xuất nhập khẩu qua địa bàn quản lý nên việc áp mã số đôi khi bị chậm trễ.

Ba là, việc thu đòi nợ thuế Tại đơn vị số doanh nghiệp nợ quá hạn không nhiều, nhưng số thuế nợ tương đối lớn. Công tác thu đòi nợ thuế chưa thực sự quyết liệt, chủ yếu là sử dụng các biện pháp đến trụ sở doanh nghiệp hoặc làm công văn thông báo, đôn đốc, nhắc nhở. Bốn là, công tác kiểm tra, thanh tra thuế. Kế hoạch kiểm tra còn chậm. Công tác nắm tình hình, thu thập thông tin chưa được thường xuyên. Công tác tự kiểm tra tại Chi cục mới chỉ mang tính bề nổi, hình thức, chất lượng chưa cao. Công tác nắm tình hình thông tin doanh nghiệp phục vụ cho công tác kiểm tra sau thông quan và thanh tra thuế hiện nay chưa được đổi mới, do vậy khả năng phát hiện các chứng từ bất hợp pháp và gian lận trong phức tạp còn thấp.

4.4.2.2. Nguyên nhân của những mặt hạn chế

- Nguyên nhân thuộc về Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Một là, những hạn chế của đội ngũ CBCC và công tác tổ chức cán bộ. Số lượng CBCC chưa đủ do yêu cầu công tác phải thành lập thêm nhưng biên chế không được tăng thêm theo chính sách của Chính Phủ dẫn đến phải san sẻ công chức, điều chuyển giữa các chi cục.

Về chất lượng, nhận thức của một số cán bộ công chức còn chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa quan trọng của công tác quản lý thu thuế XNK, chưa nắm chắc và đầy đủ những vấn đề cơ bản trong công tác quản lý thu thuế. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế, kỹ năng nghề nghiệp của nhiều CBCC còn chưa cao, không kịp

thời có sự tìm tòi, học hỏi, cập nhật văn bản, chủ động nâng cao kỹ năng làm việc, đặc biệt là kỹ năng kiểm tra, nhận biết dấu hiệu vi phạm. Một số bộ phận, một số CBCC chưa có sự gắn kết với nhau, công tác phối hợp không hiệu quả, đùn đẩy trách nhiệm.

Hai là, trang cấp cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật. Thực hiện công cuộc cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hải quan dựa trên phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo hướng tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ và cam kết quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

Việc áp dụng Hệ thống VNACCS/VCIS hỗ trợ khai tự động đã tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, góp phần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa. Tuy nhiên, hiện nay tại chi cục còn xảy ra lỗi khi thực hiện như lỗi trường truyền, nghẽn mạng,... nên cần phải sớm trang bị máy chủ với tốc độ cao.

Ba là, việc hiện đại hóa các khâu nghiệp vụ quản lý thuế chưa tốt. Mặc dù đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử nhưng nhiều khâu trong công tác quản lý thuế vẫn chưa được áp dụng công nghệ một cách hiệu quả. Chưa hoàn toàn thực hiện việc thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế bằng phương thức điện tử, việc theo dõi nợ thuế và đơn đốc thuế vẫn thủ công, chưa có sự liên kết đồng bộ giữa các phần mềm quản lý của hải quan. Cán bộ công chức chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác này, đôi khi do ngại tìm tòi, cập nhật nên có xu hướng muốn làm theo phương thức truyền thống.

Bốn là, những bất cập về năng lực dịch vụ. Chưa có một cách nhìn mới về quản lý, chưa nhận thức cao trong việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan, chưa coi người nộp thuế là trung tâm nên chưa có các biện pháp quyết liệt để xây dựng quy chế cũng như chính sách về cung cấp dịch vụ công. Chưa cung cấp được các dịch vụ hỗ trợ tốt, kịp thời, chưa xây dựng được hình ảnh rõ ràng về cán bộ hải quan theo đúng phương châm “Chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả”.

Năm là, công tác tuyên truyền chưa đem lại hiệu quả. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chủ yếu là thuyết trình phổ biến văn bản mới, số lượt được phổ biến hẹp, thời gian ngắn (tối đa là 01 ngày/01 Luật). Hình thức tuyên truyền qua mạng tuy đã có những bước đột phá, song còn đơn điệu, nghèo nàn. Nội dung tuyên truyền tuy đã

được chú trọng nhưng chưa sát với yêu cầu, chưa tổ chức đối thoại, hội nghị doanh nghiệp thường xuyên và chưa đúng trọng tâm. Việc giải đáp vướng mắc trong lĩnh vực về quản lý thuế của một bộ phận công chức hải quan chưa nhiệt tình. Chi cục chưa xây dựng cơ chế giải đáp vướng mắc qua mạng chi tiết, cụ thể, chưa phân định rõ trách nhiệm, thời gian xử lý các vướng mắc, cơ chế phối hợp giữa các bộ phận liên quan trong việc hướng dẫn doanh nghiệp.

Sáu là, chưa thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu. Chi cục luôn đặt ra mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ chế thông thoáng thu hút doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu nhưng công tác tổ chức thực hiện còn kém hiệu quả. Một số cán bộ công chức trong chi cục chưa coi việc thu hút và nuôi dưỡng nguồn thu là một nhiệm vụ, chưa thực sự coi doanh nghiệp là “Đối tác, hợp tác”.

Bảy là, những yếu kém trong công tác phối hợp với các đơn vị liên quan. Việc phối hợp thông tin với Ngân hàng, các tổ chức tín dụng nhằm xác minh thông tin về tài khoản, số tiền hiện có trong tài khoản của đối tượng bị cưỡng chế vẫn chưa được thực hiện. Vì hiện nay ngân hàng giữ bí mật tài khoản khách hàng theo Nghị định số 70/2000/NQ-CP.

4.5. Một số giải pháp tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3

4.5.1. Phương hướng hoàn thiện quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu

4.5.1.1. Dự báo bối cảnh mới có ảnh hưởng đến quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3

Do ảnh hưởng của tình hình kinh tế chính trị thế giới, Việt Nam tiếp tục chịu ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu và những biến động chính trị ở nhiều nước trên thế giới nên các hoạt động sản xuất - kinh doanh, nhập khẩu sẽ còn rất nhiều khó khăn.

Kim ngạch có thuế khó có khả năng tăng cao do thực hiện lộ trình cắt giảm thuế theo hiệp định thương mại tự do (FTA) và Hiệp định TPP được ký kết.

4.5.1.2. Mục tiêu phát triển của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3

Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, Chi cục xác định các mục tiêu phát triển như sau:

- Đẩy mạnh đơn giản hóa thủ tục hành chính, trong đó có thủ tục hành chính thuế; thực hiện cơ chế liên thông giữa thủ tục hành chính thuế với một số thủ tục hành chính khác có liên quan nhằm tạo thuận lợi và giảm thời gian thực hiện các thủ tục hải quan, thủ tục đăng ký kê khai thuế của doanh nghiệp và người dân.

Hướng dẫn, tuyên truyền, đối thoại doanh nghiệp, niêm yết công khai văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, thực hiện quy tắc ứng xử, tạo niềm tin, động viên doanh nghiệp tự giác thực hiện tốt quy định của pháp luật. Luôn hoàn thành và hoàn thành xuất sắc chỉ tiêu thu ngân sách hàng năm, đảm bảo thực hiện đúng quy định về mọi mặt công tác trong đó có quản lý thu thuế XNK.

- Đẩy mạnh công tác hiện đại hóa, tiến tới 100% tờ khai, loại hình, doanh nghiệp, quản lý thu nộp thuế, thủ tục thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế được thực hiện bằng phương thức điện tử.

- Không có cán bộ, công chức nào vi phạm bị xử lý đến mức kỷ luật, kiên quyết chống tiêu cực, gây phiền hà, sách nhiễu, vôi vĩnh trong mọi hoạt động quản lý của hải quan.

4.1.3. Phương hướng hoàn thiện quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 đến năm 2025

Quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 cần được hoàn thiện theo hướng sau:

Một là, về tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực. Bổ sung thêm nguồn nhân lực đủ về số lượng theo đề án việc làm, đồng thời nâng cao trình độ của cán bộ, công chức một cách toàn diện cả về chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học, ý thức chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp, hoạt động minh bạch, liêm chính... Xây dựng và tổ chức bộ máy quản lý thuế hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, phù hợp với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của cơ quan hải quan và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đáp ứng yêu cầu quản lý thuế hiện đại theo nguyên tắc tập trung thống nhất.

Hai là, về công tác nghiệp vụ hải quan. Chi cục phấn đấu đến năm 2025, thực hiện đồng bộ thủ tục và chế độ quản lý hải quan đơn giản, hiệu quả, hài hòa và tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế. Thực hiện bằng phương thức điện tử toàn bộ các khâu nghiệp vụ từ đăng ký tờ khai đến thanh khoản đối với nguyên liệu nhập khẩu để

sản xuất hàng xuất khẩu, hoàn thuế, không thu thuế; trao đổi thông tin trước khi hàng đến, thanh toán, quản lý các giấy phép bằng phương thức điện tử. Áp dụng phương pháp QLRR một cách hệ thống trong các khâu nghiệp vụ hải quan.

Cụ thể hóa từng bước quy trình quản lý thuế xuất, nhập khẩu trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin đảm bảo thống nhất, có tính liên kết cao. Phân loại người nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm người nộp thuế; xây dựng, triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế. Xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra thuế đối với người nộp thuế trên cơ sở quản lý rủi ro; xây dựng cơ sở dữ liệu người nộp thuế, trên cơ sở đó thực hiện phân tích, đánh giá rủi ro, phân loại người nộp thuế tại tất cả các khâu đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế và hoàn thuế; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm pháp luật thuế.

Hoàn thiện các biện pháp, kỹ năng giám sát quản lý nợ thuế và cưỡng chế nợ thuế theo hướng xây dựng, hoàn thiện hệ thống tiêu chí rủi ro để phục vụ công tác quản lý nợ thuế và đánh giá kết quả của hoạt động quản lý nợ thuế; giải quyết chính xác, kịp thời các trường hợp khiếu nại tố cáo về thuế. Hoàn thiện hợp tác, phối hợp với các cơ quan tham mưu Cục, cơ quan hữu quan trên địa bàn trong việc trao đổi thông tin, kinh nghiệm, hỗ trợ kỹ thuật hiện đại hóa công tác quản lý thu thuế.

Ba là, đầu tư hệ thống máy móc trang thiết bị hiện đại. Với lượng tờ khai ngày càng tăng, tỷ lệ phân luồng xanh, luồng vàng chiếm tỉ lệ đa số dễ khiến cho doanh nghiệp lợi dụng chính sách ưu đãi này để buôn lậu và gian lận thương mại. Đứng trước thực tế đó yêu cầu bộ phận hải quan giám sát phải được trang bị máy soi container, hệ thống camera giám sát chuyên dùng. Đề nghị cấp mới hệ thống máy tính có cấu hình cao, tốc độ truy cập nhanh, trang bị hệ thống máy chủ, máy trạm hiện đại giữ ổn định tốc độ đường truyền dữ liệu. Bộ phận Quản trị mạng tại Chi cục phải thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị kỹ thuật, nâng cấp và cập nhật các phần mềm liên quan đến công tác nghiệp vụ. Luôn bảo đảm hệ thống mạng nội bộ Netoffice, mạng văn thư Tổng cục hải qua thông suốt để tất cả cán bộ công chức có thể cập nhật văn bản mới hàng ngày.

Bốn là, chuyển mạnh mẽ từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Kiểm tra sau thông quan là khâu nghiệp vụ quan trọng, quyết định đến sự thành công của việc kiểm soát trị giá hải quan. Cần phải tăng cường hoạt động kiểm tra sau thông quan cả về số lượng lẫn chất lượng nhằm hạn chế tới mức thấp nhất việc gian lận trị giá hàng hóa thông qua việc khai báo giảm về số lượng lẫn chất lượng hàng hóa xuất, nhập khẩu nhằm trốn thuế. Tiến hành kiểm tra sau thông quan đối với các doanh nghiệp trọng điểm, các mặt hàng trọng điểm. Các kết quả KTSTQ cần được phân tích, đánh giá để phân loại mức độ chấp hành pháp luật hải quan của từng doanh nghiệp và cung cấp thông tin kịp thời cho các đơn vị ở khâu thông quan nhận dạng, có biện pháp quản lý, ngăn chặn hành vi lợi dụng, gian lận trốn thuế. Công tác kiểm tra sau thông quan phải được thực hiện theo phương châm chuyên sâu, hoạt động có hiệu quả dựa trên nguyên tắc áp dụng quản lý rủi ro; quy trình nghiệp vụ kiểm tra sau thông quan được chuẩn hóa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin kết hợp với các biện pháp chế tài, xử lý nghiêm minh thay thế dần kiểm tra trong thông quan.

Năm là, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin. Cấp tài khoản cho tất cả cán bộ công chức tại các đội nghiệp vụ để khai thác xử lý thông tin lược khai hàng hóa điện tử (E - Manifest), tra cứu thông tin này xác định được ngày hàng đến cảng làm căn cứ xử phạt đối với các trường hợp hàng đến cảng quá 30 ngày mà doanh nghiệp không đăng ký tờ khai. Xác định được hành trình vận tải, xác định hàng hoá có chuyển tải hay không làm cơ sở chấp nhận Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá; Sử dụng thành thạo hệ thống Thông quan tự động và cơ chế một cửa quốc gia VNAAC/VCIS; Khai thác toàn bộ các chức năng của hệ thống này. Thực hiện thanh toán thuế, lệ phí hải quan bằng phương thức điện tử (E - Payment); Tiếp nhận, trao đổi thông tin giấy phép và C/O điện tử (E - C/O và E- Permit) với các cơ quan liên quan. Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin hải quan hiện đại trên nền tảng tập trung hoá xử lý dữ liệu, tích hợp đầy đủ các chức năng, xử lý hồ sơ hải quan điện tử, manifest điện tử, thanh toán điện tử, giấy phép điện tử; Đảm bảo hệ thống công nghệ thông tin đạt tiêu chuẩn an ninh, an toàn cao (24/24 và 24/7). Phấn đấu đến năm 2025 tất cả các nghiệp vụ liên quan đến hải quan đều được thực hiện điện tử. Nghiên cứu, đề xuất, xây dựng một số phần mềm có tính ứng dụng cao trong công tác quản lý thu thuế.

Sáu là, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro Tăng cường áp dụng QLRR toàn diện, đầy đủ trong các khâu hoạt động nghiệp vụ theo quy định của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Luật Hải quan. Thành lập bộ phận chuyên trách “Tổ Quản lý rủi ro” của Chi cục, không làm việc kiêm nhiệm. Thường xuyên thu thập thông tin doanh nghiệp, xây dựng hồ sơ doanh nghiệp đầy đủ, chính xác gửi Cục, cơ quan Tổng cục hải quan để cập nhật hệ thống rủi ro, để cơ quan cấp trên xây dựng tiêu chí phân luồng tờ khai, xếp hạng doanh nghiệp chính xác.

Trên cơ sở việc xây dựng, cập nhật, quản lý các hồ sơ rủi ro và hồ sơ DN, theo dõi các đối tượng có rủi ro về vi phạm pháp luật hải quan, theo dõi hàng hoá phải kiểm tra chuyên ngành và phải có giấy phép nhưng được phân luồng xanh để cảnh báo trên hệ thống VNAAC/VCIS. Bày là, nâng cao tính tự giác tuân thủ pháp luật của người nộp thuế. Tăng cường kiểm soát cơ chế tự kê khai tính thuế của người khai hải quan. Thực hiện các biện pháp quản lý nhằm nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật của người nộp thuế, góp phần đảm bảo nguồn thu cho NSNN, lợi ích quốc gia, hạn chế những thách thức, bất lợi phát sinh trong quá trình hội nhập.

4.5.2. Một số giải pháp tăng cường quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3

4.5.2.1. Tăng cường công tác tổ chức đăng ký, khai thuế

**** Cơ sở của giải pháp***

Đối tượng nộp thuế cần được coi là khách hàng và cơ quan hải quan là đơn vị cung cấp dịch vụ. Đối tượng nộp thuế đánh giá cơ quan hải quan thông qua việc cung cấp thông tin hỗ trợ pháp luật cho họ. Đây là một trong các tiêu chí đánh giá về tính văn minh, hiện đại của cơ quan hải quan. Để tăng nguồn thu cho ngân sách nhà nước cũng như định hướng khuyến khích các doanh nghiệp thực hiện đúng theo yêu cầu của pháp luật thì cơ quan hải quan cần tăng cường công tác tổ chức đăng ký khai thuế.

**** Nội dung thực hiện***

Việc đăng ký và khai thuế xuất nhập khẩu là trách nhiệm và nghĩa vụ của người xuất nhập khẩu, để thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp đảm bảo khai đúng, đủ Chi cục cần tăng cường một số giải pháp sau:

- Phân loại người nộp thuế để áp dụng các hình thức tuyên truyền, hỗ trợ thực thi pháp luật thuế phù hợp với từng nhóm đối tượng nộp thuế;

- Tổ chức hội nghị doanh nghiệp, đối thoại và giải đáp vướng mắc trong thẩm quyền của Chi cục đối với từng doanh nghiệp. Nếu vượt thẩm quyền sẽ làm văn bản báo cáo cấp trên xin ý kiến chỉ đạo.

- Triển khai đa dạng các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế thực hiện thủ tục hành chính thuế, chú trọng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ qua hình thức điện tử; cung cấp các dịch vụ tra cứu hoặc trao đổi thông tin điện tử về tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; khuyến khích, hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế. Các biện pháp ngăn chặn nguy cơ gian lận về thuế:

- Bố trí đủ công chức có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn giỏi về mã số phân loại hàng hoá hàng ngày rà soát trên hệ thống những tờ khai phân luồng xanh tại Chi cục, áp dụng biện pháp dừng thông quan đột xuất, chuyển luồng kiểm tra.

- Các doanh nghiệp có hiện tượng hủy tờ khai với lý do không chính đáng sẽ bị đưa vào tiêu chí rủi ro cao, gửi thông tin cho Phòng Quản lý rủi ro của Cục hải quan TP Hải Phòng để cập nhật thông tin doanh nghiệp vào hệ thống từ đó sẽ tự động phân luồng đỏ đối với các tờ khai tiếp theo của doanh nghiệp này.

- Phối hợp với Phòng Quản lý rủi ro đưa các tiêu chí cảnh báo cho hệ thống khai báo điện tử.

- Phối hợp cùng các cơ quan chức năng như Đội kiểm soát của Cục hải quan TP, Cục điều tra chống buôn lậu của TCHQ để sử dụng các biện pháp nghiệp vụ kiểm tra nếu các lô hàng trên đã ra khỏi cảng.

- Chuyển thông tin cho Chi cục kiểm tra sau thông quan đối với doanh nghiệp có các dấu hiệu nghi vấn như trên. - Trường hợp khai báo sai mã số, thuế suất lần đầu thì lập biên bản chứng nhận, nếu gian lận đến mức độ xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan thì ra quyết định xử phạt và cập nhật ngay thông tin vào hệ thống vi phạm, hệ thống sẽ đẩy dữ liệu đến tất cả các Cục hải quan trên toàn quốc.

4.5.2.2. Tăng cường công tác quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế

* Cơ sở của giải pháp:

Tại Chi cục Hải Quan CKCHP KV3 chưa quản lý tốt đối tượng nộp thuế. Chưa nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, kế hoạch XNK của doanh nghiệp có số thu lớn trên địa bàn để dự tính số thu thuế, đồng thời có phương án hỗ trợ doanh nghiệp trong quá trình làm thủ tục XNK. Việc cung cấp thông tin, hỗ trợ pháp luật cho đối tượng nộp nói chung còn một số hạn chế. Vì vậy cần tăng cường công tác tổ chức khai thuế.

** Nội dung thực hiện:*

Thành lập nhóm, tổ chuyên phân tích dữ liệu, thu thập thông tin doanh nghiệp trên cơ sở nền tảng nhân lực từ những cán bộ công chức thuộc Tổ quản lý rủi ro của Chi cục. Từ đó rà soát lượng doanh nghiệp thường xuyên làm thủ tục hải quan tại Chi cục thu thập thông tin bao gồm: Nhóm thông tin về doanh nghiệp (tên công ty, mã số thuế, địa chỉ, thời gian hoạt động XNK.), nhóm thông tin về hàng hoá (kinh doanh mặt hàng truyền thống gì, thường xuyên xuất, nhập khẩu những loại hàng hoá nào, áp mã, thuế suất ra sao, trị giá khai báo, loại hình tờ khai...), nhóm thông tin vi phạm để xây dựng hệ thống thông tin tra cứu riêng cho Chi cục.

Mặt khác, cung cấp những dữ liệu đã thu thập được cho Phòng Quản lý rủi ro để cập nhật vào hệ thống. Tăng cường trao đổi thông tin giữa cơ quan chức năng Thuế, Công an, Kế hoạch và Đầu tư về đối tượng nộp thuế theo Quy chế phối hợp quản lý doanh nghiệp sau khi thành lập. Phối hợp chặt chẽ với cơ quan Cảng vụ, hải quan giám sát tại các Chi cục hải quan cửa khẩu để nhận thông tin về hàng hoá chuyển khẩu dự kiến trong ngày, trong tuần từ đó có biện pháp kiểm tra giám sát phù hợp. Đặc biệt phối hợp với Phòng Quản lý rủi ro Hải Phòng nhận thông tin trực tiếp để dừng thông quan đột xuất những lô hàng nghi vấn có dấu hiệu buôn lậu, gian lận thương mại không chỉ nhằm thu đúng, thu đủ thuế mà còn để thực hiện đúng cơ chế chính sách hàng hoá nhập khẩu.

4.5.2.3. Tăng cường công tác kiểm tra căn cứ tính thuế

** Cơ sở của giải pháp:*

Căn cứ trên kết quả tự khai báo của người khai hải quan, công chức hải quan kiểm tra các căn cứ tính thuế. Tuy nhiên, phương pháp kiểm tra các căn cứ tính thuế hiện nay chưa phù hợp với yêu cầu mới:

- Đối với việc kiểm tra trị giá khai báo: Giá khai báo của doanh nghiệp so sánh với hệ thống dữ liệu giá của cơ quan hải quan thường thấp hơn, nhưng chưa đủ cơ sở để bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp, vì vậy cần tìm nguồn thông tin tin cậy. Tuy nhiên, khi tra cứu giá chưa có nguồn thông tin tin cậy từ internet, từ các trang web chính thống làm cơ sở để so sánh đối chiếu mức độ tin cậy của các thông tin do doanh nghiệp khai báo.

- Kiểm tra C/O lâu nay thường chỉ là kiểm tra tính hợp lệ về mặt hình thức của C/O mà ít chú ý đến yêu cầu chủ yếu của tiêu chuẩn của C/O.

Thực tế cho thấy việc tăng cường công tác kiểm tra căn cứ tính thuế hiện nay là rất cần thiết cho Chi cục Hải quan cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3.

** Nội dung thực hiện:*

Kiểm tra trị giá khai báo Với thực trạng hiện nay công tác kiểm tra căn cứ tính thuế đặc biệt được chú trọng do đối tượng nộp thuế thường gian lận trong khai báo trị giá tính thuế. Các hình thức gian lận qua giá gồm:

Thứ nhất: Khai báo trị giá thấp đối với những mặt hàng nhạy cảm hay biến động về giá, mặt hàng có thuế suất cao như: khoáng sản, lâm sản.

Thứ hai: Dựa vào cơ sở dữ liệu giá của các mặt hàng xuất, nhập khẩu giống hệt, tương tự tại hệ thống GTT02 của cơ quan hải quan để khai báo trị giá của các lô hàng thấp hơn trị giá giao dịch thực tế. Dựa vào điều kiện tra cứu so sánh trước và sau 60 ngày hàng hoá xuất khẩu, doanh nghiệp nộp thuế sẽ khai thấp dần trị giá khai báo đối với các lô hàng cùng loại, tương tự đã nhập khẩu trước đó.

Thứ ba: Khai thấp trị giá đối với lô hàng nhập mẫu sau đó NK ồ ạt liên tục trong một khoảng thời gian ngắn theo mức giá thấp đã khai báo trước đó.

Thứ tư, Tháo rời hàng nguyên chiếc thành linh kiện hoặc nguyên liệu nhập khẩu, nhập thành nhiều chuyến hàng ở nhiều cửa khẩu khác nhau để lách giá, khai thấp trị giá.

Thứ năm, lợi dụng các quy định về chiết khấu, giảm giá hoặc không khai báo tiền bản quyền, phí giấy phép, các khoản trợ giúp, phí hoa hồng,... để làm giảm trị giá tính thuế hàng xuất, nhập khẩu.

Thứ sáu, khai tăng trị giá tính thuế so với trị giá thực tế của hàng hoá nhập khẩu để tăng vốn đầu tư và chuyển “lậu” lợi nhuận ra nước ngoài, hình thức này thường được thực hiện bởi các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hoá dưới hình thức tiếp nhận đầu tư từ nước ngoài. Ngoài ra, một số doanh nghiệp nhà nước cũng dùng thủ đoạn này để rút tiền từ ngân sách nhà nước hoặc trốn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Kiểm tra khai báo trị giá tính thuế phải căn cứ theo Danh mục hàng hoá xuất, nhập khẩu có rủi ro về trị giá và mức giá tham chiếu do TCHQ ban hành theo từng thời kỳ, đã có sự điều chỉnh giá phù hợp với thực tiễn thương mại. Cơ quan hải quan căn cứ vào mức giá tham chiếu này đồng thời tra cứu tạo cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan (hệ thống GTT02) làm cơ sở đối chiếu, chấp nhận trị giá khai báo hoặc nghi vấn chưa đủ cơ sở bác bỏ trị giá khai báo của doanh nghiệp thì chuyển hồ sơ sau thông quan hoặc tham vấn nếu người khai hải quan có đề nghị tham vấn. Cơ sở giá của cơ quan hải quan chưa thực sự đầy đủ và nhiều trường hợp không có giá của mặt hàng tương tự hoặc giống hết để đối chiếu, thì phải kiểm tra thông tin từ nhiều nguồn tin cậy từ các trang web của nước ngoài. Kiểm tra áp mã phân loại hàng hoá Biểu thuế xuất, nhập khẩu hiện hành hiện có cách phân loại chưa thống nhất, vừa phân loại theo cấu tạo hàng hoá, tính năng tác dụng, vừa phân loại theo mục đích sử dụng, dễ dẫn đến nhầm lẫn trong phân loại áp mã và gây tranh chấp thuế. Việc mô tả khái niệm khó hiểu không đồng nhất trong Danh mục hàng hoá xuất nhập khẩu và Biểu thuế xuất, nhập khẩu hiện hành gây khó khăn rất lớn cho cả hải quan và doanh nghiệp. Do đó, căn cứ kiểm tra áp mã ngoài việc phải mô tả tính năng, tác dụng, mục đích sử dụng còn phải mô tả thành phần cấu tạo là rất bất cập khó khăn cho cơ quan hải quan và phản ứng không hợp tác của doanh nghiệp. Vì vậy, khi kiểm tra tính thuế phải yêu cầu doanh nghiệp khai báo đầy đủ thông tin, mô tả hàng hoá cụ thể để áp mã. Nếu không mô tả được và rõ vào trường hợp hàng hoá lưỡng giữa hai mã số hàng hoá chênh lệch nhau về thuế suất thì phải yêu cầu người khai hải quan xuất trình tài liệu kỹ thuật đối với máy móc thiết bị; C/Q (Giấy chứng nhận chất lượng); C/A (Certificate of Analyst: là bản phân tích thành phần sản phẩm, các chỉ tiêu thành phần có trong sản phẩm sử dụng các sản phẩm thực phẩm, gia vị thực phẩm, đồ uống, hóa mỹ phẩm); hoặc Mill Test (đối với sản phẩm sắt thép thể hiện thành phần, hàm lượng các nguyên tố hoá

học), nếu vẫn không xác định được mã số phân loại thì chuyển kiểm tra thực tế lấy mẫu phân tích phân loại tại Trung tâm phân tích phân loại - Tổng cục hải quan. Lưu trữ thành hệ thống các Thông báo kết quả phân tích phân loại của Tổng cục hải quan làm cơ sở so sánh, đối chiếu, tham khảo để vận dụng cho từng trường hợp cụ thể. Doanh nghiệp thường xuyên lợi dụng để trốn thuế qua khai báo sai tên hàng do đó phải nâng cao kỹ năng kiểm tra áp mã tính thuế của doanh nghiệp.

4.5.2.4. Tăng cường tổ chức thu, nộp thuế xuất, nhập khẩu

** Cơ sở của giải pháp:*

Công tác quản lý thuế tại Chi cục chưa thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu. Chi cục luôn đặt ra mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ chế thông thoáng thu hút doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu nhưng công tác tổ chức thực hiện còn kém hiệu quả. Một số cán bộ công chức trong chi cục chưa coi việc thu hút và nuôi dưỡng nguồn thu là một nhiệm vụ, chưa thực sự coi doanh nghiệp là “Đôi tác, hợp tác”. Chính vì vậy Chi cục cần tăng cường tổ chức thu, nộp thuế xuất nhập khẩu.

** Nội dung thực hiện:*

Triển khai thực hiện đến từng cán bộ công chức các văn bản về thuế, liên quan đến công tác quản lý thu thuế XNK. Thường xuyên theo dõi, đôn đốc xử lý nợ đọng thuế, phạt chậm nợ thuế, để cập nhật lên hệ thống Kế toán tập trung. Thực hiện cưỡng chế các trường hợp thuộc thẩm quyền, xử lý vướng mắc về thuế và thu khác đối với hàng hoá XNK theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác nghiệp vụ trong Chi cục, kiểm tra việc thực hiện chính sách chế độ, quy trình nghiệp vụ thuế, kế hoạch thu thuế XNK và triển khai các biện pháp xử lý nợ thuế theo quy định, đôn đốc xử lý nợ thuế đọng thuế một cách triệt để trong Chi cục.

Xây dựng kế hoạch công tác cho Tổ thu đòi nợ thuế một cách cụ thể, chi tiết thực hiện công tác đôn đốc, thu đòi nợ thuế, phấn đấu giảm tỷ trọng số nợ thuế quá hạn phải cưỡng chế (nợ quá 90 ngày) của thuế chuyên thu so với tổng thu nộp ngân sách của đơn vị. Quyết liệt trong thực hiện các biện pháp thu đòi nợ thuế theo quy định của pháp luật. Nếu doanh nghiệp nào vi phạm pháp luật thuế nghiêm trọng, nợ cưỡng chế, nợ khó đòi sẽ bị xử lý theo đúng pháp luật và Chi cục lập tức chuyển thông tin để Cục Hải quan TP

Hải Phòng thông báo phối hợp với tất cả các Cục hải quan tỉnh, thành phố dừng làm thủ tục hải quan cho tất cả hàng hoá của doanh nghiệp vi phạm trên toàn quốc; chuyển thông tin cho báo Hải quan công bố công khai từng bước góp phần điều chỉnh các hành vi cố tình chây ì hoặc chiếm đoạt tiền thuế.

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thuế, nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật thuế của người khai hải quan (đối tượng nộp thuế), giúp đối tượng nộp thuế nhận thức đầy đủ hơn về quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của mình khi nhập khẩu hàng hoá, từ đó sẽ thực hiện nộp đúng, nộp đủ thuế. Hoàn thiện hệ thống thông tin đối tượng nộp thuế. Phối hợp với Phòng Công nghệ thông tin - Cục Hải quan TP. Hải Phòng và các phòng ban chức năng (Phòng Quản lý rủi ro; Phòng Thanh tra; Phòng Chống buôn lậu và xử lý vi phạm; Phòng Thuế XNK; Phòng Giám sát quản lý; Chi cục kiểm tra sau thông quan; Đội kiểm soát hải quan; Đội ma tuý...) thu thập thông tin phục vụ để kiểm tra giám sát hải quan nói chung, quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu nói riêng có hiệu quả; trao đổi dữ liệu điện tử đối với các cơ quan liên quan;

Nâng cao vai trò của Tổ quản lý rủi ro trong Chi cục, bố trí cán bộ công chức dày dặn có kinh nghiệm, biết phân tích tổng hợp làm chuyên trách. Tổ công tác này tối thiểu là 3 người, thuộc Đội nghiệp vụ để tiếp tục xây dựng hồ sơ các doanh nghiệp, đặc biệt tìm hiểu sâu về quá trình hoạt động của doanh nghiệp, loại hàng hoá kinh doanh xuất, nhập khẩu, số lần vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan, hành vi vi phạm. Hiện đại hóa công tác theo dõi, quản lý, thu nộp thuế. Khai thác, sử dụng chương trình Kế toán tập trung để kiểm tra quá trình cập nhật, truyền nhận dữ liệu kế toán, cập nhật dữ liệu về quá trình nợ thuế, nợ quá hạn, nợ cưỡng chế, kiểm tra việc thu nộp thuế theo đúng trình tự, thời hạn nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế. Tăng cường phối hợp với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Chi nhánh Hải Phòng (Vietinbank), các NHTM trong việc thực hiện đề án hiện đại hoá thu nộp NSNN.

4.5.2.5. Tăng cường công tác giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, không thu thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

** Cơ sở của giải pháp:*

Công tác tuyên truyền tại Chi cục chưa đem lại hiệu quả. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chủ yếu là thuyết trình phổ biến văn bản mới, số lượt được phổ biến hẹp, thời gian ngắn (tối đa là 01 ngày/01 Luật). Hình thức tuyên truyền qua mạng tuy đã có những bước đột phá, song còn đơn điệu, nghèo nàn. Nội dung tuyên truyền tuy đã được chú trọng nhưng chưa sát với yêu cầu, chưa tổ chức đối thoại, hội nghị doanh nghiệp thường xuyên và chưa đúng trọng tâm. Việc giải đáp vướng mắc trong lĩnh vực về quản lý thuế của một bộ phận công chức hải quan chưa nhiệt tình. Chưa có một cách nhìn mới về quản lý, chưa nhận thức cao trong việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan, chưa coi người nộp thuế là trung tâm nên chưa có các biện pháp quyết liệt để xây dựng quy chế cũng như chính sách về cung cấp dịch vụ công. Chưa cung cấp được các dịch vụ hỗ trợ tốt, kịp thời, chưa xây dựng được hình ảnh rõ ràng về cán bộ hải quan theo đúng phương châm “Chuyên nghiệp, minh bạch, hiệu quả”. Chính vì vậy cần có các biện pháp về tăng cường công tác giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, không thu thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt.

** Nội dung thực hiện:*

Tích cực, chủ động trong công tác phối hợp thu ngân sách nhà nước, thường xuyên kiểm tra, đối chiếu số thu với Kho bạc nhà nước, ngân hàng thương mại và các doanh nghiệp để phản ánh chính xác tình hình thu nộp ngân sách và theo dõi, quản lý chặt chẽ nguồn thu, số nộp thuế để thực hiện hoàn thuế, miễn thuế được kịp thời, chính xác. Tiếp tục thực hiện việc cải cách, đơn giản hóa thủ tục hải quan nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất, nhập khẩu, thực hiện tờ khai hải quan điện tử đạt tỷ lệ 100%.

- Đẩy mạnh việc thu thập thông tin, nắm tình hình doanh nghiệp, nâng cao kỹ năng phân tích, xác định về điều kiện được miễn giảm, xóa thuế được chính xác.

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật hải quan cho doanh nghiệp. Tăng cường thực hiện công tác theo dõi, nắm bắt thông tin tình hình doanh nghiệp. Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hệ thống thông quan điện tử VNACCS/VCIS.

4.5.2.6. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

** Cơ sở của giải pháp:*

Việc hiện đại hóa các khâu nghiệp vụ quản lý thuế chưa tốt. Mặc dù đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử nhưng nhiều khâu trong công tác quản lý thuế vẫn chưa được áp dụng công nghệ một cách hiệu quả. Chưa hoàn toàn thực hiện việc thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế bằng phương thức điện tử, việc theo dõi nợ thuế và đơn đốc thuế vẫn thủ công, chưa có sự liên kết đồng bộ giữa các phần mềm quản lý của hải quan. Cán bộ công chức chưa nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác này, đôi khi do ngại tìm tòi, cập nhật nên có xu hướng muốn làm theo phương thức truyền thống.

Nhiệm vụ chủ yếu tại cấp Chi cục là kiểm tra việc tự kê khai tính thuế của doanh nghiệp. Nếu khai báo sai lần đầu về mã số thuế suất dẫn đến thiếu số thuế phải nộp thì thực hiện lập Biên bản chứng nhận. Kiểm tra để hướng dẫn người khai hải quan khai báo chính xác tên hàng, số lượng, chủng loại, trị giá, xuất xứ làm căn cứ tính thuế đúng không chỉ tránh được thiệt hại cho doanh nghiệp mà còn tránh được thất thu cho NSNN.

Thanh tra nhằm phát hiện những sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền các biện pháp khắc phục; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân; quản lý cán bộ, công chức thanh tra thuế trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Báo cáo kịp thời với Phòng Thanh tra để đưa kế hoạch thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp đối với những trường hợp trọng điểm. Thanh tra để kịp thời phát hiện những sai phạm trong khai báo thuế, ra quyết định ấn định hoặc xử phạt những trường hợp cố tình lợi dụng kẽ hở chính sách để gian lận, chiếm đoạt tiền thuế.

** Nội dung thực hiện:*

Việc đánh giá, phân tích, xử lý thông tin để lựa chọn đối tượng thanh tra được dựa trên nguồn dữ liệu thông tin đã thu thập được nêu trên, các căn cứ đánh giá bao gồm:

- Đánh giá thông tin về dấu hiệu vi phạm (Nộp thiếu thuế, gian lận, trốn thuế, lợi dụng ưu đãi miễn giảm thuế; Sử dụng chứng từ, tài liệu không hợp pháp, không đúng mục đích giao dịch để kê khai thuế; tự ý tẩy xóa, sửa chữa chứng từ dẫn đến

thiếu số thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được miễn giảm, được hoàn; Khai sai mã số hàng hóa đối với những mặt hàng đã được xác định mã số hàng hóa, thuế suất ở lần xuất, nhập khẩu trước dẫn đến xác định thiếu số thuế phải nộp; Khai sai trị giá hàng hóa góp vốn đầu tư; Làm thủ tục xuất khẩu nhưng không xuất khẩu sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu; Khai nhiều hơn so với thực tế hàng hóa xuất khẩu về chủng loại, số lượng, trọng lượng sản phẩm gia công, sản phẩm sản xuất từ nguyên liệu nhập khẩu; Tự ý sử dụng nguyên liệu, vật tư, máy móc, thiết bị, linh kiện nhập khẩu để gia công không đúng mục đích quy định; Tự ý thay đổi mục đích sử dụng hàng hóa được miễn thuế, xét miễn thuế mà không khai thuế; Không ghi chép trong sổ sách kế toán các khoản thu liên quan đến việc xác định số tiền thuế phải nộp; Các hành vi không khai hoặc khai sai khác về tên hàng, chủng loại, số lượng, trọng lượng, chất lượng, trị giá, mã số hàng hóa, thuế suất, xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; Các hành vi khác dẫn đến thất thu thuế).

- Đánh giá tình hình nộp ngân sách của đối tượng và tình hình nợ đọng thuế. Từ đó xây dựng kế hoạch thanh tra cụ thể, chi tiết. Xác định các nhóm doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro về gian lận thương mại, khai không trung thực, các nhóm mặt hàng có nguy cơ gian lận cao như các mặt hàng trọng điểm, hàng có thuế suất cao nhằm phát hiện sớm các dấu hiệu, tiến hành kiểm tra, xử lý, ngăn chặn kịp thời. Đảm bảo sự phối hợp gắn kết giữa thông quan và sau thông quan trong việc thu thập thông tin phục vụ kiểm tra thuế.

Tăng cường việc kiểm tra nội bộ, tăng cường sự giám sát, quản lý của lãnh đạo các cấp, đảm bảo chế độ báo cáo kịp thời nhằm phát hiện và ngăn chặn ngay các dấu hiệu về gian lận, dấu hiệu về thông đồng giữa cán bộ hải quan với doanh nghiệp.

4.5.2.7. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

** Cơ sở của giải pháp:*

Những hạn chế của đội ngũ CBCC và công tác tổ chức cán bộ. Số lượng CBCC chưa đủ do yêu cầu công tác phải thành lập thêm nhưng biên chế không được tăng thêm theo chính sách của Chính Phủ dẫn đến phải san sẻ công chức, điều chuyển giữa các chi cục.

Về chất lượng, nhận thức của một số cán bộ công chức còn chưa đầy đủ về vị trí, ý nghĩa quan trọng của công tác quản lý thu thuế XNK, chưa nắm chắc và đầy đủ những vấn đề cơ bản trong công tác quản lý thu thuế. Năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý còn hạn chế, kỹ năng nghề nghiệp của nhiều CBCC còn chưa cao, không kịp thời có sự tìm tòi, học hỏi, cập nhật văn bản, chủ động nâng cao kỹ năng làm việc, đặc biệt là kỹ năng kiểm tra, nhận biết dấu hiệu vi phạm. Một số bộ phận, một số CBCC chưa có sự gắn kết với nhau, công tác phối hợp không hiệu quả, đùn đẩy trách nhiệm.

** Nội dung thực hiện:*

- Tổ chức bộ máy Hải quan hiện đại và theo nguyên tắc tập trung thống nhất

Tổ chức bộ máy quản lý thuế là một khâu quan trọng trong công tác quản lý thuế, bao gồm việc xác định cơ cấu tổ chức bộ máy và phân bổ nguồn nhân lực một cách hợp lý, nhằm xây dựng hệ thống quản lý thuế khoa học, phù hợp, đảm bảo tính thống nhất, thực hiện đầy đủ, có hiệu quả các chức năng quản lý thuế nhằm thực thi chính sách, pháp luật thuế một cách nghiêm minh, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời tiền thuế vào NSNN. Bộ máy tổ chức quản lý thuế là một trong những yếu tố quyết định sự vận dụng thành công hay thất bại của chính sách thuế. Do vậy, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý thuế là yêu cầu cấp thiết đặt ra trong điều kiện tiến hành cải cách thuế hiện nay. Thực hiện chủ trương cải cách hành chính, tinh giảm biên chế, việc tổ chức xây dựng bộ máy quản lý thuế sẽ được thực hiện theo hướng tinh gọn, hiệu quả cao.

Tiếp tục rà soát lại tổ chức bộ máy tại đơn vị để thực hiện hoặc kiến nghị điều chỉnh, sắp xếp, thành lập mới tổ chức bộ máy cho phù hợp với quy trình nghiệp vụ và yêu cầu nhiệm vụ mới, phù hợp với chủ trương gọn nhẹ và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức bộ máy. Sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định về quy chế hoạt động của từng Đội công tác. Đối với những công chức có khả năng và tuổi đời còn trẻ cần có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng để làm nền tảng cho việc cải cách và hiện đại hóa công tác Hải quan của đơn vị. Tùy theo năng lực yêu cầu công tác, trình độ chuyên môn được đào tạo, bố trí công chức làm đúng năng lực chuyên môn của mình, tránh tình trạng thay đổi công việc quá nhanh chóng. Đối với cán bộ công chức lớn tuổi, vì lý do năng lực, trình độ không thể cập nhật kiến thức mới thì sắp xếp sang bộ phận đơn giản hoặc làm công tác hành chính để chờ nghỉ hưu đúng quy định.

Xây dựng và phát triển đội ngũ công chức chuyên sâu ở một số lĩnh vực nghiệp vụ cơ bản như phân loại, trị giá Hải quan, quản lý thuế, kiểm tra sau thông quan, quản

lý rủi ro...Thực hiện việc tự đào tạo, đào tạo lại đối với cán bộ công chức làm công tác công tác kiểm tra sau thông quan về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng kiểm tra, bố trí sử dụng theo hướng chuyên sâu, chuyên nghiệp.

Cần đào tạo cán bộ theo hướng chuyên môn hoá sâu theo từng chức năng, nhiệm vụ công việc phù hợp với cơ chế quản lý tự khai, tự tính, tự nộp; đảm bảo cán bộ có năng lực tốt trong việc đánh giá, phân tích khả năng thực thi của chính sách thuế, làm cơ sở cho việc hoạch định chính sách cũng như đề xuất các biện pháp quản lý thuế. Ưu tiên đào tạo cán bộ theo hướng chuyên môn hóa sâu như lĩnh vực xác định trị giá tính thuế, phân loại áp mã theo đúng với các tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam đã tham gia ký kết.

Chi cục theo dõi các công chức đã từng được đào tạo về công tác giá. Ưu tiên bố trí các công chức này vào khâu kiểm tra hồ sơ (hoặc khâu kiểm tra sau thông quan về trị giá tính thuế), đồng thời bố trí công chức đã từng làm công tác giá trong khoảng thời gian gần đây (ít nhất là một năm) hướng dẫn, kèm cặp một thời gian đủ để công chức mới làm công tác giá đó có thể tự mình đảm đương được công việc. Chi cục tự đánh giá lại thực trạng đội ngũ cán bộ làm công tác giá về số lượng, chất lượng để bố trí sắp xếp, luân chuyển phù hợp với quy mô và khối lượng công việc của đơn vị, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý giá theo nguyên tắc chuyên sâu, tăng cường đào tạo nội bộ để xây dựng đội ngũ cán bộ giá có tính kế thừa, phục vụ công tác luân chuyển định kỳ theo yêu cầu của ngành.

Thường xuyên bồi dưỡng phẩm chất chính trị đạo đức cho cán bộ công chức. Xử lý nghiêm, thậm chí buộc thôi việc những cán bộ công chức sai phạm kỷ luật, kỷ cương của ngành.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Hải quan đáp ứng yêu cầu quản lý trong điều kiện mới.

Cùng với sự hội nhập quốc tế sâu rộng của nền kinh tế và của ngành Hải quan, từ yêu cầu tự do hóa thương mại và các điều ước quốc tế về Hải quan mà Việt Nam là thành viên, sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử đang là một tất yếu, đặt ra thách thức không nhỏ đối với cơ quan Hải quan trong việc đảm bảo hành vi tuân thủ pháp luật về thuế. Yêu cầu cán bộ, công chức Hải quan có hiểu biết sâu rộng, có trình độ ngoại ngữ và trình độ sử dụng công nghệ thông tin tốt. Do đó, nâng cao năng lực của đội ngũ là yêu cầu cấp bách của toàn ngành Hải quan nói chung và của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 nói riêng.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng được yêu cầu quản lý thuế TTĐB trong điều kiện mới cần tập trung vào những biện pháp sau đây:

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của chức danh, ngạch, vị trí công việc, trong đó tập trung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chuyên sâu, chuyên trách, đào tạo các kỹ năng nghiệp vụ Hải quan phù hợp với yêu cầu cải cách, phát triển, hiện đại hoá ngành Hải quan và yêu cầu tái cơ cấu quy trình nghiệp vụ.

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện việc đào tạo nâng cao năng lực quản lý của cán bộ lãnh đạo các cấp. Đảm bảo cán bộ Hải quan được đào tạo am hiểu về quản lý Hải quan hiện đại, có kiến thức kỹ năng quản lý, hoạch định và điều hành thực hiện chiến lược của ngành, trình độ ngoại ngữ đủ để nghiên cứu tài liệu, giao tiếp.

- Đào tạo đội ngũ chuyên gia giỏi trong một số lĩnh vực. Đội ngũ chuyên viên làm công tác tham mưu nghiên cứu được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ chuyên sâu, có khả năng nghiên cứu, tham mưu, đề xuất, kiểm tra hướng dẫn trong lĩnh vực phụ trách, có kinh nghiệm thực tiễn, trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu nghiên cứu.

- Đào tạo đội ngũ cán bộ theo chuẩn hoá. Đội ngũ cán bộ nghiệp vụ thừa hành được đào tạo có kỹ năng sâu về lĩnh vực nghiệp vụ được phân công. Trình độ ngoại ngữ giao tiếp được đối với những công việc tiếp xúc với khách hàng nước ngoài hoặc yêu cầu nghiên cứu chuyên môn

PHẦN V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.

5.1. Kết luận

Trong khuôn khổ đề tài, tác giả đã cố gắng vận dụng lý luận và thực tiễn để đánh giá toàn diện thực trạng quản lý thuế NK tại Chi cục Hải quan KV3 giai đoạn 2013 - 2017 và dựa trên những quan điểm cơ bản cần quán triệt trong quản lý thuế XNK trong điều kiện hội nhập quốc tế để đề xuất các giải pháp cơ bản và kiến nghị

nhằm hoàn thiện công tác quản lý thuế XNK tại Chi cục Hải quan KV3 trong những năm tiếp theo. Trước yêu cầu đơn giản hoá thủ tục hải quan, áp dụng kỹ thuật quản lý rủi ro và ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến vào quản lý hải quan hiện đại, công tác quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu phải ngày càng được hoàn thiện nhằm chống gian lận thương mại, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đảm bảo thu NSNN mà vẫn quan tâm bảo vệ đến lợi ích của người nộp thuế, tạo được môi trường cạnh tranh bình đẳng trong cộng đồng doanh nghiệp. Đây là nhiệm vụ trọng tâm hiện nay của Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3. Với lý do đó, đề tài “***Giải pháp tăng cường quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3***” được thực hiện và đã hoàn thành được nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản sau:

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thuế xuất nhập khẩu, những vấn đề lý luận liên quan đến quản lý thuế của Chi cục, nội dung quản lý thuế xuất nhập khẩu, đưa ra chỉ tiêu đánh giá công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu

Luận văn làm rõ khái niệm về thuế xuất nhập khẩu, đặc điểm vai trò của thuế XNK trong nền kinh tế. Thuế xuất nhập khẩu có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp rất lớn đến hoạt động thương mại nói riêng và sự phát triển kinh tế nói chung. Nhưng có thể tóm tắt các vai trò của thuế xuất nhập khẩu ở: Đóng góp một phần to lớn vào nguồn thu của ngân sách nhà nước. Góp phần bảo hộ và khuyến khích sản xuất trong nước. Các nội dung quản lý thuế xuất nhập khẩu như: tổ chức đăng ký khai thuế, quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế, kiểm tra căn cứ tính thuế, tổ chức thu nộp thuế, giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt, Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế. Luận văn chỉ rõ các nhân tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu bao gồm nhân tố chủ quan và khách quan. Tham khảo, học hỏi kinh nghiệm quản lý thuế xuất nhập khẩu của một số nước và rút ra bài học cho Chi cục hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3 trong công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu.

- Thực trạng công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3, khảo sát các cán bộ trong Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 và phỏng vấn Ban lãnh đạo Chi cục về thực trạng công tác quản lý thuế nhập khẩu hiện nay.

Trên cơ sở đó tác giả đánh giá kết quả đạt được và những hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3.

Số thuế XNK có xu hướng tăng đều qua từng năm. Trong đó thuế nhập khẩu luôn chiếm tỷ trọng cao trên 50% trong tổng thu thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 cho thấy xu hướng nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất phục vụ sản xuất đều tăng cho thấy hoạt động sản xuất của thành phố đã đi vào ổn định, có nhu cầu tăng sản lượng, phản ánh rõ nét định hướng đúng đắn, kích thích sản xuất, thúc đẩy thu hút đầu tư, phát triển các ngành công nghiệp kỹ thuật cao của Hải Phòng trong thời gian qua đã phát huy hiệu quả. Bên cạnh đó thuế XK chiếm tỷ trọng rất nhỏ từ 3 đến 5%. Điều này cho ta thấy lượng hàng hóa xuất khẩu trong nước còn ít. Xuất khẩu tại Hải Phòng còn chưa xứng với tiềm năng, các doanh nghiệp trong nước nói chung và Hải Phòng nói riêng đông nhưng chưa mạnh.

Hiện cơ chế xác định giá tính thuế hàng XNK ở Việt Nam hoàn toàn dựa trên các nguyên tắc và phương pháp xác định trị giá tính thuế theo GATT/WTO. Cùng với đó là cơ chế tự kê khai, tự xác định trị giá tính thuế, qua đó bước đầu đã đạt được một số kết quả nhất định như: Tạo thông thoáng cho giao lưu thương mại, phù hợp với thông lệ quốc tế, thay đổi phương pháp quản lý của công chức Hải quan từ chỗ bị động mang tính áp đặt sang chủ động kiểm tra, kiểm soát việc tự khai báo của DN, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính, nâng cao ý thức tự giác khai báo của các DN - đây là phương pháp quản lý tiên tiến, hiện đại. Tuy nhiên, để góp phần ngăn chặn các hành vi gian lận thuế qua việc tự xác định trị giá tính thuế cần tiếp tục hoàn thiện và thiết lập hành lang pháp lý cho một số hoạt động hỗ trợ công tác kiểm tra, kiểm soát và xác định trị giá khai báo như: Trung cầu thẩm định giá tại các trung tâm thẩm định giá, sử dụng thông tin giá do cơ quan tham tán thương mại, cơ quan thương vụ thuộc sứ quán Việt Nam tại các nước cung cấp về giá FOB nước bán.

Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 đã phối hợp với Kho bạc nhà nước, Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Ngô Quyền và các Ngân hàng thương mại khác để thực hiện việc thu thuế bằng phương thức điện tử. Thường xuyên đối chiếu số liệu giữa các bên liên quan để kịp thời điều chỉnh thông tin nộp thuế và thông báo ngay cho doanh nghiệp khi DN nộp thuế chưa đúng tài khoản, chưa

đúng cơ quan thu, chưa đúng loại hình tờ khai. Kịp thời xử lý các khó khăn, vướng mắc để tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp.

Chi cục luôn theo dõi, thực hiện thanh khoản số tiền thuế DN đã nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan hải quan tại KBNN, các trường hợp quá 135 ngày kể từ ngày người nộp thuế đã nộp thuế chưa nộp hồ sơ thanh khoản thì làm thủ tục chuyển tiền vào NSNN theo quy định.

- Phân tích các nguyên nhân ảnh hưởng đến công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 như:

Một là, những hạn chế của đội ngũ CBCC và công tác tổ chức cán bộ. Số lượng CBCC chưa đủ do yêu cầu công tác phải thành lập thêm nhưng biên chế không được tăng thêm theo chính sách của Chính Phủ dẫn đến phải san sẻ công chức, điều chuyển giữa các chi cục.

Hai là, trang cấp cơ sở vật chất và hệ thống trang thiết bị kỹ thuật. Thực hiện công cuộc cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hải quan dựa trên phương pháp quản lý hải quan hiện đại theo hướng tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ và cam kết quốc tế, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin.

Ba là, việc hiện đại hóa các khâu nghiệp vụ quản lý thuế chưa tốt. Mặc dù đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử nhưng nhiều khâu trong công tác quản lý thuế vẫn chưa được áp dụng công nghệ một cách hiệu quả.

Bốn là, những bất cập về năng lực dịch vụ. Chưa có một cách nhìn mới về quản lý, chưa nhận thức cao trong việc cung cấp dịch vụ công trong lĩnh vực hải quan, chưa coi người nộp thuế là trung tâm nên chưa có các biện pháp quyết liệt để xây dựng quy chế cũng như chính sách về cung cấp dịch vụ công.

Năm là, công tác tuyên truyền chưa đem lại hiệu quả. Hình thức tuyên truyền còn đơn điệu, chủ yếu là thuyết trình phổ biến văn bản mới, số lượt được phổ biến hẹp, thời gian ngắn (tối đa là 01 ngày/01 Luật). Hình thức tuyên truyền qua mạng tuy đã có những bước đột phá, song còn đơn điệu, nghèo nàn.

Sáu là, chưa thu hút, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu. Chi cục luôn đặt ra mục tiêu cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ chế thông thoáng thu

hút doanh nghiệp và nuôi dưỡng nguồn thu nhưng công tác tổ chức thực hiện còn kém hiệu quả.

Bây là, những yếu kém trong công tác phối hợp với các đơn vị liên quan.

- Đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm tăng cường quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3. Các giải pháp cần được Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3 thực hiện một cách đồng bộ để công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại chi cục ngày càng hiệu quả trong thời gian tới cụ thể:

Tăng cường công tác tổ chức đăng ký, khai thuế

Tăng cường công tác quản lý thông tin về đối tượng nộp thuế

Tăng cường công tác kiểm tra căn cứ tính thuế

Tăng cường tổ chức thu, nộp thuế xuất, nhập khẩu

Tăng cường công tác giải quyết việc hoàn thuế, miễn thuế, không thu thuế, xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thuế

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Trên cơ sở phân tích lý thuyết, kinh nghiệm thực tiễn về quản lý thu thuế XNK, thực trạng quản lý thu thuế xuất, nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Hải Phòng KV3, luận văn đề xuất một số kiến nghị đối với Bộ ngành có liên quan nhằm tăng cường quản lý thu thuế XNK trong thời gian tới.

5.2.1. Kiến nghị với Bộ Tài chính

Hoàn thiện văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Hải quan, Luật thuế xuất khẩu, nhập khẩu. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về Hải quan hiện hành có những hạn chế, thiếu sót nhất định. Văn bản ban hành còn chậm hoặc còn thiếu, cụ thể: Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập số 107/2016/QH13 được ban hành ngày 06/4/2016, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2016, nhưng đến ngày 01/9/2016 Nghị định số 122/2016/NĐ-CP quy định về biểu thuế xuất khẩu, biểu thuế nhập khẩu mới được ban hành, hiện nay chưa có Thông tư hướng dẫn chi tiết mà được hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện ở rất nhiều các văn bản nhỏ, lẻ.

Luật quản lý thuế đã quy định cụ thể các biện pháp cưỡng chế thuế nhưng việc quy định tuân tự thi hành các biện pháp thì chưa khả thi. Mặt khác, luật cũng không qui định trách nhiệm và biện pháp chế tài trong trường hợp cơ quan chức năng không thực thi trách nhiệm hỗ trợ cơ quan hải quan. Biện pháp thứ 7 “Dừng làm thủ tục hải quan” là biện pháp dễ thực hiện. Tuy nhiên, biện pháp này lại không có hiệu quả đối với các doanh nghiệp đã ngưng hoạt động hoặc chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, sản xuất, gia công trong nước. Vì vậy, để linh hoạt trong việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế cho từng đối tượng nợ thuế một cách hiệu quả, Luật quản lý thuế nên giao thẩm quyền cho các Cục Hải quan địa phương xem xét tùy trường hợp nợ thuế cụ thể để áp dụng các biện pháp phù hợp và dừng lại ở biện pháp nào thu hồi được số nợ thuế, nợ phạt. Trong Danh mục hàng hóa xuất nhập khẩu, một số khái niệm còn chưa có sự thống nhất, mô tả hàng hóa chưa rõ ràng, điều này đã dẫn tới khó khăn trong việc phân loại hàng hóa. Theo Danh mục hàng hóa XNK Việt Nam thì mặt hàng “Máy ảnh kỹ thuật số” phân loại mã số 8525.80.39 “camera ghi hình ảnh - loại khác”. Như vậy, sẽ có sự bất cập do Danh mục giữ nguyên từ camera, không dịch sang tiếng Việt, gây hiểu sai về cách dịch từ này ra tiếng Việt giữa cơ quan Hải quan và DN. Tại Danh mục có nhiều cụm từ khó hiểu, như mặt hàng thép thuộc Chương 72, phần mô tả hàng hóa dùng cụm từ “gia công quá mức tạo hình, gia công quá mức cán nóng, gia công quá mức cán nguội”... việc mô tả như vậy khó khăn cho công tác phân loại hàng hóa vì không thể xác định được như thế nào là quá nóng, quá nguội, quá tạo hình...

Ngoài ra, Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Bên cạnh những tác động tích cực, hội nhập cũng làm xuất hiện những thách thức, ảnh hưởng tiêu cực cho công tác quản lý thuế (như dàn xếp tránh thuế, chuyển giá,...) đòi hỏi công tác quản lý thuế phải được tiếp tục hoàn thiện về thẩm quyền, kỹ năng, biện pháp quản lý. Việc hoàn thiện hệ thống các văn bản quản lý theo phương pháp quản lý rủi ro phải theo hướng đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong quản lý Hải quan và xuất phát từ yêu cầu nội luật hóa các cam kết quốc tế để thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập theo hướng ổn định, công khai, minh bạch, đảm bảo phù hợp với các Hiệp định và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã và đang ký kết (Hiệp định TPP, Hiệp định Việt Nam - EU,...), đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và cải cách hệ

thống thuế, hải quan theo các Chiến lược phát triển Hải quan Việt Nam đến năm 2020 đã được phê duyệt; tạo môi trường pháp lý, thủ tục hành chính đơn giản, thuận lợi cho đối tượng thi hành Luật. Hoàn thiện hệ thống quản lý dữ liệu có liên quan đến đối tượng nộp thuế, phục vụ hiệu quả cho công tác kiểm tra sau thông quan.

Trong quá trình phát triển, những năm gần đây công tác ứng dụng tin học của ngành Hải quan đã đạt được những tiến bộ đáng kể, như hệ thống phần mềm số liệu xuất nhập khẩu, phần mềm kế toán thuế KT559, KTTT phần mềm theo dõi xử phạt vi phạm hành chính về Hải quan, phần mềm giá tính thuế GTT02... và mới đây nhất là phần mềm thu thập thông tin phục vụ Kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro. Trong công tác quản lý các khoản thu thuế và các khoản thuế nợ đọng tại thời điểm hiện tại, các phần mềm Kế toán thuế KTTT và phần mềm thu thập thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan và quản lý rủi ro đã hỗ trợ có hiệu quả trong việc thu thập thông tin về các đối tượng nộp thuế. Tuy nhiên, quá trình triển khai thực hiện vẫn còn bất cập như: Việc cập nhật thông tin của các hệ thống còn chậm, trong khi đó các đối tượng nộp thuế luôn có những thay đổi, biến động liên tục (như thay đổi địa chỉ kinh doanh, địa chỉ liên lạc...); việc truyền, nhận số liệu nhiều lúc bị ngắt quãng, không liên tục, hiện tượng doanh nghiệp đã nộp đủ thuế tuy nhiên hệ thống vẫn báo chưa nộp còn xảy ra... Thực tế đó đòi hỏi ngành Hải quan phải quan tâm, đầu tư nâng cấp, cập nhật các hệ thống phần mềm đặc biệt phần mềm hỗ trợ công tác thu thuế, nhằm đảm bảo hiệu quả tốt nhất cho công tác thu thuế của ngành cũng như các đơn vị địa phương.

Về lâu dài, cần nghiên cứu xây dựng một đề án hệ thống dữ liệu thông tin thống nhất, đa chức năng ở trong ngành, hệ thống này không chỉ có những thông tin liên quan đến việc quản lý thông tin các đối tượng nộp thuế, hàng hoá xuất nhập khẩu, mà còn cung cấp những dữ liệu tổng hợp về lịch sử hoạt động của từng doanh nghiệp. Vì vậy, cần thiết phải tiếp tục hoàn chỉnh phần mềm hệ thống thông tin phục vụ kiểm tra sau thông quan, phục vụ công tác thu thuế, quản lý thông tin các đối tượng nộp thuế. Xây dựng thêm các phần mềm hỗ trợ riêng trong việc quản lý các đối tượng nộp thuế, kết nối với hệ thống quản lý thông tin của Tổng cục Thuế.

Nâng cấp các phần mềm hiện đang có, mở rộng hơn nữa dung lượng của kho dữ liệu và tốc độ đường truyền để đảm bảo hiệu suất trong giải quyết công việc. Kiến

ngộ Bộ Tài chính có văn bản trình Chính phủ giao cho một ngành làm đầu mối chủ trì xây dựng một cơ sở Dữ liệu thông tin về đối tượng nộp thuế tầm cỡ quốc gia để tất cả các bộ, ngành, địa phương có liên quan tùy theo quyền hạn, trách nhiệm có thể truy cập khai thác và cập nhật thông tin một cách kịp thời, đồng bộ. Tăng cường hợp tác với các bộ ngành và hợp tác quốc tế: Quản lý thu thuế XNK là một lĩnh vực phức tạp, liên quan đến nhiều ngành. Vì vậy lực lượng hải quan cần phải chủ động phối hợp chặt chẽ và thường xuyên với các ngành, các cấp đặc biệt là lực lượng Biên phòng, Công an, Thuế, Quản lý thị trường, với các cấp Ủy, chính quyền các địa phương trong việc trao đổi thông tin, tài liệu liên quan đến công tác KTSTQ.

Nhiều lô hàng chỉ có thể xác minh làm rõ trên cơ sở tiến hành xác minh tại nước ngoài nhờ vào sự trợ giúp của cơ quan Hải quan các nước trong khu vực và trên thế giới đã ký kết thỏa thuận hợp tác với Hải quan Việt Nam. Công tác này cần được triển khai nhanh chóng vừa phục vụ cho việc đấu tranh, kiểm tra các trường hợp phải xác minh ở nước ngoài vừa giao lưu học hỏi kinh nghiệm của Hải quan các nước theo định hướng: trao đổi thông tin; hợp tác, tranh thủ sự hỗ trợ về đào tạo nhân lực cho các cán bộ KTSTQ; hợp tác tranh thủ sự trợ giúp về kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, công nghệ.

5.2.2. Kiến nghị với Tổng cục Hải quan

Kiến nghị về xây dựng phần mềm Xây dựng phần mềm thống kê tập trung, tích hợp các phần mềm quản lý của ngành hiện đang sử dụng để đáp ứng yêu cầu quản lý. Xây dựng phần mềm hiện đại có tính ứng dụng cao, dễ tra cứu để khi tra cứu thông tin doanh nghiệp, hàng hoá hệ thống tự động kết nối với các phần mềm tương ứng. Nâng cấp Hệ thống thông quan tự động VNAAC/VCIS, có quá nhiều chỉ tiêu thông tin khó nhớ, nhiều thông tin liên quan đến tờ khai không được phép sửa rất vô lý mà trên thực tế là không ảnh hưởng đến thuế, đến chính sách mặt hàng dẫn đến phải huỷ tờ khai mở tờ khai thay thế, đối với những trường hợp doanh nghiệp đã nộp thuế sẽ mất rất nhiều thời gian để chuyển thuế sang tờ khai mới. Nâng cấp hệ thống GTT02 (hiện nay quá chậm, nhiều thời điểm không thể tra cứu được).

Một số chức năng của chương trình GTT02 cần phải nâng cấp, đổi mới. Ví dụ, chức năng 1.05: Cập nhật kết quả trị giá sau tham vấn. Sau khi tham vấn, công chức đã

nhập liệu “Chấp nhận trị giá theo phương pháp 1” đối với trường hợp Chấp nhận trị giá khai báo của doanh nghiệp. Tuy nhiên, sau khi cập nhật tại chức năng 1.12: Hoàn thành việc kiểm tra trị giá nhưng khi tra cứu giá đối với mặt hàng này hệ thống vẫn cảnh báo “hàng hoá có nghi vấn về mức giá - chuyển tham vấn”.

Kiến nghị về công tác nhân sự Đối với những vị trí công tác yêu cầu có trình độ, năng lực, kinh nghiệm đề nghị Tổng cục hải quan xem xét về thời gian luân chuyển hoặc cố định như công tác giá, mã, quản lý rủi ro tại cấp Chi cục. Cấp tài khoản truy nhập hệ thống cho toàn bộ các công chức làm công tác tiếp nhận có thể tra cứu được lược khai hàng hoá điện tử tại chương trình E_manifest, Quản lý rủi ro.

5.2.3. Kiến nghị đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công thương, Cục Thuế, Công an thành phố Hải Phòng

Các cơ quan cần tăng cường thực hiện Quy chế phối hợp, trao đổi, cung cấp thông tin để theo dõi, quản lý doanh nghiệp: Sở Kế hoạch - Đầu tư cung cấp thông tin về doanh nghiệp thành lập mới, quy mô và lĩnh vực ngành nghề kinh doanh; Cục Thuế cung cấp các thông tin về tình hình chấp hành sổ kế toán tài chính, phát hành và sử dụng hóa đơn, hoàn thuế giá trị gia tăng của các doanh nghiệp; Sở Công thương (Quản lý thị trường), Công an cung cấp thông tin về kết quả kiểm tra việc thi hành pháp luật và các chính sách, chế độ, thể lệ trong hoạt động thương mại trên thị trường, buôn lậu và kinh doanh trái phép. Như vậy, sẽ giúp cho các cơ quan thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, giúp cơ quan hải quan thu thập được các thông tin cần thiết về tình hình hoạt động của doanh nghiệp XNK, có những biện pháp nghiệp vụ thích hợp để kiểm tra, ngăn chặn các hành vi buôn lậu và gian lận thương, chống thất thu ngân sách nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ngô Mai Anh (2017), *Nội dung và nguyên tắc quản lý thuế*, đăng ngày 11/01/2017, từ <https://netlaw.vn/hoi-dap/noi-dung-va-nguyen-tac-quan-ly-thue-19122.html>, truy cập ngày 26/5/2018.
2. Mai Thi Vân Anh (2014), *Nhận diện các hành vi gian lận thuế xuất, nhập khẩu*, đăng ngày 13/10/2014, từ <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/phap-luat-kinh-doanh/nhan-dien-cac-hanh-vi-gian-lan-thue-xuat-nhap-khau-54516.html>, truy cập ngày 6/6/2018.
3. Bộ Tài chính (2010), *Quyết định số 1027//QĐ-BTC ngày 11/05/2010 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Hà Nội.
4. Bộ Tài chính (2009), *Thông tư số 79/2009/TT- BTC ngày 20/4/2009 hướng dẫn về thủ tục hải quan ; kiểm tra, giám sát hải quan ; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính, 2009. *Thông tư số 85/2009/TT- BTC ngày 29/8/2009 hướng dẫn việc phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu*. Hà Nội.
6. Bộ Tài chính (2010), *Thông tư hướng dẫn về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu*, Hà Nội.
7. Chính phủ (2011), *Nghị định số 149/2011/NĐ-CP ngày 08/12/2011 quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu*, Hà Nội.
8. Vũ Văn Cương (2012), *Pháp luật quản lý thuế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn. Luận án Tiến sĩ Luật học*, Đại học Luật Hà Nội.
9. Đặng Văn Dũng (2011), *Quản lý thu thuế XK, thuế NK tại Cục Hải quan thành phố Hải Phòng*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
10. Nguyễn Thu Hằng (2015), *Một số biện pháp hoàn thiện công tác quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục Hải quan cửa khẩu cảng Đình Vũ*, Đại học Hàng Hải Việt Nam.
11. Nguyễn Thị Phương Huyền (2008), *Kỹ thuật nghiệp vụ Hải quan và xuất nhập khẩu - Lý thuyết và tình huống ứng dụng*, Nxb Tài chính, Hà Nội.

12. Lục Đức Long (2015), *Quản lý thuế xuất nhập khẩu tại cục Hải quan Cao Bằng*, Đại học quốc gia Hà Nội.
13. Nguyễn Thị Liên, Nguyễn Văn Hiếu (2008), *Giáo trình Nghiệp vụ thuế*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
14. Nguyễn Chi Mai (2014), *Giáo trình thuế xuất nhập khẩu*, NXB Tài Chính.
15. Nghị Định 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Chính Phủ.
16. Luật số 21/2012/QH1 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11.
17. Quyết định 1366/QĐ-TCCB ngày 16/12/2001 của Tổng cục hải quan.
18. Quốc Hội (2006), *Điều 3, Nội dung quản lý thuế, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc Hội.*
19. Quốc Hội (2016), *Điều 2, Đối tượng chịu thuế, Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 do Quốc Hội ban hành.*
20. Quốc Hội (2016), *Điều 9, Thời hạn nộp thuế, Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 do Quốc Hội ban hành.*
21. Quốc Hội (2016), *Điều 8, Trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế, Luật thuế số 107/2016/QH13 ngày 6/4/2016 do Quốc Hội ban hành.*
22. Quốc Hội (2006), *Điều 4, Nguyên tắc quản lý thuế, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2016 do Quốc Hội ban hành.*
23. Quốc Hội (2012), *Điều 1, Sửa đổi bổ sung một số điều luật quản lý thuế, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 do Quốc Hội ban hành.*
24. Quốc Hội (2006), *Điều 69,70,92,93,116,118, Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2016 do Quốc Hội ban hành.*
25. Ths. Bùi Thái Quang (2014), *Nâng cao năng lực quản lý hải quan đối với thuế xuất, nhập khẩu ở Việt Nam, đăng ngày 12/08/2014, Báo Tổng Cục Hải quan*, Luận văn thạc sĩ Kinh tế. Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
26. Đỗ Hoàng Toàn và Mai Văn Bưu (2011), *giáo trình Quản lý Nhà nước về kinh tế Quảng Ninh*, Nhà xuất bản Lao động - Xã hội.
27. Tổng cục Hải quan (2009), *Quyết định 1171/QĐ-TCHQ ngày 15/6/2009 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành qui trình thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại*, Hà Nội.

28. Tổng cục Hải quan (2009), *Các qui định của Tổ chức thương mại Thế giới liên quan đến công tác Hải quan*, Tài liệu tập huấn.
29. Tổng cục Hải quan (2010), *Kỹ thuật quản lý rủi ro trong hoạt động Hải quan*, Tài liệu tập huấn.
30. Tổng cục Hải quan (2001), *Cộng đồng Doanh nghiệp cơ quan Hải quan và hiệp định trị giá GATT/WTO*, Tài liệu tập huấn.
31. Trần Thu Trang (2012), *Quản lý nhà nước trong lĩnh vực thuế XNK theo pháp luật Việt Nam. Luận văn thạc sĩ Luật học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.
32. Đỗ Văn Trung (2014), *Hoàn thiện quản lý thu thuế hàng hóa nhập khẩu tại Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ kinh tế. Đại học Thái Nguyên.
33. Lục Văn Trường (2016), *quản lý thuế xuất nhập khẩu ở một số nước và bài học cho Việt Nam*, từ :
<http://www.vjol.info/index.php/TC/article/viewFile/24359/20805>, mục Kinh tế-Tài Chính quốc tế, truy cập ngày 27/5/2018.
34. Trần Thị Oanh (2015), *Biện pháp tăng cường công tác thu thuế tiêu thụ đặc biệt tại Chi cục Hải quan Cửa khẩu Cảng Hải Phòng KV3*, Đại Học Hàng Hải Việt Nam.

Phụ lục 01

PHỤ LỤC PHIẾU ĐIỀU TRA PHIẾU KHẢO SÁT ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ

XIN ÔNG/BÀ VUI LÒNG DÀNH **KHOẢNG 10-15 PHÚT** ĐỂ HOÀN THÀNH PHIẾU KHẢO SÁT.

Tất cả thông tin trong Phiếu Khảo sát này sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật các thông tin mà Ông /bà cung cấp.

Mọi thắc mắc hoặc trao đổi, xin vui lòng gửi về: Mrs. Bùi Bích Ngọc

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học dân lập Hải Phòng;

THÔNG TIN CHUNG

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ DN:

Thông tin người được khảo sát:

Họ và tên:Năm sinh:

.....Nam/Nữ:.....

Chức vụ:

Điện thoại liên hệ:E-mail:

PHẦN A – TỔNG QUAN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Thời gian hoạt động của Doanh nghiệp tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3?(*chỉ chọn 1 phương án*)

- Ít hơn 5 năm Từ 5 đến 10 năm Từ 11 đến 20 năm
Trên 20 năm.

2. Số lượng lao động của Doanh nghiệp?(*chỉ chọn 1 phương án*)

- Từ 01 đến 49 lao động Từ 50 đến 99 lao động Từ 100 đến 199 lao động
 Từ 200 đến 299 lao động Từ 300 đến 499 lao động Từ 500
lao động trở lên.

3. Vốn điều lệ của Doanh nghiệp?(*chỉ chọn 1 phương án*)

- Dưới 100.000\$ Từ 500.000\$ đến 1.000.000\$
 Từ 100.000\$ đến 500.000\$ Từ 1.000.000\$ trở lên

4. Hình thức đầu tư của Doanh nghiệp?(*chỉ chọn 1 phương án*)

- Công ty liên doanh Công ty TNHH có vốn nước ngoài %
 Công ty Cổ phần
 Công ty TNHH một thành viên.

5. Loại hình kinh doanh của Doanh nghiệp?(chỉ chọn 1 phương án)

- Doanh nghiệp chế xuất
 Doanh nghiệp công nghiệp.
 Doanh nghiệp gia công,
 Doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu.

6. Ngành nghề hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp?(chỉ chọn 1 phương án)

- Cơ khí Dệt may –da giày
 Sản xuất vật liệu xây dựng Máy móc, thiết bị
 Công nghiệp hóa chất Điện tử- tin học
 Khác Thực phẩm

7. Diện tích mặt bằng sản xuất của Doanh nghiệp?(chỉ chọn 1 phương án)

- Dưới 1000 m² Từ 3000 đến 5.000 m²
 Từ 1000 đến 3000 m² Trên 5.000 m²

PHẦN B – TÌNH HÌNH NỘP THUẾ CỦA DN TẠI CHI CỤC HQCK CẢNG HẢI PHÒNG KV3

1. Đánh giá tình hình nộp thuế.

Tiêu chí	Tích chọn điểm đánh giá			
	1.Kém	2.Bình thường	3.Tốt	4.Rất tốt
1.Thủ tục hành chính				
2.Tình hình hỗ trợ người nộp thuế.				
3.Tình hình chi phí nộp thuế				
4. Thái độ ứng xử của công chức quản lý thuế				
5. Sự công bằng trong đối xử với người nộp thuế				
6. Sự đáp ứng thông tin về thuế				

7. Năng lực chuyên môn của công chức quản lý thuế				
8. Sự minh bạch của các thủ tục thuế				
9. Cơ sở vật chất				
10. Hệ thống xử lý dữ liệu, đường truyền				

2. Đánh giá tình hình thu hút thuế của Chi cục HQCK cảng Hải Phòng KV3

Chính sách	Kém	Bình thường	Tốt	Rất tốt
1. Thu hút nộp thuế				
2. Tạo điều kiện trong quá trình thực hiện thủ tục thuế				
3. Hoàn thuế				
4. Miễn thuế, không thu thuế, giảm thuế				
5. Thanh tra kiểm tra thuế				
6. Giải quyết khiếu nại về thuế				

3. Đánh giá mức độ hài lòng của đối tượng nộp thuế.

Tiêu chí	Hài lòng	Bình thường	Không hài lòng
1. Chất lượng về năng lực trình độ nghiệp vụ, chuyên môn của công chức quản lý thuế			
2. Thái độ ứng xử của công chức quản lý thuế			
3. Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị			
4. Hệ thống xử lý dữ liệu, đường truyền			
5. Thủ tục hành chính			
6. Chi phí thực hiện thủ tục thuế			
7. Các phí dịch vụ khác hỗ trợ người nộp thuế			

2. Đề xuất và kiến nghị khác.

.....
.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn sự hợp tác của Ông /bà.

Phụ lục 02

PHIẾU KHẢO SÁT DÀNH CHO CƠ QUAN HẢI QUAN

XIN ÔNG/BÀ VUI LÒNG DÀNH **KHOẢNG 10-15 PHÚT** ĐỂ HOÀN THÀNH
PHIẾU KHẢO SÁT.

Tất cả thông tin trong Phiếu Khảo sát này sẽ chỉ được sử dụng duy nhất cho mục đích
thống kê và nghiên cứu. Chúng tôi cam kết bảo mật các thông tin mà ông/bà cung cấp.

Mọi thắc mắc hoặc trao đổi, xin vui lòng gửi về: Mrs. Bùi Bích Ngọc

Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học dân lập Hải Phòng;

THÔNG TIN CƠ BẢN VỀ NGƯỜI PHỎNG VẤN

Họ và tên:.....Giới

tính:..... Nghề nghiệp:.....

..... Địa chỉ nhà

ở:.....

I. Hướng dẫn trả lời

Ông/bà vui lòng đánh dấu X vào ô mà mình lựa chọn. Các giá trị từ 1 đến 5 trên mỗi câu hỏi
tương ứng với mức độ đồng ý hoặc mức độ hài lòng tăng dần. Ý nghĩa các giá trị lựa chọn
như sau:

1	2	3	4	5
Rất thuận lợi	Thuận lợi	Bình thường	Không thuận lợi	Khó khăn

II. Bảng khảo sát

STT	Thang đo		Mức độ đánh giá				
			1	2	3	4	5
1. Đánh giá tình hình quản lý thuế	1	Hoạt động thu hút đối tượng nộp thuế					
	2	Hoạt động Thu thuế					
	3	Hoạt động Hoàn thuế					
	4	Hoạt động Miễn thuế, không thu thuế, giảm thuế					
	5	Hoạt động thanh tra, kiểm tra thuế					
	6	Hoạt động giải quyết khiếu nại về thuế					
	7	Hoạt động xử lý vi phạm về thuế					
	8	Hoạt động cưỡng chế, thi hành quyết định thuế					
	9	Hoạt động xóa nợ tiền thuế, tiền phạt					
	10	Hoạt động quản lý thông tin người nộp thuế					
2. Điều kiện quản lý thuế	1	Chính sách văn bản pháp luật của nhà nước					
	2	Hệ thống dữ liệu, công nghệ thông tin					
3. Sự đáp ứng đối tượng nộp thuế trong quá trình thực hiện thủ tục thuế	1	Thái độ ứng xử tận tình trong giao tiếp					
	2	Cung cấp đầy đủ thông tin về hoạt động thuế					
	3	Hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng nộp thuế trong hoạt động thuế					
	4	Đảm bảo sự công bằng đối với đối tượng nộp thuế					
4. Sự thỏa mãn của công chức làm việc	1	Chế độ làm việc					
	2	Điều kiện làm việc					
	3	Môi trường làm việc					
	4	Hệ thống dữ liệu công nghệ thông tin, hệ thống mạng					

III. Một số câu hỏi khác.

A, Tồn tại, hạn chế và những hiệu quả đạt được trong hoạt động quản lý thuế xuất nhập khẩu tại Chi cục HQCK cảng Hải Phòng

KV3.....

B, Nguyên nhân:.....

C, Kiến nghị:.....

IV. Một số thông tin cá nhân

Giới tính.

A. Nam B. Nữ

Tuổi đời ông (bà) thuộc nhóm nào?

- A. Dưới 25 B. Từ 25-34 C. Từ 34-44 D. Trên 45
- Trình độ học vấn, chuyên môn?*
- A. Trung cấp B. Cao đẳng C. Đại học trở lên

Cảm ơn ông/bà đã tham gia khảo sát!